



Save the Children

BỘ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM

GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO VỀ THỰC THI QUYỀN TRẺ EM



NXB Lao Động

Hà Nội, năm 2019



GIỚI THIỆU VỀ MSD

Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) là tổ chức khoa học công nghệ trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, thành lập theo quyết định thành lập số 216/QĐ-LHH ngày 05 tháng 3 năm 2008. **MSD** hướng tới một thế giới công bằng và bình đẳng, nơi các tổ chức xã hội đóng vai trò là các đối tác phát triển độc lập và hoạt động hiệu quả, nơi quyền của các tổ chức xã hội và quyền của các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương được đảm bảo và tôn trọng.

Là một tổ chức phi chính phủ Việt Nam, **MSD** nỗ lực hành động vì một môi trường phát triển thuận lợi cho sự phát triển của khối các tổ chức xã hội; thúc đẩy việc thực hiện quyền của các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương, đặc biệt là nhóm trẻ em, thanh niên, phụ nữ và người khuyết tật.

MSD hoạt động với khẩu hiệu **MSD** nỗ lực tạo ra các giá trị và đạt được những tác động địa phương tích cực. Chúng tôi làm việc trong các lĩnh vực độc đáo và khác biệt, nỗ lực đạt được hiệu quả, hiệu suất thông qua thúc đẩy văn hoá học hỏi, truyền cảm hứng và can thiệp sáng tạo

Các mục tiêu hoạt động của MSD bao gồm:

- ✧ Nâng cao năng lực - Xây dựng năng lực cho các tổ chức xã hội theo hướng hiệu quả phát triển
- ✧ Xây dựng quan hệ đối tác - Phát triển quan hệ đối tác toàn diện và hiệu quả giữa các tổ chức xã hội và với các đối tác phát triển khác
- ✧ Thúc đẩy trao quyền - Thúc đẩy môi trường phát triển thuận lợi cho các tổ chức xã hội để thực hành vai trò của họ cũng như tăng cường khả năng tự phát triển
- ✧ Can thiệp - Thúc đẩy việc thực hiện quyền của các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương, đặc biệt là nhóm trẻ em, thanh niên, phụ nữ và người khuyết tật.

MSD được công nhận là tổ chức tiên phong về điều phối, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ nâng cao năng lực cho các CSO tại Việt Nam về thúc đẩy Hiệu quả phát triển, Minh bạch và Trách nhiệm giải trình, Vận động Chính sách và Huy động nguồn lực. **MSD** cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp trong việc đáp ứng nhu cầu và bảo vệ quyền cho các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương tại Việt Nam thông qua đào tạo quyền con người và thực hiện các dự án thúc đẩy thực hiện quyền cho các nhóm trẻ em, thanh niên, phụ nữ và người khuyết tật. Hiện tại, MSD đang là tổ chức thư ký - điều phối, Ban điều hành của Liên minh hành động vì sự phát triển các tổ chức xã hội Việt Nam (CSA Việt Nam) và là sáng lập, điều phối Các sáng kiến của CSO về thúc đẩy Minh bạch và Trách nhiệm giải trình (CSO - TAI) đồng thời là thành viên của Hội giáo dục vì mọi người Việt Nam và Mạng Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam (CRnet). Ở cấp độ quốc tế, **MSD** là điều phối khu vực Đông Nam Á của Diễn đàn Đối tác CSOs vì Hiệu quả phát triển và là thành viên Ban điều hành mạng lưới di cư Mekong.

Thông tin chi tiết về tổ chức xin vui lòng xem thêm tại: www.msdivietnam.org

Biên soạn:
Ths. Hoàng Thu Trang

BỘ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM **GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO** **VỀ THỰC THI QUYỀN TRẺ EM**

Một sản phẩm của



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MSD)

Thông qua hỗ trợ tài chính của



Save the Children

Nhà xuất bản Lao Động

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế - xã hội đầy ấn tượng vào giữa những năm cuối thập niên 1990 và 2000, đã đạt được những thành tựu cụ thể trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và hiện đang bắt đầu bước vào giai đoạn mới thực hiện Các mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, cùng với đó là những thách thức lớn trong quá trình phát triển, điều này đã hạn chế việc thực hiện đầy đủ các Quyền của trẻ em cũng như sự phối, kết hợp giữa các thành phần trong xã hội nhằm đảm bảo việc thực thi các Quyền của trẻ em. Ủy ban LHQ về Quyền trẻ em (QTE) trong các kết luận quan sát từ năm 2012 thể hiện sự lo ngại *“về việc thiếu sự phối, kết hợp hiệu quả giữa các tổ chức xã hội (TCXH) và các cơ quan chính phủ trong việc thực thi đầy đủ các quyền của trẻ em”*.

Các TCXH đóng vai trò đối tác quan trọng với nhà nước và các bên liên quan trong việc thúc đẩy quyền và bảo vệ trẻ em (BVTE) ở Việt Nam thông qua các hoạt động hỗ trợ ở cấp cơ sở và vận động chính sách. Với kiến thức địa phương và liên kết cộng đồng vững chắc, các TCXH thể hiện cái nhìn sâu sắc và có khả năng tạo ra các tác động bền vững.

Do vậy, việc đảm bảo thực thi đầy đủ QTE, bảo vệ quyền và bảo QTE đòi hỏi nhiều TCXH tại Việt Nam có kiến thức đầy đủ trong lĩnh vực quản trị về QTE và BVTE. Dự án *“Tăng cường năng lực các TCXH về quản trị QTE”* nhằm bổ khuyết năng lực cho các TCXH tại Việt Nam, từ đó tăng cường năng lực và sự tham gia của các tổ chức này về Quản trị QTE tại Việt Nam. Chủ trì dự án là tổ chức Cứu trợ trẻ em Quốc tế (SCI) cùng với sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ Việt Nam tại ba miền Bắc, Trung, Nam. Dựa trên năng lực và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực trẻ em của mình, Trung tâm nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) là một trong những đối tác chính thực hiện dự án.

Một trong những nỗ lực trong dự án mà MSD phụ trách là xây dựng một bộ công cụ quản trị QTE nhằm góp phần vào việc nâng cao năng lực cho các TCXH tại Việt Nam. Bộ công cụ Quản trị QTE được xây dựng nhằm mục đích cung cấp những kiến thức cơ bản góp phần tăng thêm sự hiểu biết về Quản trị QTE. Đối tượng chính mà bộ công cụ hướng tới là các thành viên hoặc nhân viên của các TCXH, đặc biệt các tổ chức đang làm việc về/ với trẻ em.

Bộ công cụ được chia ra thành 4 quyển sổ tay với những chủ đề khác nhau, bao gồm:

Quyển 1: Sổ tay Quản trị Quyền trẻ em

Quyển này nhằm giới thiệu một cách cơ bản nhất về khái niệm, vai trò của quản trị QTE và các cấu phần của quản trị quyền, lồng ghép quản trị quyền trẻ em trong chiến lược và kế hoạch hoạt động của tổ chức.

Quyển 2: Sổ tay khung pháp lý về thực thi QTE ở Việt Nam

Quyển này cung cấp những thông tin cơ bản nhất về khung pháp luật quốc tế và của Việt Nam trong việc thực thi QTE. Ngoài ra, quyển này cũng giới thiệu phương pháp tiếp cận dựa trên quyền và vai trò của các TCXH được quy định trong các văn bản pháp luật.

Quyển 3: Sổ tay Giám sát và báo cáo về thực thi QTE

Quyển này cung cấp các thông tin liên quan đến cơ chế hoạt động và các cơ quan của LHQ làm việc về QCN bao gồm QTE; quy trình báo cáo việc thực thi QTE của quốc gia và các TCXH với những hướng dẫn cơ bản, thực tế và hữu ích về viết báo cáo.

Quyển 4: Sổ tay Vận động chính sách

Quyển này cung cấp những nội dung cơ bản nhất về kiến thức và kỹ năng vận động chính sách, chiến lược vận động chính sách và phương pháp, công cụ được sử dụng trong vận động chính sách về quản trị QTE.

Nội dung của những quyển sổ tay trong bộ tài liệu đan xen, liên quan mật thiết với nhau, độc lập tương đối trong thể thống nhất. Nội dung ở các quyển bổ sung và hỗ trợ với nhau, do đó, Ban biên soạn khuyến nghị nên sử dụng cả 4 quyển không nên tách rời.

Sổ tay **“Giám sát và báo cáo thực thi QTE”** là Quyển 3 trong bộ 4 quyển sổ tay về Quản trị QTE được phát triển dựa trên các nguyên tắc chuẩn và các tài liệu giới thiệu về quy trình báo cáo thực thi CRC. Sổ tay ra đời nhằm mục đích hỗ trợ và hướng dẫn cho các TCXH tại Việt Nam, bao gồm các cán bộ quản lý và nhân viên hiểu về quy trình báo cáo thực thi CRC và sự tham gia của các tổ chức xã hội trong việc báo cáo về tình hình thực thi CRC tại Việt Nam. Sổ tay giới thiệu một cách cơ bản nhất về quy trình báo cáo thực thi CRC gửi lên cho Ủy ban CRC, hình thức và nội dung của báo cáo về thực thi CRC của các tổ chức xã hội, báo cáo về QTE gửi đến các cơ quan làm việc về nhân quyền của UN và tầm quan trọng của việc giám sát thực thi CRC.

Chúng tôi hy vọng rằng độc giả sẽ tiếp tục tiếp nhận, sử dụng hiệu quả Quyển 3 này cùng với cả Bộ sổ tay trong việc thúc đẩy Quản trị QTE hiệu quả tại Việt Nam.

Để hoàn thành bộ sổ tay này, Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) xin trân trọng cảm ơn ban biên soạn và chỉnh sửa bộ tài liệu gồm có:

- Ths. Lê Quang Nguyên – Chuyên gia tư vấn – viết chính Quyển 1;
- Ths. Đặng Trần Anh Tuấn và Ths. Nguyễn Hải Anh – Chuyên gia tư vấn – viết chính và chỉnh sửa Quyển 2;

- Ths. Hoàng Thu Trang – Cán bộ quản lý Chương trình MSD – viết chính Quyển 3 và chỉnh sửa Quyển 1, Quyển 3;
- Ths. Nguyễn Phương Linh – Giám đốc điều hành MSD – viết chính và chỉnh sửa Quyển 4;
- Ths. Nguyễn Thị Bích Diệp – chuyên gia tư vấn – hiệu đính bộ sổ tay.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn các cán bộ Tổ chức Cứu trợ Trẻ em đã hỗ trợ kỹ thuật và kinh phí cho việc phát triển bộ sổ tay, các chuyên gia và đồng nghiệp đã tham gia và cung cấp thông tin đầu vào cho bộ sách.

Rất mong tiếp tục nhận được các ý kiến đóng góp của các Quý vị độc giả để hoàn thiện bộ sách cho các lần xuất bản tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn!

Thay mặt Ban biên soạn.



Ths. Nguyễn Phương Linh
Giám đốc điều hành MSD

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BVTE	Bảo vệ trẻ em
CSOs/ TCXH	<p>Tổ chức xã hội.</p> <p>Thuật ngữ “Tổ chức xã hội” trong bộ tài liệu “Quyền trẻ em” được hiểu là Khối các tổ chức xã hội (TCXH) được nhìn nhận là các tổ chức do dân tự nguyện lập ra, không nằm trong hệ thống bộ máy nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, tự chủ về tài chính tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoạt động vì mục đích phát triển và không vì lợi nhuận (MSD 2015). Đây là một lực lượng đóng góp cho sự phát triển, là một đối tác trong việc giải quyết các vấn đề về đói nghèo và các vấn đề bất bình đẳng trong xã hội. “<i>Khối các TCXH góp phần đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy đời sống của người dân tốt hơn, góp phần tạo ra sự thay đổi trong xã hội mà không nhằm đạt được quyền lực về mặt chính trị</i>” (Willis 2011; Van Rooy 2002; Veltmeyer 2012).</p>
CRC	Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em
CRG	Quản trị quyền trẻ em (Child Rights Governance)
GMIs	Những biện pháp thực hiện tổng thể (General Measures Implementation)
LOIPR	Danh sách những vấn đề cần làm rõ trước khi báo cáo (List of Issues Prior to Reporting).
MSD	Trung tâm nghiên cứu Quản lý và Phát triển bền vững
NGOs	Các tổ chức phi chính phủ. Trong tài liệu này, tổ chức phi chính phủ và tổ chức xã hội đôi lúc có thể được sử dụng thay thế lẫn nhau.
OHCHR	Văn phòng Cao uỷ Nhân quyền Liên hợp quốc
OP	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em

OPSC	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em
OPAC	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang
QCN	Quyền con người
QTE	Quyền trẻ em
Ủy ban CRC	Ủy ban quốc tế về Quyền trẻ em
UN/LHQ	Liên hiệp quốc (United Nations)
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc
UPR	Kiểm điểm Định kỳ Phổ quát

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	4
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	7
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG	12
PHẦN I: GIÁM SÁT THỰC THI QUYỀN TRẺ EM	14
1. Giám sát thực thi QCN	14
2. Giám sát thực thi quyền trẻ em	14
3. Tầm quan trọng của giám sát thực thi quyền trẻ em	15
4. Vai trò của TCXH trong giám sát thực thi quyền trẻ em	15
PHẦN II: CƠ CHẾ GIÁM SÁT NHÂN QUYỀN CỦA LHQ	17
1. Cơ chế thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em	17
2. Cơ chế giám sát nhân quyền của LHQ	18
2.1. Cơ chế giám sát căn cứ theo Hiến chương LHQ	20
2.2. Cơ chế giám sát căn cứ theo điều ước	26
2.3. Văn phòng Cao uỷ Nhân quyền (OHCHR)	31
PHẦN III: BÁO CÁO THỰC THI QUYỀN TRẺ EM	32
1. Báo cáo thực thi quyền trẻ em là gì?	32
2. Ai là người viết báo cáo?	32
3. Chu trình báo cáo Công ước về Quyền trẻ em	32
3.1. Báo cáo của Quốc gia thành viên	34
3.2. Báo cáo của các bên liên quan ngoài với nhà nước	37
3.3. Buổi họp trụ bị xem xét các báo cáo của các bên ngoài Nhà nước	39
3.4. Danh sách những vấn đề cần làm rõ (List of Issues)	44
3.5. Phản hồi bằng văn bản gửi tới cho Uỷ ban	45
3.6. Phiên họp toàn thể xem xét báo cáo của Quốc gia thành viên	45

3.7. Kết luận quan sát từ Ủy ban quốc tế về quyền trẻ em	47
3.8. Những hoạt động tiếp theo sau Kết luận của Ủy ban quốc tế về Quyền trẻ em	48

PHẦN IV: BÁO CÁO VỀ THỰC THI QUYỀN TRẺ EM CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI 50

1. Mục đích của báo cáo	50
2. Tên của báo cáo	50
3. Báo cáo chung của TCXH hay báo cáo riêng?	50
4. Hình thức của báo cáo	51
4.1. Hình thức trình bày của báo cáo	51
4.2. Độ dài của báo cáo	51
4.3. Ngôn ngữ	51
5. Tính bảo mật	52
6. Thời điểm nộp báo cáo	52
7. Gửi báo cáo	53
8. Nội dung báo cáo của TCXH	56
9. Quy trình viết báo cáo của TCXH	61

PHẦN V: CƠ CHẾ BÁO CÁO ĐƠN GIẢN HOÁ 75

1. Cơ chế báo cáo đơn giản hoá (Simplified Reporting Procedure) là gì?	75
2. Chu trình báo cáo CRC theo SRP	76
2.1. Quốc gia thành viên chấp nhận tham gia cơ chế báo cáo SRP	78
2.2. Báo cáo lần một của các bên liên quan ngoài nhà nước, bao gồm trẻ em cho Danh sách các vấn đề trước khi báo cáo (LOIPR)	78
2.3. Ủy ban CRC thông qua Danh sách các vấn đề trước khi báo cáo (LOIPR)	79
2.4. Quốc gia thành viên nộp báo cáo	80
2.5. Báo cáo lần hai của các bên liên quan ngoài nhà nước	80

2.6. Phiên họp trừ bị	80
2.7 Phiên họp toàn thể và kết luận quan sát	81
2.8. Những hoạt động tiếp theo sau Kết luận của Ủy ban quốc tế về QTE	81
3. Báo cáo theo chu trình báo cáo SRP	81
3.1. Báo cáo quốc gia	81
3.2. Báo cáo của các bên liên quan ngoài nhà nước	81
PHẦN VI: TỔ CHỨC XÃ HỘI GIÁM SÁT THỰC THI QUYỀN TRẺ EM Ở CẤP QUỐC GIA	84
1. Giám sát thực thi QTE ở cấp quốc gia	84
1.1. Vai trò của TCXH trong giám sát thực thi QTE	84
1.2. Tiến trình TCXH giám sát thực thi QTE tại quốc gia	84
PHỤ LỤC 1	97
PHỤ LỤC 2	112
TÀI LIỆU THAM KHẢO	124

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Cuốn sổ tay “**Giám sát và báo cáo về thực thi QTE**” là quyển 3 nằm trong bộ Quản trị QTE đóng góp vào việc nâng cao năng lực cho các TCXH tại Việt Nam.

Mục đích của cuốn sổ tay này nhằm cung cấp các thông tin cho các TCXH liên quan đến quy trình giám sát, báo cáo thực thi CRC cho Ủy ban CRC, cơ chế hoạt động và các cơ quan của LHQ làm việc về QCN bao gồm QTE. Qua đó, các TCXH có thể tham gia hiệu quả hơn trong việc đảm bảo thực thi đầy đủ QTE, và trong quá trình giám sát thực thi QTE.

Sổ tay được biên soạn như thế nào?

Sổ tay được biên soạn dựa trên kết quả các nghiên cứu và đúc kết kinh nghiệm hoạt động chuyên môn và thực tiễn của Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) và Tổ chức Cứu trợ trẻ em Quốc tế trong nỗ lực nâng cao năng lực cho các TCXH Việt Nam và thúc đẩy Quản trị QTE. Sổ tay cũng kế thừa một số các nghiên cứu và ấn phẩm liên quan đến QTE trong nước và trên thế giới, có thể áp dụng vào bối cảnh của Việt Nam và các TCXH Việt Nam. Ngoài ra, sổ tay còn có ý kiến đóng góp của các TCXH, chuyên gia về vận động chính sách, và các bên liên quan khác (cán bộ chính phủ, nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế, v, v.) nhằm đảm bảo tính thực tế và ứng dụng của sổ tay trước khi xuất bản.

Ai nên sử dụng sổ tay?

Sổ tay được biên soạn chủ yếu dành cho các TCXH Việt Nam và các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs) - gọi chung là các TCXH tại Việt Nam để tham gia Quản trị QTE hiệu quả nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng và hợp pháp của trẻ em. Những TCXH hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực trẻ em hoặc không làm việc trực tiếp nhưng có cam kết với việc bảo vệ trẻ em đều có thể sử dụng cuốn sổ tay này.

Cuốn sổ tay này cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và cho những cá nhân/ tổ chức quan tâm đến hoạt động về QTE tại Việt Nam.

Sổ tay gồm những nội dung gì? Cấu trúc sổ tay gồm 4 phần:

Phần 1: Giám sát thực thi QTE

Phần 2: Tìm hiểu về cơ chế giám sát QCN của LHQ;

Phần 3: Báo cáo thực thi QTE

Phần 4: Báo cáo về thực thi QTE của Tổ chức xã hội


Phần 5: Cơ chế báo cáo đơn giản hoá của Ủy ban QTE (SRP)

Phần 6: Tổ chức xã hội giám sát thực thi QTE ở cấp quốc gia

Sổ tay nên được sử dụng như thế nào?

Cuốn sổ tay có thể được các TCXH sử dụng để:

- Tự nâng cao năng lực cho tổ chức và áp dụng trong công tác Quản trị QTE và các công tác bảo vệ trẻ em nói chung khác;
- Nâng cao năng lực cho các TCXH khác hoặc các đối tác quan tâm đến Quản trị QTE;
- Tiếp tục quá trình học tập và nghiên cứu của tổ chức về Quản trị QTE;
- Các mục đích khác liên quan đến bảo vệ QTE.

 **Lưu ý:** Đây là ấn phẩm có sự đầu tư chuyên môn, công sức của Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD), do đó, khi các cá nhân/tổ chức sử dụng, trích dẫn các kiến thức trong tài liệu, đề nghị viện dẫn rõ nguồn tham khảo từ “Sổ tay Quản trị QTE” do Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) biên soạn và xuất bản lần đầu năm 2016, tái bản năm 2019.

PHẦN I: GIÁM SÁT THỰC THI QUYỀN TRẺ EM

1. Giám sát thực thi QCN

Giám sát thực thi QCN là hoạt động thu thập, kiểm chứng và sử dụng thông tin nhằm giải quyết các vấn đề về nhân quyền. Giám sát là một quá trình và diễn ra trong một khoảng thời gian. Giám sát thực thi QCN được thực hiện bởi nhiều bên bao gồm các cơ quan nhân quyền của LHQ, các TCXH.

Giám sát thực thi QCN của cơ quan LHQ bao gồm việc thu thập thông tin về các vấn đề, theo dõi các sự kiện, đến thăm các địa bàn và thảo luận với quốc gia để thu thập thông tin và đưa ra những biện pháp khắc phục hay đưa ra những bước theo dõi tiếp theo.

Cơ chế giám sát nhân quyền của LHQ bao gồm cơ chế dựa trên Hiến chương LHQ và cơ chế dựa trên Điều ước (phần sau sẽ trình bày chi tiết).

2. Giám sát thực thi QTE

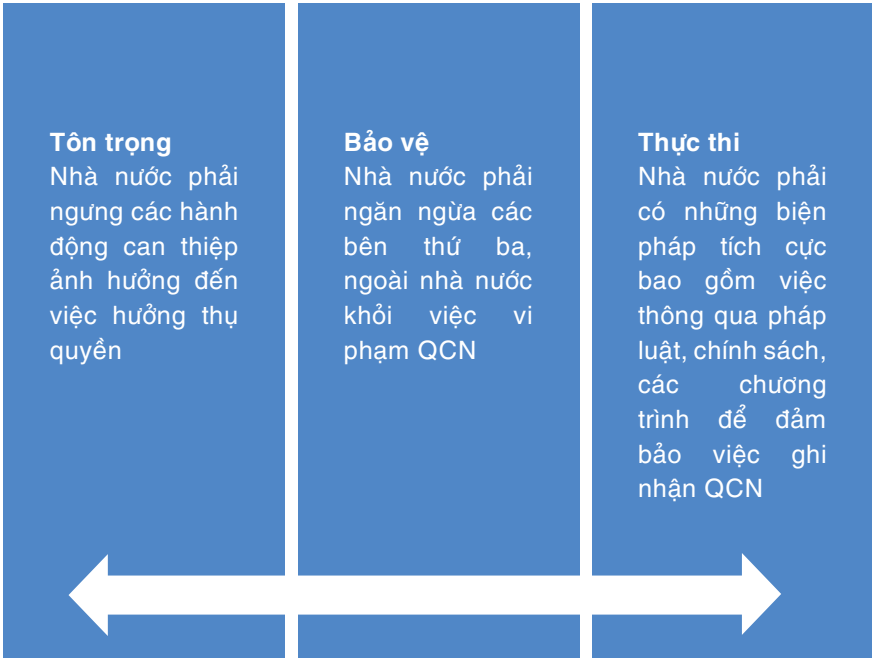
Giám sát thực thi QTE là việc giám sát nghĩa vụ của Nhà nước trong thực thi QCN trong đó có QCN nói chung và về QTE nói riêng. Giám sát thực thi QTE bao gồm giám sát (i) việc hiện thực hoá các cam kết; (ii) việc thực hiện các cam kết của Quốc gia; (iii) hiệu quả và tác động của các biện pháp được đưa ra trong thực tế.

Việc giám sát giúp tìm ra những khoảng trống trong việc xây dựng chính sách và thực thi chính sách, từ đó đưa ra những khuyến nghị cho Quốc gia. Việc này nhằm thúc đẩy Quốc gia thực hiện nghĩa vụ của mình tốt hơn, đưa ra những kế hoạch, chương trình phù hợp và cải thiện vấn đề QTE.

Giám sát thực thi QTE không phải là phương tiện để tố cáo những trường hợp vi phạm QTE. Thay vào đó, việc giám sát này nhằm mục đích thúc đẩy những hành động tích cực, thực thi những biện pháp, chương trình và chính sách hiệu quả để thực thi QTE một cách tốt nhất.

Giám sát thực thi QTE còn thúc đẩy và chia sẻ những thực hành tốt, đảm bảo những khuyến nghị của các cơ quan nhân quyền của LHQ được thực thi hợp lý trong thực tế.

Hình 1: Nghĩa vụ của Nhà nước liên quan đến QCN



3. Tầm quan trọng của giám sát thực thi QTE

Giám sát thực thi QTE đóng một vai trò quan trọng trong việc đưa ra những dữ liệu và thông tin để thúc đẩy xây dựng, thực thi chính sách và các chương trình phục vụ tốt hơn cho trẻ em. Giám sát cũng để đo lường sự thay đổi tích cực hoặc tiêu cực, hoặc nghĩa vụ thực thi QTE của Quốc gia.

Ngoài ra, hoạt động giám sát có chức năng kiểm soát và cảnh báo. Những thông tin và dữ liệu độc lập về tình hình thực thi QTE sẽ góp phần tăng nhận thức về những vi phạm QTE một cách có hệ thống, và đòi hỏi Nhà nước có những biện pháp giảm thiểu tình hình.

4. Vai trò của TCXH trong giám sát thực thi QTE

Các TCXH đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường nhận thức của cộng đồng về QTE. Công ước của LHQ về QTE (CRC) ghi nhận đóng góp của các tổ chức này bằng việc kêu gọi sự tham gia của họ vào tiến

trình giám sát và báo cáo. CRC là công ước đầu tiên quy định vai trò của các TCXH trong việc hỗ trợ Ủy ban CRC giám sát việc thực thi nghĩa vụ của quốc gia.

Mặc dù nhà nước đảm bảo rằng họ sẽ thực hiện các cam kết trong Công ước QTE (CRC) và khuyến nghị của Ủy Ban CRC, các TCXH cần thường xuyên giám sát và đánh giá việc thực thi này. Trong Bình luận chung số 5, Ủy ban CRC nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giám sát độc lập được thực hiện bởi các bên khác nhau ngoài Nhà nước.

PHẦN II: CƠ CHẾ GIÁM SÁT NHÂN QUYỀN CỦA LHQ

QTE là QCN, các vấn đề về QTE cũng là các vấn đề QCN được đề cập trong Tuyên ngôn phổ quát về QCN hay trong những điều ước về QCN (human rights treaties), cụ thể trong CRC.

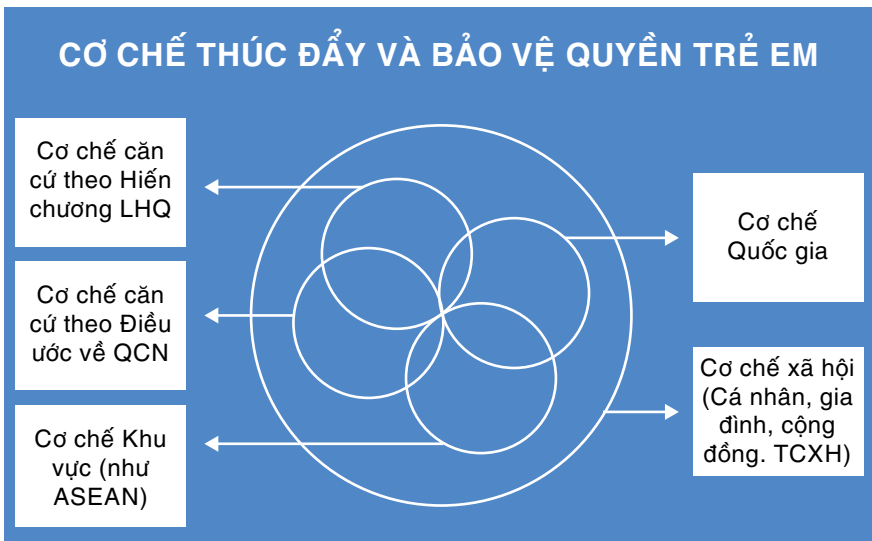
Vấn đề QTE của một quốc gia không chỉ nhận được sự lưu tâm của một mình Ủy ban QTE mà còn nhận được sự quan tâm của những cơ quan khác của LHQ, của Ủy ban của các điều ước khác (treaty bodies) khác. Ví dụ, khi tổ chức có thông tin về quyền của trẻ em nữ, thông tin này cũng có thể gửi tới Ủy ban về xoá bỏ mọi sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW) hay trong Kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR).

Việc hiểu về hệ thống các cơ chế giám sát nhân quyền của Liên hợp quốc giúp cho các TCXH chủ động cập nhật các vấn đề liên quan đến QTE ở cấp quốc tế thông qua nhiều công cụ khác thay vì chờ đến thời điểm viết và nộp báo cáo định kỳ về việc thực thi CRC.

1. Cơ chế thúc đẩy và bảo vệ QTE

QCN, bao gồm QTE, được bảo vệ và thúc đẩy bởi nhiều bên liên quan ở cấp quốc gia và quốc tế, trong đó Nhà nước, với tư cách là một quốc gia thành viên, là chủ thể có nghĩa vụ cao nhất.

Hình 2: Cơ chế thúc đẩy và bảo vệ QTE



Cơ chế thúc đẩy và bảo vệ QCN bao gồm:

(i) Cơ chế căn cứ theo Hiến chương LHQ;¹ bao gồm

☀ Hội đồng nhân quyền

☀ Kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR)

☀ Thủ tục đặc biệt gồm các nhóm làm việc, chuyên gia độc lập và báo cáo viên đặc biệt về các chủ đề và 12 quốc gia có vi phạm nhân quyền mang tính hệ thống

☀ Cơ chế khiếu nại

(ii) Cơ chế căn cứ theo điều ước về QCN của LHQ như Tuyên ngôn về QCN phổ quát và các điều ước nhân quyền khác;

(iii) Cơ chế khu vực: như cơ chế cấp khu vực ASEAN;

(iv) Cơ chế Quốc gia;

(v) Cơ chế xã hội: bao gồm cá nhân, gia đình, cộng đồng, các tổ chức xã hội ở cấp quốc gia và quốc tế;

Trong đó, cơ chế nhân quyền của LHQ bao gồm cơ chế dựa trên Hiến chương LHQ và Cơ chế dựa trên Điều ước về QCN của LHQ.

2. Cơ chế giám sát nhân quyền của LHQ

Cơ chế giám sát nhân quyền trong hệ thống của LHQ bao gồm cơ chế căn cứ theo Hiến chương của LHQ và các cơ quan dựa trên điều ước quốc tế về nhân quyền. Văn phòng cao uỷ Nhân quyền (OHCHR) có trách nhiệm làm thư ký và hỗ trợ cho các cơ quan này.

¹Vào ngày 26 tháng 6 năm 1945, Hiến chương Liên hợp quốc được ký kết đánh dấu mốc lịch sử của toàn cầu cho việc thành lập tổ chức Liên hợp quốc có vai trò là nền tảng cho việc kết nối, đối thoại và cùng hoạt động vì hoà bình giữa các quốc gia. Hiến chương Liên hợp quốc được coi như là hiến pháp của tổ chức liên chính phủ liên hợp quốc.

<https://unfoundation.org/blog/post/6-facts-charter-united-nations/>

Bảng 1: Tóm tắt cơ chế giám sát nhân quyền của LHQ²

Căn cứ theo Hiến Chương LHQ

A. Hội đồng Nhân quyền (Human Rights Council)

Là một cơ quan liên chính phủ thuộc hệ thống của Liên hợp quốc được thành lập vào năm 2006 theo Hiến chương của Liên hợp quốc,

A1. Kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) (Các quốc gia xem xét lẫn nhau)

A2. Thủ tục đặc biệt

Gồm các chuyên gia độc lập có trách nhiệm báo cáo hàng năm về tình hình nhân quyền của các quốc gia hay về các chuyên đề nhân quyền cần theo dõi

Nhiệm vụ theo các chuyên đề: như tự do biểu đạt ý kiến, Tự do hiệp hội và hội họp hoà bình, Nợ quốc tế, Mua bán trẻ em, v.v.;

Nhiệm vụ theo các quốc gia: như Campuchia, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên, Cộng hoà hồi giáo Iran, Myanma, v.v.

A3. Cơ chế khiếu nại

Căn cứ theo điều ước về nhân quyền của LHQ

B. Các Ủy ban

(Được thành lập bởi các uỷ ban quốc tế, bao gồm các chuyên gia độc lập theo các công ước hoặc nghị định thư không bắt buộc bổ sung)

- Ủy ban nhân quyền (CCPR)
- Ủy ban về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (CESCR)
- Ủy ban về xóa bỏ sự phân biệt chủng tộc (CERD)
- Ủy ban về xóa bỏ sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW)
- Ủy ban chống tra tấn (CAT)
- Tiểu uỷ ban về phòng ngừa tra tấn và các hình thức đối xử, hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (SPT)
- Ủy ban về Quyền trẻ em (CRC)
- Ủy ban về Người lao động di cư (CMW)
- Ủy ban về người khuyết tật (CRPD)
- Ủy ban về vấn đề mất tích cưỡng bức (CED)

C. Văn phòng cao uỷ Nhân Quyền (OHCHR)

Là một bộ phận của ban thư ký Liên hợp quốc, có nhiệm vụ hỗ trợ các cơ quan làm việc về nhân quyền của Liên hợp quốc như Hội đồng nhân quyền và các uỷ ban.

² <https://www.ohchr.org/en/hrbodies/Pages/HumanRightsBodies.aspx>

2.1. Cơ chế giám sát căn cứ theo Hiến chương LHQ

Đây là các cơ quan và cơ chế được thành lập theo Nghị quyết về các cơ quan chính của Liên Hợp dựa trên Hiến chương của LHQ. Hội đồng Nhân quyền (HRC) và các cơ quan và cơ chế trực thuộc Hội đồng được thành lập căn cứ theo Hiến chương LHQ.

Cơ chế giám sát căn cứ theo Hiến chương LHQ bao gồm Hội đồng nhân quyền; Kiểm định định kỳ phổ quát (UPR); Thủ tục đặc biệt của Hội đồng nhân quyền; và thủ tục khiếu nại của Hội đồng nhân quyền.

Hội đồng nhân quyền (Human Rights Council)

Hội đồng nhân quyền (HRC) là một cơ quan liên chính phủ thuộc hệ thống của LHQ được thành lập vào năm 2006 bởi Đại Hội đồng LHQ theo theo Hiến chương LHQ và thay thế cho Cao Ủy nhân quyền (Commission on Human Rights) được thành lập năm 1946.

Hội đồng Nhân quyền có trách nhiệm tăng cường việc thúc đẩy và bảo vệ QCN trên toàn cầu; giải quyết các trường hợp vi phạm nhân quyền và đưa ra những khuyến nghị về các trường hợp đó. Hội đồng có cơ chế thảo luận về mọi vấn đề và các trường hợp về nhân quyền đáng lưu ý trong một năm tại văn phòng LHQ ở Geneva, Thụy Sĩ.

Hội đồng bao gồm đại diện của 47 Quốc gia thành viên được lựa chọn bởi Đại hội đồng LHQ.

Kiểm định định kỳ phổ quát (UPR)

Kiểm định định kỳ phổ quát (UPR) là một quá trình đặc biệt xem xét các hồ sơ nhân quyền của tất cả 193 Quốc gia thành viên của LHQ với chu kỳ 4,5 năm một lần. Đây là cơ hội cho từng quốc gia thành viên công bố những nỗ lực của mình trong việc cải thiện tình hình nhân quyền tại quốc gia mình. UPR được thiết kế để đảm bảo tính công bằng cho mọi quốc gia.

Mục tiêu

UPR là một cơ chế của Hội đồng nhân quyền nhằm nhắc nhở Quốc gia thành viên về nghĩa vụ tôn trọng và thực thi nhân quyền. Mục tiêu của cơ chế này là nhằm cải thiện tình hình nhân quyền tại các quốc gia và giải quyết các vấn đề vi phạm nhân quyền trên thế giới. UPR cũng đánh giá những bước cải thiện và khó khăn của mỗi quốc gia trong quá trình thực thi, chia sẻ những thực hành tốt, từ đó khuyến khích các quốc gia thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và cam kết của mình.

Báo cáo

Có ba loại báo cáo cho từng kỳ xem xét với những thông tin sau:

- ⚙ Báo cáo của nhà nước: bao gồm những thông tin về các kết quả đạt được và những thực hành tốt, những khó khăn, thách thức cùng những ưu tiên quốc gia cho việc giải quyết những thiếu sót;
- ⚙ Báo cáo của các nhóm hoặc chuyên gia nhân quyền độc lập, hay thủ tục đặc biệt, các Ủy ban của các công ước nhân quyền và các cơ quan khác của Liên hợp quốc;
- ⚙ Báo cáo của các TCXH, gồm các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức nhân quyền quốc gia và các bên liên quan khác.

Phiên họp kiểm điểm với từng quốc gia

Hội đồng nhân quyền sẽ sắp xếp thời gian và tổ chức phiên họp kiểm điểm để xem xét báo cáo UPR của từng quốc gia và giám sát việc thực hiện những khuyến nghị trong kỳ kiểm định trước (nếu có). Phiên họp kiểm điểm với từng quốc gia diễn ra theo hình thức thảo luận tích cực.

Điều hành buổi họp là ba báo cáo viên (troika) thuộc ba quốc gia thành viên của Hội đồng. Quốc gia thành viên của LHQ tham dự phiên họp này đưa ra những câu hỏi, bình luận hay những khuyến nghị cho quốc gia được xem xét.

Phiên họp toàn thể

Sau buổi họp, một báo cáo kết quả buổi họp, trong đó đề cập đến những điều được thảo luận trong buổi họp bao gồm các câu hỏi, bình luận hay những khuyến nghị dành cho Quốc gia được kiểm điểm cũng như những phản hồi từ Quốc gia đó. Báo cáo kết quả buổi họp sẽ được Nhóm làm việc UPR xem xét thông qua và sẽ được trình lên Hội đồng nhân quyền tại Phiên họp toàn thể.

Trong phiên họp toàn thể, Quốc gia có thể trả lời hoặc đưa ra những phản hồi cho những câu hỏi hay những vấn đề chưa được xử lý thỏa đáng trong quá trình kiểm điểm trước đó. Trong phiên họp này các quốc gia quan sát viên, các TCXH, các bên liên quan khác có thể đưa ra thông điệp, bình luận của mình.

Hội đồng sẽ quyết định liệu rằng có đưa ra những hoạt động theo dõi tiếp theo hay không hoặc khi cần thiết dựa trên những khuyến nghị.

Vai trò của TCXH trong quá trình UPR

- ☀ TCXH gửi báo cáo về tình hình nhân quyền của bất kỳ quốc gia thành viên LHQ. Vì thế, TCXH có thể đưa ra vấn đề theo điều ước quốc tế, những vấn đề được nêu trong Hiến chương LHQ, Tuyên ngôn nhân quyền phổ quát của LHQ và những công cụ nhân quyền khác mà quốc gia là thành viên như những cam kết của quốc gia, và luật nhân đạo quốc tế. Vì thế, vấn đề liên quan đến QTE, không chỉ được đề cập trong báo cáo của TCXH về thực thi QTE tại quốc gia mình mà có thể được đưa vào báo cáo UPR.
- ☀ Khác với những báo cáo của những điều ước khác, TCXH phải gửi báo cáo của mình trước khi nhà nước gửi báo cáo của mình. Do đó, TCXH không thể phản hồi về những quan điểm của nhà nước trong báo cáo của mình, tuy nhiên TCXH có cơ hội đưa ra những vấn đề cần được thảo luận, hoặc bày tỏ quan điểm trong buổi họp phiên toàn thể. Tên của TCXH nộp báo cáo được công khai;
- ☀ Báo cáo UPR của TCXH không cần phải đề cập đến tất cả các quyền, thay vào đó, những vấn đề nhân quyền chính, quan trọng nên được ưu tiên, bao gồm cả vấn đề QTE.
- ☀ TCXH chia sẻ thông tin trong báo cáo của mình với các quốc gia thành viên khác, Nhóm làm việc UPR;
- ☀ TCXH tham gia và quá trình tham vấn quốc gia cho việc viết báo cáo UPR;
- ☀ TCXH và các bên liên quan khác có thể tham gia vào phiên họp toàn thể do Hội đồng nhân quyền tổ chức;
- ☀ TCXH đưa ra những khuyến nghị và tuyên bố của mình trong quá trình Hội đồng nhân quyền phê chuẩn và quyết định đưa ra báo cáo;
- ☀ TCXH phổ biến thông tin về UPR và những cam kết thực hiện của Nhà nước;
- ☀ TCXH giám sát và tham gia cùng thực hiện những cam kết của Nhà nước theo những khuyến nghị được đưa ra sau kỳ kiểm điểm.

Tham khảo thêm tại:

https://www.upr-info.org/sites/default/files/general-document/pdf/upr_factsheet_2_ngo_submission_e.pdf

<http://www.ohchr.org/en/hrbodies/upr/pages/uprmain.aspx>

Hướng dẫn cho các bên liên quan viết UPR:

<http://www.ohchr.org/Documents/HRBodies/UPR/TechnicalGuideEN.pdf>

Việt Nam tham gia UPR

Đến nay, Việt Nam đã trải qua ba kỳ báo cáo UPR. Phiên họp xem xét UPR lần thứ nhất của Việt Nam diễn ra vào ngày 8 tháng 5 năm 2009. Phiên họp xem xét UPR kỳ thứ hai của Việt Nam diễn ra vào tháng 01 năm 2014. Kỳ báo cáo UPR lần thứ ba của Việt Nam diễn ra vào ngày 22 tháng 01 năm 2019.

Hình 3: Khung thời gian cho kỳ kiểm định vòng 3 của TCXH³

Giai đoạn giám sát	Giai đoạn tham vấn quốc gia	TCXH viết dự thảo báo cáo	Vận động
Báo cáo giữa kỳ (2016)			

Phiên họp UPR chu kỳ lần 2 (2014)

Tham vấn Quốc gia (2017)

Dự thảo báo cáo (3/2018)

TCXH Nộp báo cáo (12/7/2018)

UPR kỳ thứ 3 (22/01/ 2019)

Thủ tục đặc biệt (Special procedure)

Thủ tục đặc biệt là tên gọi chung của các cơ chế nhằm giải quyết các vấn đề nhân quyền tại một số quốc gia cụ thể (country mandates) hoặc các vấn đề nhân quyền chuyên đề tại tất cả các nơi trên thế giới (thematic mandates). Thủ tục đặc biệt bao gồm các chuyên gia nhân quyền độc lập, hoạt động theo hình thức cá nhân (báo cáo viên đặc biệt) hay hình thức nhóm làm việc, có nhiệm vụ báo cáo và tư vấn về tình hình nhân quyền tại quốc gia hay lãnh thổ đặc biệt (nhiệm vụ theo quốc gia) hay các vấn đề nhân quyền cần quan tâm trên thế giới (nhiệm vụ theo chuyên đề). Tính đến ngày 01 tháng 8 năm 2017, thủ tục đặc biệt bao gồm 44 chuyên đề và 14 quốc gia cần theo dõi đặc biệt.

Thủ tục đặc biệt là yếu tố quan trọng của bộ máy nhân quyền của LHQ và bao phủ mọi vấn đề nhân quyền: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, dân sự. Thủ tục đặc biệt là cơ chế duy nhất để cảnh báo cộng đồng

³ Nguồn <https://www.upr-info.org/en/review/Viet-Nam>

quốc tế về những vấn đề nhân quyền, hay để giải quyết các vấn đề nhân quyền tại mọi nơi trên thế giới mà không đòi hỏi mọi quốc gia phê chuẩn các công cụ nhân quyền.

Các hoạt động trong khuôn khổ của thủ tục đặc biệt bao gồm: viếng thăm các quốc gia, trao đổi với Quốc gia về các trường hợp nhân quyền bị vi phạm và những lo ngại liên quan đến hệ thống; thực hiện các nghiên cứu chuyên đề và tổ chức các buổi tham vấn chuyên gia; tham gia vào vận động và nâng cao nhận thức; và tư vấn kỹ thuật cho những hợp tác.

Báo cáo hàng năm với những phát hiện và khuyến nghị liên quan đến vấn đề nhân quyền được trình lên Hội đồng nhân quyền, và một số sẽ được trình lên Đại hội đồng.

Việt Nam và thủ tục đặc biệt

Các chuyến viếng thăm quốc gia được thực hiện để đánh giá về tình hình nhân quyền ở cấp độ quốc gia, theo yêu cầu của báo cáo viên đặc biệt hoặc chuyên gia độc lập, chính phủ sẽ gửi thư mời đến thăm quốc gia.

Từ năm 1998 đến nay, 8 chuyến viếng thăm của báo cáo viên đặc biệt và chuyên gia độc lập đã được thực hiện nhằm đánh giá về tình hình nhân quyền liên quan đến các vấn đề: tự do tôn giáo, nợ quốc tế, nhóm thiểu số, đói nghèo, sức khỏe, quyền văn hoá, thực phẩm.

Báo cáo viên đặc biệt đã gửi những yêu cầu hay lời nhắc về các cuộc viếng thăm Việt Nam vào năm 2018 liên quan đến chủ đề nô lệ, giáo dục, chất thải độc hại, quyền về nước và vệ sinh; và năm 2019 liên quan đến vấn đề khuyết tật. Tuy nhiên, cho đến thời điểm tháng 12 năm 2018, chưa một lời đề nghị nào được Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

Tham khảo thêm về các chuyến viếng thăm Việt Nam tại:

https://spinternet.ohchr.org/_Layouts/SpecialProceduresInternet/View-CountryVisits.aspx?Lang=en&country=VNM

Cơ chế khiếu nại (Complaint procedure)

Cơ chế khiếu nại được thành lập nhằm giải quyết các vi phạm về nhân quyền và tự do cơ bản xảy ra ở bất kỳ đâu trên thế giới và trong bất cứ hoàn cảnh nào một cách nhất quán và đáng tin. Cơ chế này bảo mật và thúc đẩy sự hợp tác với các Quốc gia. Cơ chế khiếu nại mới được cải thiện, khi cần thiết, để đảm bảo rằng cơ chế này là vô tư, khách quan, hiệu quả, hướng đến nạn nhân và được tiến hành kịp thời.

Cơ chế này giải quyết những thông tin được cung cấp bởi các cá nhân, nhóm hay các tổ chức phi chính phủ gửi. Đó có thể là nạn nhân của các vi phạm nhân quyền hay có những bằng chứng trực tiếp đáng tin cậy về việc vi phạm nhân quyền.

Hình 4: Các cơ chế nhân quyền của LHQ



2.2. Cơ chế giám sát căn cứ theo điều ước

2.2.1. Công ước và Nghị định thư tùy chọn bổ sung

Hiện có 9 công ước quốc tế của LHQ về QCN bao gồm:

- i. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (CCPR)
- ii. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (CESCR)
- iii. Công ước quốc tế về loại bỏ mọi hình thức biệt chủng tộc (CERD)
- iv. Công ước về quyền của người khuyết tật (CRPD)
- v. Công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)
- vi. Công ước về QTE (CRC)
- vii. Công ước chống tra tấn, hạ nhục và đối xử vô nhân đạo (CAT)
- viii. Công ước chống mất tích cưỡng bức (CED)
- ix. Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả người lao động di cư và thành viên của gia đình họ (CMW)

Thông thường, cùng với công ước là những nghị định thư tùy chọn bổ sung (Optional Protocol - OP) nhằm đưa ra những cơ chế liên quan đến công ước hoặc nhằm giải quyết một vấn đề được đề cập trong công ước. Bản thân OP là điều ước nhân quyền độc lập và đòi hỏi các quốc gia ký, gia nhập và phê chuẩn. Các quốc gia là thành viên của công ước chính thường sẽ ký, gia nhập và phê chuẩn tham gia OP. Cơ chế giám sát và báo cáo đối với nghị định thư tùy chọn bổ sung tương tự với công ước chính mà quốc gia tham gia.

Hiện có các OP sau:

- i. Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị (cho phép khiếu nại cá nhân) (CCPR-OP1);
- ii. Nghị định thư Tùy chọn thứ hai bổ sung cho Công ước quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, hướng đến xoá bỏ hình phạt tử hình (CCPR-OP2-DP);
- iii. Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước Quốc tế về Các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (cho phép khiếu nại cá nhân) (CESCR-OP).
- iv. Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước về Xóa bỏ Phân biệt đối xử với Phụ nữ (cho phép khiếu nại cá nhân và điều tra) (CEDAW-OP);

- v. Nghị định thư Tùy chọn về sự liên quan của trẻ em trong xung đột vũ trang, bổ sung cho Công ước QTE (CRC-OP-AC);
- vi. Nghị định thư Tùy chọn về buôn bán trẻ em, mại dâm và khiêu dâm trẻ em, bổ sung cho Công ước QTE (CRC-OP-SC);
- vii. Nghị định thư Tùy chọn về cơ chế khiếu nại cá nhân, bổ sung cho Công ước QTE (CRC-OP-IC);
- viii. Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước chống Tra tấn và các biện pháp trừng phạt hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục (thiết lập các cơ chế giám sát trong nước và quốc tế) (CAT-OP);
- ix. Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước về Quyền của Người Khuyết tật (cho phép khiếu nại cá nhân) (CRPD-OP).

Việt Nam phê chuẩn, tham gia các công ước và nghị định thư tùy chọn bổ sung

“9 công ước nhân quyền được giám sát bởi các Ủy ban Công ước Nhân quyền quy định những nghĩa vụ pháp lý đối với các Nhà nước trong việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền. Khi một Nhà nước chấp thuận một công ước nhân quyền thông qua việc phê chuẩn hoặc tham gia một công ước, Nhà nước đó trở thành một thành viên với công ước này và có nghĩa vụ pháp lý đối việc thực thi các quyền quy định trong công ước này.”⁴

Như vậy, khi Nhà nước Việt Nam phê chuẩn hoặc tham gia một công ước, Việt Nam trở thành thành viên của công ước đó và có nghĩa vụ pháp lý đối với việc thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền nói chung và đặc biệt thực thi những quyền quy định trong công ước đó.

Tính đến năm 2018, Việt Nam hiện đã phê chuẩn và là thành viên của 7 công ước, và chưa phê chuẩn 2 công ước là Công ước chống mất tích cưỡng bức (CED) và Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả người lao động di cư và thành viên của gia đình họ (CMW).

Liên quan đến Công ước chống tra tấn, hạ nhục và đối xử vô nhân đạo (CAT), Việt Nam bảo lưu điều 20 của Công ước liên quan đến cơ chế điều trần (inquiry procedure).

⁴ Làm việc cùng Chương trình nhân quyền Liên hợp quốc: Sổ tay cho xã hội dân sự

Bảng 2: Tóm tắt các công ước, nghị định thư tùy chọn bổ sung của LHQ và sự tham gia của Việt Nam

Công ước/ Nghị định thư tùy chọn bổ sung	Việt Nam phê chuẩn, gia nhập
Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (CCPR)	24/9/1982
Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị (cho phép khiếu nại cá nhân) (CCPR-OP1)	Chưa phê chuẩn
Nghị định thư Tùy chọn thứ hai bổ sung cho Công ước quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, hướng đến xóa bỏ hình phạt tử hình (CCPR-OP2-DP)	Chưa phê chuẩn
Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (CESCR)	24/9/1982
Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước Quốc tế về Các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (cho phép khiếu nại cá nhân) (CESCR-OP)	Chưa phê chuẩn
Công ước quốc tế về loại bỏ mọi hình thức biệt chủng tộc (CERD)	9/6/1982
Công ước về quyền của người khuyết tật (CRPD)	5/2/2012
Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước về Quyền của Người Khuyết tật (cho phép khiếu nại cá nhân) (CRPD-OP)	Chưa phê chuẩn
Công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)	17/2/1982
Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước về Xóa bỏ Phân biệt đối xử với Phụ nữ (cho phép khiếu nại cá nhân và điều tra) (CEDAW-OP)	Chưa phê chuẩn
Công ước về QTE (CRC)	28/2/1990
Nghị định thư Tùy chọn về sự liên quan của trẻ em trong xung đột vũ trang, bổ sung cho Công ước QTE (CRC-OP-AC)	20/12/2001

Công ước/ Nghị định thư tùy chọn bổ sung	Việt Nam phê chuẩn, gia nhập
Nghị định thư Tùy chọn về buôn bán trẻ em, mại dâm và khiêu dâm trẻ em, bổ sung cho Công ước QTE (CRC-OP-SC)	20/12/2001
Nghị định thư Tùy chọn về cơ chế khiếu nại cá nhân, bổ sung cho Công ước QTE (CRC-OP-IC)	Chưa phê chuẩn
Công ước chống tra tấn, hạ nhục và đối xử vô nhân đạo (CAT)	5/2/2015 Bảo lưu Điều 20
Nghị định thư Tùy chọn bổ sung cho Công ước chống tra tấn và các biện pháp trừng phạt hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục (thiết lập các cơ chế giám sát trong và ngoài nước) (CAT-OP)	Chưa phê chuẩn
(Công ước chống mất tích cưỡng bức (CED)	Chưa phê chuẩn
Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả người lao động di cư và thành viên của gia đình họ (CMW)	Chưa phê chuẩn

2.2.2. Các Ủy ban theo Công ước

Ủy ban của từng công ước gồm những chuyên gia độc lập có trách nhiệm giám sát việc thực hiện công ước đó. Những ủy ban này được thành lập theo các điều khoản được nêu trong từng công ước.

Tính đến thời điểm hiện tại, có 9 ủy ban theo 9 công ước đã đề cập ở trên và thêm một tiểu ủy ban về ngăn chặn tra tấn (SPT).

Chức năng giám sát chính của các ủy ban này bao gồm:

- ⚙ Xem xét những báo cáo định kỳ của các quốc gia thành viên về việc thực thi những công ước và nghị định thư tùy chọn bổ sung (nếu có) mà quốc gia phê chuẩn hay gia nhập;
- ⚙ Tiếp nhận và xem xét những khiếu nại của cá nhân;
- ⚙ Điều tra bí mật;
- ⚙ Chuyển thăm đến quốc gia mà ở đó, các cá nhân có thể bị tước tự do để ngăn chặn tra tấn (chỉ đối với Tiểu ban về ngăn chặn tra tấn).

Cách thức làm việc

Ngoài nghĩa vụ pháp lý thực hiện các điều khoản đã được quy định trong các công ước, mỗi quốc gia thành viên có trách nhiệm nộp báo cáo định kỳ về việc thực hiện của mình. Các Ủy ban Công ước sẽ xem xét những báo cáo này dưới sự có mặt của đại diện quốc gia, bao gồm các thông tin được cung cấp bằng văn bản và các thông tin trao đổi bằng lời trong quá trình xem xét báo cáo. Ủy ban cũng xem xét đến những thông tin cung cấp bởi các cơ quan LHQ, trẻ em, các TCXH, bao gồm cả các tổ chức phi chính phủ, các hội nghề nghiệp và các viện, v.v...

Dựa trên quá trình này, Ủy ban sẽ đưa ra một văn bản “Kết luận quan sát” đề cập đến những khía cạnh tích cực trong việc thực thi công ước của quốc gia thành viên và những khuyến nghị dành cho quốc gia đó.

Ngoài việc xem xét báo cáo của các quốc gia thành viên, Ủy ban còn thi hành những chức năng khác để tăng cường việc thực thi công ước như tiếp nhận và xem xét những khiếu nại hay đối thoại với các cá nhân hoặc nhóm người cho rằng quyền của họ đã bị quốc gia thành viên xâm phạm. Một số cơ quan có cơ chế dành cho những khiếu nại và tranh chấp liên quốc gia.

Ủy ban theo công ước có thể tổ chức những buổi thảo luận chuyên đề về những vấn đề đặc biệt để đưa ra những hướng dẫn trong việc thực thi công ước.

Ủy ban đưa ra các bình luận chung (general comment, general recommendation) nhằm diễn giải cho các điều khoản, chuyên đề hoặc cách thức làm việc được đề cập trong công ước. Bình luận chung cũng làm rõ nghĩa vụ báo cáo của Quốc gia thành viên dựa trên những điều khoản cụ thể và gợi ý những cách tiếp cận để thực hiện các điều trong công ước. Bình luận chung là phần đi kèm và không tách rời khỏi công ước.

2.2.3. Ủy ban QTE

Ủy ban QTE (Ủy ban CRC) là một trong 9 Ủy ban theo công ước, thực hiện chức năng giám sát việc thực thi QTECRC và các nghị định thư tùy chọn bổ sung của Công ước.

Ủy ban CRC bao gồm 18 chuyên gia độc lập được lựa chọn bởi các quốc gia thành viên đảm bảo, sự phân bổ về mặt địa lý, đại diện của những hệ thống luật pháp. Các thành viên trong Ủy ban CRC làm việc trong nhiệm kỳ bốn năm và có thể được bầu lại. Điều 43 của CRC quy định cụ thể về tố chất của thành viên của Ủy ban.

Ủy ban CRC chỉ nhận và xem xét các báo cáo của các quốc gia đã phê chuẩn hoặc tham gia vào CRC và/ hoặc Nghị định thư tùy chọn bổ sung (OPs).

Để xem xét quá trình quốc gia thành viên thực hiện các điều trong CRC, Ủy ban họp tại Geneva, Thụy Sĩ, 3 lần/năm, mỗi lần trong 4 tuần. Trong đó, 3 tuần dành cho phiên họp toàn thể với đại diện quốc gia, và một tuần là cho phiên họp trừ bị với các cơ quan LHQ, TCXH, trẻ em... để chuẩn bị cho phiên họp toàn thể.

Cách tiếp cận của Ủy ban CRC là không đối đầu và nỗ lực thúc đẩy các quốc gia thành viên tham gia vào cuộc đối thoại mang tính xây dựng nhằm có được những đánh giá chính xác.

Giám sát thực thi QTE

Ủy ban CRC giám sát việc thực thi CRC thông qua việc yêu cầu Quốc gia thành viên gửi báo cáo. Ủy ban CRC sẽ xem xét những nỗ lực của quốc gia thành viên trong việc thực hiện CRC và các khuyến nghị của kỳ báo cáo trước đó do Ủy ban đưa ra. Nói cách khác, quá trình báo cáo được coi là một phần của quá trình giám sát liên tục việc thực thi QTE. Chu trình báo cáo thực hiện QTE sẽ được trình bày cụ thể ở phần sau.

Một điều lưu ý rằng Ủy ban CRC không giám sát hành vi cụ thể của cá nhân, cha mẹ hay người chăm sóc, và không nhận những ý kiến than phiền từ công dân của các quốc gia. Bên cạnh những báo cáo định kỳ, trong quá trình giám sát của mình, Ủy ban CRC cũng có thể yêu cầu thêm thông tin hoặc những báo cáo bổ sung.

Các TCXH có vai trò trong việc cung cấp cho Ủy ban CRC những thông tin chi tiết, đáng tin cậy để Ủy ban có thể đưa ra những đánh giá độc lập, khách quan và chính xác về những tiến bộ và những khó khăn trong việc thực thi QTE. Ủy ban CRC mong muốn nhận được những thông tin về các lĩnh vực mà báo cáo của nhà nước chưa đề cập hoặc thông tin chưa đầy đủ, chưa chính xác.

2.3. Văn phòng Cao uỷ Nhân quyền (OHCHR)

Văn phòng Cao uỷ Nhân quyền hoạt động nhằm cung cấp chuyên môn và hỗ trợ quá trình giám sát QTE trong hệ thống LHQ.

Một bộ phận chuyên trách cho Hội đồng nhân quyền và các điều ước, hay ban thư ký, của Văn phòng cao uỷ nhân quyền (OHCHR) có nhiệm vụ hỗ trợ các uỷ ban theo điều ước và cơ quan nhân quyền thuộc Hội đồng nhân quyền.

PHẦN III: BÁO CÁO THỰC THI QUYỀN TRẺ EM

1. Báo cáo thực thi QTE là gì?

Như đã đề cập ở phần trước, quá trình báo cáo là một phần của quá trình giám sát thực thi QCN nói chung, và QTE nói riêng. Báo cáo thực thi QTE có thể nằm trong quá trình giám sát thực thi QCN của LHQ dựa theo điều ước hoặc dựa theo hiến chương.

Trong khuôn khổ của cuốn tài liệu này, phần này chỉ tập trung đề cập đến quá trình báo cáo thực thi QTE trong quá trình giám sát của Ủy ban CRC.

Báo cáo thực thi QTE là một phần của quá trình Ủy ban CRC giám sát nghĩa vụ của Quốc gia thành viên trong việc thực thi CRC. Ủy ban CRC tiếp nhận và xem xét báo cáo của quốc gia thành viên 2 năm kể từ ngày phê chuẩn công ước (báo cáo lần đầu) và sau đó, báo cáo định kỳ tiếp theo diễn ra 5 năm một lần.⁵

Quá trình này bao gồm việc Quốc gia thành viên viết báo cáo, gửi cho Ủy ban CRC, Ủy ban CRC xem xét thông tin trong báo cáo và những nguồn thông tin khác, đặt câu hỏi và đưa ra những kết luận cùng những khuyến nghị cho Quốc gia thành viên. Quốc gia thành viên cần phải có những hành động để cải thiện tình hình dựa trên những kết luận cùng những khuyến nghị của Ủy ban CRC đưa ra.

2. Ai là người viết báo cáo?

Quốc gia thành viên có nghĩa vụ pháp lý trong việc thực thi và báo cáo việc thực thi CRC.

Bên cạnh đó, **các cơ quan của UN, các TCXH** trong và ngoài nước, **cá nhân**, trẻ em, hay nhóm ngoài nhà nước có thể gửi báo cáo lên Ủy ban CRC để cập nhật tình hình Nhà nước đã bảo vệ, tôn trọng QTE như thế nào.

3. Chu trình báo cáo Công ước về QTE

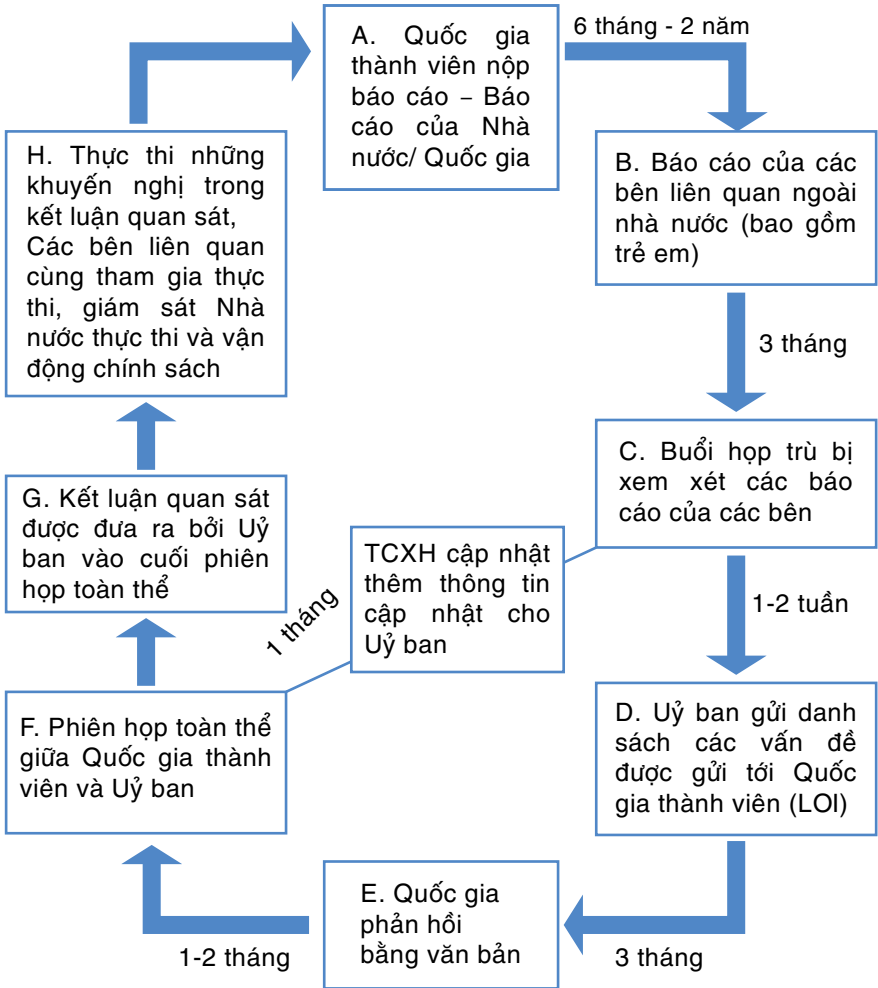
Ủy ban CRC giám sát việc thực thi CRC của Quốc gia thành viên thông qua việc đến thăm trực tiếp quốc gia đó hoặc yêu cầu Quốc gia nộp báo cáo. Một chu trình báo cáo bắt đầu khi Ban thư ký nhận báo cáo bằng bản mềm của Quốc gia qua email. Bảng sau miêu tả quá trình báo cáo

⁵ Điều 44 của CRC

của Ủy ban CRC là một tiến trình đòi hỏi sự tham gia của Nhà nước và các bên liên quan⁶.

Chu trình báo cáo kéo dài trong 2 năm kể từ khi quốc gia phê chuẩn (báo cáo lần đầu), và 5 năm kể từ báo cáo lần thứ hai trở đi.

Hình 5: Chu trình báo cáo thực thi CRC



⁶ Phỏng theo tài liệu của Child Rights Connect.

3.1. Báo cáo của Quốc gia thành viên

Theo điều 44 của CRC, Quốc gia thành viên phải “*công bố rộng rãi những báo cáo tại quốc gia mình*”, chính vì thế các thành phần ngoài nhà nước có thể tiếp cận báo cáo của Quốc gia và những tài liệu khác.

Quốc gia nộp báo cáo thực thi QTE là thể hiện cam kết của mình đối với CRC. Quốc gia sẽ tự mình xây dựng quá trình báo cáo, quá trình này là cơ hội để Quốc gia tự đánh giá công việc thực thi CRC thông qua xem xét khung pháp lý của quốc gia, các chính sách và hoạt động thực tế. Ủy ban CRC nhấn mạnh rằng quá trình viết báo cáo của Quốc gia nên mở rộng và có sự tham gia. Quốc gia nên tham vấn các thành phần ngoài nhà nước bao gồm trẻ em, TCXH về tình hình thực thi CRC của quốc gia và các thách thức trong thực tế.

Các bên liên quan ngoài nhà nước có thể cung cấp thông tin, dữ liệu của mình với chính phủ dựa trên những kinh nghiệm thực tế làm việc với trẻ em. Tuy nhiên, chính phủ là người đưa ra quyết định cuối cùng về nội dung được đề cập trong báo cáo.

Báo cáo của Quốc gia thành viên được hoàn thiện bằng một trong sáu ngôn ngữ chính thức của UN. Báo cáo bao gồm bản cứng và bản mềm qua email được gửi đến ban thư ký của Ủy ban CRC tại Văn phòng cao uỷ Nhân quyền LHQ (OHCHR) tại Geneva.

Loại báo cáo

Báo cáo của Quốc gia gửi cho Ủy ban gồm hai loại báo cáo, (i) tài liệu tổng quan (common core document) và (ii) báo cáo chi tiết liên quan đến công ước (treaty-specific report).

Báo cáo tổng quan là một phần không thể tách rời của các báo cáo trình cho Ủy ban theo các hướng dẫn. Văn bản này bao gồm thông tin tổng quát về Quốc gia; khung tổng thể để bảo vệ và thúc đẩy QCN; và thông tin về sự không phân biệt đối xử, bình đẳng cũng như các biện pháp khắc phục hiệu quả. Báo cáo này không được vượt quá 42,400 từ.⁷ Nói chung, thông tin trong báo cáo tổng quan không được lặp lại trong báo cáo chi tiết trình lên Ủy ban.

Cuốn tài liệu này chỉ tập trung đến báo cáo chi tiết với quy định không vượt quá 21,200 từ.

Thời hạn nộp báo cáo

Quốc gia thành viên phải nộp báo cáo đầu tiên sau 2 năm kể từ khi quốc gia đó phê chuẩn CRC và CRC có hiệu lực; báo cáo định kỳ tiếp theo diễn ra 5 năm một lần.

⁷Theo Nghị quyết 68/268 của Đại hội đồng (khoản 16)

Thời gian cụ thể cho lần báo cáo tiếp theo được đề cập trong khổ cuối của Kết luận quan sát và được đưa vào lịch làm việc của Ủy ban CRC.

Nếu Quốc gia không nộp báo cáo đúng thời gian được nêu ra trong Báo cáo kết luận, việc xem xét báo cáo của Ủy ban CRC sẽ bị lùi lại đến khi Ủy ban CRC nhận được báo cáo. Ủy ban CRC sẽ không lên lịch xem xét nếu không có báo cáo của quốc gia thành viên.

Thời hạn nộp báo cáo và cập nhật tình hình của báo cáo được đăng tải tại trang điện tử của OHCHR: https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/TreatyBodyExternal/countries.aspx?CountryCode=VNM&Lang=EN

Hình 6: Tình hình báo cáo thực thi QTE của Việt Nam:

1992

Năm 1992, Việt Nam đã gửi báo cáo đầu tiên về thực thi quyền trẻ em lên Ủy ban CRC theo đúng cam kết, báo cáo đầu tiên được gửi sau 2 năm kể từ khi phê chuẩn CRC
Trong kỳ báo cáo này, không có sự tham gia và đóng góp của các TCXH bao gồm các tổ chức quốc tế.



2000

2000: Việt Nam gửi báo cáo thứ 2 cho thời gian từ 1993 - 1998. Như vậy, báo cáo của Việt Nam đã chậm hơn 3 năm so với quy định của CRC. Điều này dẫn đến việc xem xét báo cáo của Việt Nam chậm thêm 3 năm (2003).
Tương tự như lần báo cáo trước, báo cáo của TCXH Việt Nam không xuất hiện trong dữ liệu tài liệu của Ủy ban



2009

2009: Việt Nam gửi báo cáo thứ 3 cho giai đoạn báo cáo từ 2002 - 2007. Báo cáo của Việt Nam chậm hơn 1 năm so với quy định của CRC. Điều này dẫn đến việc xem xét báo cáo của Việt Nam chậm thêm 3 năm (2012);
Trong kỳ báo cáo này, đã có sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ quốc tế tại Việt Nam và tại quốc gia khác, báo cáo của họ đã được gửi lên Ủy ban CRC;
Sự tham gia của TCXH Việt Nam chưa rõ rệt;
Chưa có báo cáo nào do các TCXH Việt Nam chuẩn bị và gửi lên Ủy ban CRC.

2017

1/9/2017 là hạn nộp báo cáo cho lần thứ 4 của Việt Nam cho chu kỳ 5 và 6 Nhà nước chưa nộp báo cáo đúng hạn



2018

17/12/2018 Nhà nước nộp báo cáo cho chu kỳ 5 và 6 cho Ủy ban

Như vậy, theo dõi việc báo cáo của Việt Nam về thực thi QTE cho thấy có những giai đoạn không có báo cáo (từ 1999 đến 2001). Ngoài ra, sự tham gia của các TCXH Việt Nam vào quá trình báo cáo về thực thi QTE vẫn còn mờ nhạt.

Nội dung báo cáo của Quốc gia

Nội dung trong báo cáo của Quốc gia đề cập đến những nỗ lực đang thực hiện, những thành tích và những thách thức trong quá trình thực thi CRC. Đặc biệt, quốc gia nên cung cấp những thông tin cụ thể trong việc thực hiện những khuyến nghị của Ủy ban CRC trong Kết luận quan sát của Ủy ban CRC của kỳ báo cáo trước đó.

Nội dung chi tiết yêu cầu được đề cập trong báo cáo quốc gia được hướng dẫn bởi Ủy ban CRC. Xem thêm phụ lục 1 về hướng dẫn của Ủy ban CRC về nội dung báo cáo được thông qua năm 2014 và công bố năm 2015.

Hộp 1: Nhóm vấn đề trong báo cáo của Quốc gia (trích lược từ hướng dẫn của Ủy ban CRC cho các quốc gia thành viên về báo cáo thực thi QTE năm 2015)

Phần 1. Những biện pháp thực hiện tổng thể (điều. 4, 42, 44, khổ 6 trong CRC)

Phần 2. Định nghĩa về trẻ em (điều 1)

Phần 3. Những nguyên tắc chung (điều 2, 3, 6 và 12)

Phần 4. Những quyền dân sự và tự do (điều 7, 8, và 13 - 17)

Phần 5. Bạo lực với trẻ em (điều 19, 24 khổ 3, 28 khổ 2, 34, 37 (a) và 39)

Phần 6. Môi trường gia đình và chăm sóc thay thế (điều 5, 9 - 11, 18 khổ 1 và 2, 20, 21, 25 và điều 27 khổ 4)

Phần 7. Trẻ em khuyết tật, chăm sóc y tế và phúc lợi cơ bản (điều 6, 18 khổ 3, 23, 24, 26, 27 khổ 1-3, và 33)

Phần 8. Giáo dục, giải trí và những hoạt động văn hoá (điều 28 - 31)

Phần 9. Những biện pháp bảo vệ đặc biệt (điều 22, 30, 32, 33, 35, 36, 37 (b) - (d), và 38 - 40)

Phần 10: Những nội dung cần báo cáo liên quan đến Nghị định thư không bắt buộc về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em

Phần 11: Những nội dung cần báo cáo liên quan đến Nghị định thư không bắt buộc về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang

Sự tham gia của TCXH vào báo cáo về thực thi CRC của Quốc gia

- ⚙ TCXH rà soát các báo cáo của quốc gia nộp lên các cơ quan của LHQ. Thông thường, Quốc gia thường không công khai báo cáo thực thi CRC gửi cho Ủy ban CRC tại quốc gia mình, mặc dù đã được yêu cầu theo điều 44 của CRC, TCXH có thể yêu cầu thông tin về báo cáo. Nếu việc nộp báo cáo bị hoãn, TCXH cũng có thể yêu cầu được biết lý do;
- ⚙ TCXH cũng có thể tìm thấy báo cáo của Quốc gia mình gửi cho LHQ trên website của OHCHR và có thể công bố rộng rãi nội dung báo cáo theo đường link sau: http://tbinternet.ohchr.org/_layouts/TreatyBodyExternal/countries.aspx?CountryCode=VN-M&Lang=EN
- ⚙ Trong quá trình viết báo cáo, cơ quan chịu trách nhiệm viết báo cáo của Nhà nước có thể tham vấn với các TCXH, TCXH nên tham gia và đưa ý kiến, tuy nhiên, cơ quan nhà nước vẫn có quyền quyết định về nội dung trong báo cáo của mình.

3.2. Báo cáo của các bên liên quan ngoài với nhà nước

Ủy ban CRC sử dụng thông tin trong báo cáo về thực thi CRC của các TCXH bao gồm các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức của trẻ em và báo cáo của các cơ quan UN, của trẻ em để đối chiếu với báo cáo thực thi CRC của Quốc gia. Điều quan trọng rằng Ủy ban CRC nhận được những thông tin cụ thể, đáng tin cậy từ các bên liên quan ngoài để đưa ra những đánh giá độc lập và toàn diện về thành tích hoặc những khó khăn trong quá trình thực thi QTE của Quốc gia.

Trẻ em ngày càng đóng vai trò chủ động trong quá trình báo cáo về CRC. Quan điểm của trẻ em không chỉ được đưa vào những báo cáo của TCXH mà giờ đây trẻ em đang ngày càng chủ động trong việc chuẩn bị báo cáo của chính mình gửi lên Ủy ban CRC dưới các hình thức vẽ tranh, video hay các hình thức khác.

Trong bình luận chung số 12 về Quyền được lắng nghe của trẻ, Ủy ban CRC đã chính thức công nhận những tổ chức do trẻ em lãnh đạo và sự đại diện của trẻ vào quá trình báo cáo.


Bình luận chung số 19 đề cập “*Ủy ban CRC chào đón những báo cáo bằng văn bản và những thông tin bằng lời nói của các tổ chức của trẻ em và đại diện của trẻ em được gửi tới Ủy ban CRC trong quá trình giám sát và thực thi QTE của Nhà nước. Ủy ban CRC khuyến khích Quốc gia thành viên và TCXH hỗ trợ trẻ em thể hiện quan điểm của mình với Ủy ban CRC*”.

Hộp 2: Sự tham gia của trẻ em vào báo cáo thực thi QTE

Quan điểm của trẻ em có thể được gửi tới Ủy ban CRC dưới những hình thức khác nhau như bản báo cáo, nghiên cứu của trẻ em với trẻ em, phim, trường hợp điển cứu, hình minh họa, tờ rơi, v.v. Trẻ em nên được khuyến khích thể hiện quan điểm, chính kiến của mình và đưa ra những khuyến nghị để việc thực thi QTE tốt hơn ở đất nước mình. Bình luận chung số 12 đề cập đến những tiêu chuẩn cơ bản cho sự tham gia hiệu quả, có đạo đức và có ý nghĩa trong quá trình giám sát và báo cáo. Ủy ban CRC cũng xây dựng phương thức làm việc cho sự tham gia của trẻ để hướng dẫn trẻ và các tổ chức hỗ trợ trong việc tham gia vào quá trình báo cáo.

UNICEF: cùng với các cơ quan khác của LHQ đóng góp vào buổi đối thoại của Ủy ban bằng cách cung cấp báo cáo về tình hình của trẻ em tại Quốc gia đó và về các chương trình hợp tác giữa UNICEF và Quốc gia thành viên. Những thông tin của UNICEF cho Ủy ban đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo Ủy ban hiểu chính xác về tình hình của trẻ em sống tại quốc gia đó, do đó, đảm bảo Kết luận Quan sát của Ủy ban phù hợp với bối cảnh của quốc gia đó. Bên cạnh nhiệm vụ nộp báo cáo cho Ủy Ban, UNICEF còn có vai trò trong việc thúc đẩy việc thực thi CRC và hỗ trợ và thúc đẩy quốc gia thành viên thực thi CRC trong thực tế. Đồng thời, UNICEF hỗ trợ Quốc gia hoàn thành nghĩa vụ báo cáo của mình. Sự hỗ trợ của UNICEF trong quá trình báo cáo diễn ra ở tất cả các giai đoạn của chu trình báo cáo và với nhiều đối tác khác nhau gồm nhà nước và các TCXH dân sự.⁸

⁸ Điều 45 của CRC

 **Lưu ý:** Nghĩa vụ của UNICEF không phải để giám sát thực thi CRC. Đây là công việc của riêng Ủy ban CRC - cơ quan giám sát mức độ Nhà nước thực hiện nghĩa vụ của mình như thế nào theo CRC. Tuy nhiên, nhiệm vụ của Ủy ban cũng đồng thời là đánh giá mức độ các tổ chức quốc tế, gồm UNICEF, hỗ trợ Quốc gia thành viên.⁹

TCXH: Báo cáo của các TCXHTCXH nên được gửi sau báo cáo của Quốc gia. Những báo cáo của TCXH độc lập với báo cáo của Quốc gia. Nếu quốc gia mời và tham vấn TCXH đưa ra những thông tin đóng góp cho báo cáo, TCXH vẫn cần viết báo cáo của riêng mình.

Xem thêm phần IV về hướng dẫn viết báo cáo của TCXH.

3.3. Buổi họp trừ bị xem xét các báo cáo của các bên ngoài Nhà nước

Phiên họp trừ bị là một cuộc họp kín của Ủy ban CRC với những người tham gia vào báo cáo của các bên liên quan ngoài nhà nước bao gồm TCXH và cả trẻ em do Ủy ban CRC mời. Phiên họp này nằm trong lịch trình chính thức của Liên hợp quốc và được công bố trên website của Ủy ban CRC. Hình thức của buổi họp là hỏi - đáp và kéo dài 2,5 giờ cho một Quốc gia. Một buổi họp bắt đầu từ 10 giờ sáng đến 12.30 hoặc từ 15 giờ chiều đến 17.30. Thời gian có thể kéo dài hơn nếu đó là báo cáo kết hợp giữa báo cáo CRC và báo cáo nghị định thư tùy chọn bổ sung.

Sau khi xem xét những báo cáo của các bên liên quan ngoài nhà nước và sau phiên họp trừ bị gặp gỡ đại diện của những báo cáo do Ủy ban CRC mời, Ủy ban CRC sử dụng những thông tin trong buổi họp này trong quá trình chuẩn bị danh sách các vấn đề để gửi cho Quốc gia.

Phiên họp trừ bị sẽ diễn ra như thế nào?

i) Họp chuẩn bị

Một giờ trước buổi họp, tổ chức Child Rights Connect sẽ có phần giới thiệu cho thành viên của TCXH tham dự nhằm cung cấp những thông tin chi tiết về phương thức họp, nhận những tài liệu của các đại diện và trả lời các câu hỏi. Đại diện của Child Rights Connect sẽ có mặt trong suốt phiên họp trừ bị để hỗ trợ về mặt kỹ thuật hoặc hậu cần cho những thành viên.

ii) Phần trình bày giới thiệu trong phiên họp trừ bị

Thành viên tham dự có bài trình bày giới thiệu ngắn trong đó nhấn mạnh một số vấn đề chính và cập nhật những thông tin mới không nằm trong báo cáo của mình.

⁹ http://www.crin.org/docs/resources/publications/unicef_crc_reporting.doc

Về thời gian: Thời gian dành cho tất cả các tổ chức trình bày là 10 - 15 phút. Nếu có nhiều hơn một tổ chức/ nhóm trình bày thì thời gian sẽ được chia đều cho các bên đại diện của những báo cáo đó. Ban thư ký của Ủy ban CRC sẽ sắp xếp thời gian và thứ tự phát biểu cho từng bên. Lịch trình sẽ được thông báo đến người tham gia bởi tổ chức Child Rights Connect ngay khi các thành viên tham dự đăng ký. Các tổ chức thuộc Liên hợp quốc và UNICEF sẽ được ban thư ký phân bổ thời gian và thông báo.

Về nội dung: Bài trình bày nên tập trung chủ yếu vào một số vấn đề chính và không nên đi vào chi tiết các khuyến nghị vì các thành viên của Ủy ban CRC có thể đọc trong báo cáo. Tham dự viên có thể đưa ra những quan điểm về báo cáo của Quốc gia, chỉ ra những vấn đề chính mà trẻ em của Quốc gia đó đang phải đối mặt và cung cấp những thông tin mới nhất kể từ khi gửi báo cáo. Bài trình bày sẽ không nói về các thông tin về TCXH tuy nhiên các thông tin này có thể được gửi tới các thành viên của Ủy ban CRC bằng văn bản.

Về ngôn ngữ: Trong suốt phiên họp trừ bị, chỉ có phiên dịch tiếng Anh, Pháp và Tây Ban Nha, bài trình bày nên được chuẩn bị bằng một trong ba thứ tiếng này. Trường hợp có yêu cầu phiên dịch tiếng Ả rập, Nga hoặc Trung Quốc được gửi đến trước 1 tháng, Ban thư ký có thể sắp xếp phiên dịch cho những ngôn ngữ này.

Các tài liệu trình bày, báo cáo: Thành viên của Ủy ban có thể nhận được những báo cáo bằng bản cứng hoặc bản điện tử của TCXH chính vì thế tham dự viên không cần mang bản sao hoặc tóm tắt lại những thông tin trong báo cáo đưa vào trong bài trình bày giới thiệu. Sau khi các tổ chức trình bày giới thiệu, Chủ tịch sẽ yêu cầu đại diện của các tổ chức nhân quyền quốc gia, của LHQ lên trình bày.

iii) Phần Hỏi - Đáp

Sau phần trình bày của các tham dự viên trong buổi họp trừ bị, đại diện của Ủy ban CRC sẽ đưa ra những bình luận hoặc đặt những câu hỏi liên quan đến nội dung được đề cập trong báo cáo và bài trình bày. Tham dự viên có khoảng thời gian từ 10 - 20 phút nghỉ giải lao để chuẩn bị trả lời câu hỏi của Ủy ban CRC và phân định ai là người trả lời câu hỏi nào. Sau thời gian nghỉ giải lao, các TCXH, cơ quan LHQ và trẻ em sẽ phản hồi lại những bình luận, trả lời những câu hỏi dưới hình thức đối thoại tích cực với Ủy ban CRC đến khi kết thúc cuộc họp.

Hộp 3. Giới thiệu về tổ chức Child Rights Connect

Tiền thân của Child Rights Connect là nhóm các tổ chức phi chính phủ (NGOs) làm việc về CRC, được thành lập vào năm 1983 nhằm tác động đến những bản dự thảo CRC. Child Rights Connect hiện đang nỗ lực nhằm kết nối các cơ chế và tiến trình nhân quyền với những công việc thực tế hàng ngày của trẻ em.

Child Rights Connect là một mạng lưới độc lập gồm 80 tổ chức trong nước, khu vực và quốc tế cam kết đảm bảo rằng mọi trẻ em đều hưởng quyền của mình như đề cập trong CRC.

Có trụ sở tại Geneva, Thụy Sĩ, Child Rights Connect là một không gian độc lập của sự hợp tác và hoạt động của NGOs. Làm việc mật thiết với các NGOs, Nhà nước và các cơ quan LHQ, Child Rights Connect đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển QTE ở cấp quốc tế, bao gồm việc soạn thảo bản nháp Nghị định thư không bắt buộc về cơ chế trao đổi, và được ghi nhận là chuyên gia đi đầu trong lĩnh vực QTE.

Child Rights Connect hiện đang đảm nhiệm vai trò tư vấn cho Hội đồng Kinh tế, Xã hội của LHQ.

Child Rights Connect cung cấp những hỗ trợ và nâng cao năng lực tham gia vào quá trình báo cáo của Ủy ban, các tổ chức có thể liên hệ: Child Rights Connect

1 rue de Varembé

1202 Geneva, Switzerland

T: +41(0)22 740 4730

crcreporting@childrightsconnect.org

www.childrightsconnect.org

Sự tham gia của trẻ em vào buổi họp trừ bị

Những trẻ em đóng góp cho quá trình chuẩn bị của báo cáo, hoặc tham gia vào báo cáo của trẻ em có thể tham gia vào cuộc họp trừ bị với sự hỗ trợ của các TCXH. Tại buổi họp trừ bị, trẻ em có cơ hội trình bày trực tiếp quan điểm của mình tới thành viên của Ủy ban CRC. Mặc dù vậy, phiên họp là một buổi thảo luận kỹ thuật về việc thực thi luật và chính sách trong khung cảnh khá nghiêm túc, do vậy, trẻ em nên biết về nội dung và phương thức của buổi họp trước khi đồng ý tham gia. Ngoài ra, những kết quả mong muốn trong quá trình báo cáo nên được thảo luận trước để đảm bảo các em hiểu được mong muốn khi tham gia vào quá trình. Trẻ em cũng cần tôn trọng tính bảo mật và không nên thông tin những nội dung được thảo luận trong buổi họp.

Ngoài buổi họp trừ bị, một cuộc họp riêng kéo dài 1 giờ có thể được tổ chức với trẻ em dưới 18 tuổi về nội dung báo cáo do trẻ em xây dựng. Buổi họp này được tổ chức cùng ngày với buổi họp trừ bị và không gian của buổi họp này thân thiện và thoải mái hơn so với buổi họp trừ bị để khuyến khích trẻ thể hiện quan điểm. Tuy nhiên, TCXH cần chuẩn bị người phiên dịch cho trẻ do không có người phiên dịch do Ủy ban CRC cung cấp tại cuộc họp này.

Sự tham gia của các TCXH trong buổi họp trừ bị

Chỉ có một số TCXH, đặc biệt là các liên minh làm việc về QTE, nộp báo cáo giấy đúng hạn và có chất lượng có thể được Ủy ban CRC mời tham gia chính thức phiên họp trừ bị. Tác giả của báo cáo theo chủ đề, nếu ngắn, thường ít khi được mời.

TCXH nên đề cập rõ ràng trong trang bìa của báo cáo liệu rằng họ có muốn tham gia vào buổi họp trừ bị hay không.

Ngoài TCXH trong nước, cơ quan của LHQ như UNICEF, UNHCR, ILO, UNESCO có thể tham gia vào buổi họp trừ bị. UNICEF tham gia vào hầu hết các phiên họp trừ bị của những quốc gia nơi UNICEF có trụ sở, tuy nhiên không có đại diện của chính phủ, truyền thông hay bên quan sát khác tham gia trong những cuộc họp này.

Tất cả người tham dự được yêu cầu bảo mật về buổi họp. Thông tin được chia sẻ và các quan điểm được thể hiện bởi những người tham gia không được phép công khai. Không có thông cáo báo chí hay thu âm trong buổi họp trừ bị và tên của tổ chức, tên của các cá nhân sẽ không được nhắc đến.

Trong suốt buổi họp trừ bị, có nhiều vấn đề được thu thập trong một khoảng thời gian ngắn. Đại diện của các TCXH được mời tham dự buổi họp trừ bị nên tích cực đối thoại với Ủy ban CRC. Những người đại diện của TCXH là những thành viên tham gia tích cực vào quá trình viết báo cáo và có những kiến thức chuyên sâu về CRC và việc thực hiện CRC của quốc gia. Lý tưởng nhất là có luật sư và người am hiểu toàn diện đại diện cho TCXH hay liên minh các tổ chức, để đảm bảo những câu hỏi ở cấp độ rộng hơn bao gồm khung pháp lý quốc gia, chính sách, các chương trình và các lĩnh vực ưu tiên quan tâm đều được trả lời. Tham dự viên tại buổi họp trừ bị nên chuẩn bị trả lời những câu hỏi chi tiết, sẵn sàng hợp tác với các TCXH khác, đại diện của UN, và có sử dụng thành thạo tiếng Anh, Pháp, hoặc Tây Ban Nha.

Các TCXH nên cung cấp bài phát biểu bằng văn bản có số liệu thống kê, những nghiên cứu có thể liên quan trong phần trình bày của mình hoặc có thể thu hút sự quan tâm của Ủy ban CRC. Các tổ chức có thể đề nghị

tổ chức Child Rights Connect hỗ trợ trong việc chia sẻ những tài liệu cho các thành viên Ủy ban CRC.

Bảng 3. Tóm tắt lại lịch trình làm việc của buổi họp trừ bị

<p>Một giờ trước phiên họp trừ bị</p>	<p>Child Rights Connect sẽ có phần giới thiệu cho những tham dự viên đến từ các TCXH, trẻ em. UNICEF sẽ có phần giới thiệu riêng cho các cơ quan quốc gia. Tham dự viên sẽ đi thăm phòng họp và chuẩn bị cho buổi họp. Lưu ý: powerpoint không được sử dụng trong suốt buổi họp.</p>
<p>Bắt đầu của phiên họp trừ bị</p>	<p>Phiên họp trừ bị bắt đầu vào lúc 10 giờ hoặc 15 giờ và kéo dài 2.5 tiếng. Thời gian cho thảo luận về báo cáo đầu tiên của Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CRC sẽ được kéo dài thêm. Buổi họp sẽ bắt đầu và kết thúc đúng giờ.</p> <p>Chủ tịch của buổi họp sẽ mời tất cả các thành viên tham dự có bài trình bày giới thiệu trong đó nêu bật những vấn đề chính. Thông thường, đại diện của TCXH sẽ trình bày trước, sau đó là đại diện của các viện nhân quyền quốc gia, những cơ quan LHQ.</p> <p>Những thành viên tham dự sẽ được thông báo về khoảng thời gian và thứ tự phát biểu của mình trước cuộc họp.</p>
<p>Trong suốt phiên họp trừ bị</p>	<p>Ủy ban CRC sẽ đưa ra một loạt những câu hỏi và đối thoại với tất cả người tham dự để hiểu thêm về tình hình trẻ em tại Quốc gia. Phiên dịch ở ba ngôn ngữ Anh, Pháp, Tây Ban Nha. Ngoài ra, nếu có yêu cầu trước 1 tháng, phiên dịch sẽ có thêm tiếng Ả Rập, Trung Quốc, hoặc tiếng Nga.</p> <p>Đại diện của Child Rights Connect sẽ có mặt trong suốt phiên họp trừ bị để hỗ trợ về mặt kỹ thuật hoặc hậu cần cho các thành viên.</p>
<p>Sau phiên họp trừ bị</p>	<p>Sau phiên họp trừ bị, Ủy ban sẽ có buổi họp kín để đưa ra Danh sách những điểm cần làm rõ. Bản này sẽ bao gồm danh sách những câu hỏi sẽ được gửi cho Quốc gia một tuần sau phiên họp trừ bị. Quốc gia phải trả lời bằng văn bản trước thời hạn được đề cập trong đó.</p> <p>Child right Connect sẽ gửi bản danh sách những vấn đề cho tất cả các thành viên qua email và cung cấp thông tin cho những bước tiếp theo.</p>

3.4. Danh sách những vấn đề cần làm rõ (List of Issues)

Sau phiên họp trừ bị, Ủy ban CRC chuẩn bị một bản 'Danh sách những vấn đề cần làm rõ' trong đó bao gồm những câu hỏi cần quốc gia thành viên làm rõ, bổ sung thêm thông tin được gửi tới quốc gia thành viên cùng với lời mời chính thức tham dự vào phiên họp toàn thể với Ủy Ban CRC. Tài liệu này được đăng tải công khai trên website của Ủy ban CRC.

Thông tin từ các TCXH, cơ quan UN, trẻ em trong báo cáo hoặc trong phiên họp trừ bị có thể được đưa vào trong Danh sách này nhằm làm rõ như liên quan đến số liệu hay pháp luật. Nếu thời gian giữa việc nộp báo cáo và phiên họp toàn thể xem xét báo cáo kéo dài, Ủy ban CRC có thể yêu cầu những số liệu và thông tin cập nhật mới nhất cho những nỗ lực của quốc gia.

Ủy ban CRC yêu cầu quốc gia thành viên phản hồi bằng văn bản phải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Tây Ban Nha. Thời hạn phải gửi phản hồi được ghi trong khổ đầu tiên của văn bản Danh sách các vấn đề và thông thường là khoảng 1 đến 2 tháng trước phiên họp toàn thể.


Đối với những báo cáo về quá trình thực hiện CRC, danh sách những vấn đề cần làm rõ sẽ bao gồm 3 phần:

i) Phần 1. Trả lời câu hỏi: Ủy ban yêu cầu Quốc gia thành viên trả lời những câu hỏi của ủy ban về việc thực thi QTE tại quốc gia bao gồm những khuyến nghị trong Kết luận báo cáo của kỳ trước. Những câu hỏi thường nhằm làm rõ vấn đề liên quan đến pháp luật, chính sách và các chương trình của Quốc gia. Quốc gia được yêu cầu trả lời những câu hỏi này bằng văn bản và tối đa không quá 30 trang.

ii) Phần 2. Cập nhật nỗ lực liên quan đến lập pháp: Ủy ban yêu cầu Quốc gia thành viên cập nhật báo cáo liên quan đến khung pháp lý bao gồm những luật hoặc dự thảo luật mới và những quy định liên quan; thể chế mới hay những cải cách trong thể chế; những chính sách hay chương trình, kế hoạch hành động kèm theo phạm vi và ngân sách; những văn bản nhân quyền mới được phê chuẩn. Độ dài cho phần này tối đa không quá 3 trang.

(iii) Phần 3. Cung cấp số liệu cập nhật: Quốc gia thành viên phải cung cấp những số liệu thống kê đặc biệt ở dưới dạng phân tách,

nếu bị thiếu hoặc chưa hoàn chỉnh. Không có yêu cầu về độ dài cho phần này.

 **Lưu ý:** Nếu những vấn đề mà TCXH đưa ra trong báo cáo mà không được đề cập trong Danh sách những vấn đề, điều đó không có nghĩa rằng những vấn đề đó không được thảo luận vào phiên họp toàn thể xem xét báo cáo quốc gia hoặc được giải quyết trong Kết luận quan sát.

3.5. Phản hồi bằng văn bản gửi tới cho Ủy ban

Quốc gia có trách nhiệm ‘Phản hồi bằng văn bản’ cho ‘Danh sách những vấn đề cần làm rõ’ của Ủy ban CRC trong thời gian được đề cập ở khổ 1 của danh sách.

Vai trò của các TCXH

- ☀ TCXH và UNICEF có thể tham gia đóng góp ý kiến cho quá trình chuẩn bị ‘Phản hồi bằng văn bản’ nếu phía chính phủ có yêu cầu. Phản hồi bằng văn bản của Quốc gia được công khai và được đăng tải trên website của Ủy ban CRC.
- ☀ Nếu có những điều đặc biệt quan trọng mà chưa được nêu trong các báo cáo đã nộp hoặc trong phiên họp trừ bị, các tổ chức có thể chuẩn bị những bình luận ngắn về ‘Danh sách những vấn đề’ và gửi cho Ủy ban CRC thông qua Child Rights Connect trước phiên họp toàn thể.
- ☀ TCXH có thể tự mình gửi ‘Phản hồi bằng văn bản’ lên Ủy ban CRC sau khi Quốc gia thành viên gửi phản hồi bằng văn bản của mình đến Ủy ban CRC, khi đó, TCXH có thể cung cấp thêm thông tin bị thiếu hoặc những phân tích khác. Trong trường hợp Quốc gia gửi Phản hồi trễ, TCXH có thể gửi trước để Ủy ban CRC có thời gian xem xét thông tin trước phiên họp toàn thể xem xét báo cáo Quốc gia. Những văn bản phản hồi cho ‘Danh sách những điểm cần làm rõ’ nên ghi ‘Bảo mật’ ở mọi trang và nên được bảo mật.

3.6. Phiên họp toàn thể xem xét báo cáo của Quốc gia thành viên

Phiên họp toàn thể xem xét báo cáo thực thi CRC kéo dài hai buổi trong một ngày hoặc hai buổi của hai ngày liên tiếp nhau (buổi sáng và buổi chiều cùng ngày hoặc buổi chiều hôm trước và buổi sáng của ngày hôm sau).

Trình tự của buổi họp

Đại diện Quốc gia sẽ có phần trình bày mở đầu để bắt đầu phiên họp;

Nhóm làm việc về Quốc gia được xem xét sẽ đưa ra những câu hỏi cho đại diện Quốc gia. Buổi thứ nhất sẽ tập trung vào hỏi và đáp 5 nhóm vấn đề chính gồm, các biện pháp tổng thể trong việc thực thi QTE; định nghĩa về trẻ em; các nguyên tắc chung; quyền dân sự và tự do; bạo lực với trẻ em,

Trước khi nghỉ giữa hai buổi họp, những câu hỏi cho 4 nhóm vấn đề gồm: môi trường gia đình và những hình thức chăm sóc thay thế; khuyết tật, chăm sóc y tế cơ bản và phúc lợi; giáo dục, giải trí và các hoạt động văn hoá; các biện pháp bảo vệ đặc biệt

Sau khi nghỉ giữa hai buổi họp: các câu hỏi sẽ được trả lời vào phần hai của phiên họp. Tương tự như phiên họp trừ bị, Báo cáo viên của quốc gia hoặc Nhóm làm việc về từng quốc gia đặt câu hỏi trước.

Chủ tịch của Ủy ban CRC sẽ thông báo nghỉ giải lao trong quá trình họp để đại diện chính phủ có thể chuẩn bị câu trả lời cho những câu hỏi đó. Những câu trả lời có thể được sắp xếp theo chủ đề hoặc theo thứ tự câu hỏi được đặt ra. Những thành viên của Ủy ban CRC có thể cắt ngang phần trả lời của đại diện chính phủ để đặt thêm những câu hỏi và cuộc họp là một buổi đối thoại tương tác. Ngôn ngữ được sử dụng trong cuộc họp thường là tiếng Anh, Pháp và Tây Ban Nha.

Biên bản cuộc họp được ghi lại, song nội dung chủ yếu của biên bản đề cập đến tiến trình diễn ra hơn là nội dung cụ thể của những thảo luận. Biên bản được ghi lại bằng tiếng Anh và tiếng Pháp.

Phiên họp được phát trực tiếp phiên họp toàn thể của quốc gia thành viên qua internet (webcast) tại đường link: www.treatybodywebcast.org . Việc đăng tải cuộc họp lên mạng là một phần giúp nâng cao nhận thức về quá trình xem xét báo cáo của Quốc gia thành viên.

Hình ảnh, đoạn phim về các buổi họp xem xét báo cáo của Việt Nam tại đây: <http://www.treatybodywebcast.org/?s=vietnam&submit=Search>.

TCXH tham gia vào phiên họp toàn thể

TCXH có thể tham gia vào phiên họp toàn thể, mặc dù vậy, TCXH không có quyền được phát biểu trong suốt buổi họp. Đại diện của TCXH tham gia như là những người quan sát để có thể hiểu được bức tranh tổng quát trong buổi đối thoại và có thể có cơ hội để gặp đại diện của chính phủ tại phiên họp, nơi vấn đề QTE được thảo luận sâu rộng. Từ đó, TCXH có cơ hội vận động và tham gia vào các hoạt động sau đó với chính phủ.

Nếu TCXH có thông tin cập nhật cho Ủy ban CRC kể từ buổi họp trừ bị, đại diện của TCXH có cơ hội gặp một cách không chính thức với thành viên của Ủy ban CRC trước khi hoặc trong buổi họp toàn thể, trong quá trình nghỉ giữa hai buổi. Ủy ban CRC sẽ không gặp TCXH một cách chính thức trong suốt phiên họp. Do vậy, việc giám sát thực thi QTE tại cấp quốc gia rất quan trọng, giúp có những thông tin kịp thời cung cấp cho Ủy ban CRC.

3.7. Kết luận quan sát từ Ủy ban quốc tế về QTE

Vào cuối phiên họp toàn thể, Ủy ban CRC sẽ đưa ra Kết luận quan sát cho Quốc gia. Những kết luận này sẽ chỉ ra những bước tiến đạt được, những vấn đề còn lưu tâm, khuyến nghị cho việc thực hiện. Kết luận của Ủy ban CRC được đăng tải ở website sau phiên họp và sẽ được gửi đến Quốc gia thành viên và Đại hội đồng LHQ và được viết bằng tiếng Anh, sau đó được dịch sang tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha.

Cấu trúc của Kết luận quan sát

Hai phần đầu tiên trong Kết luận thường là lời chào mừng vắn tắt và cảm ơn sự hợp tác của đại diện chính phủ tham gia vào buổi đối thoại và ghi nhận những nỗ lực trong việc nội luật hoá, đưa ra các chương trình và kế hoạch hành động. Những phần còn lại tập trung vào những vấn đề cần lưu tâm và khuyến nghị. Những vấn đề cần lưu tâm sẽ đi kèm với những khuyến nghị liên quan.

Kết luận của Ủy ban CRC thường được chia theo 9 nhóm vấn đề như trong hướng dẫn viết báo cáo cho các Quốc gia, bản mới nhất được cập nhật vào năm 2015.

Khác với những Ủy ban của các công ước khác, Kết luận không yêu cầu

Quốc gia thành viên cung cấp thêm thông tin về một số vấn đề cụ thể như là một phần của tiến trình tiếp theo.

Ủy ban CRC cũng đưa ra thời gian cho lần nộp báo cáo tiếp theo.

Vai trò của TCXH

TCXH có thể vận động Quốc gia dịch Kết luận Ủy ban sang tiếng bản địa và công bố rộng rãi nhằm tăng cường nhận thức và thúc đẩy việc hiện thực hoá những khuyến nghị của Ủy ban CRC. TCXH cũng có thể dịch kết luận này và tóm tắt lại, biên tập lại cho dễ hiểu để nhiều bên liên quan có thể tiếp cận được, bao gồm cả trẻ em.

Những hoạt động tiếp theo sau Kết luận của Ủy ban quốc tế về QTE

Trong quá trình xem xét báo cáo định kỳ, Ủy ban CRC có xem xét những khuyến nghị trước đó và so sánh với những tiến triển được ghi nhận trong báo cáo của Quốc gia.

Vai trò của TCXH:

- ⚙️ Vận động chính sách: Kết luận của Ủy ban CRC bao gồm những khuyến nghị để Quốc gia có thể cải thiện việc thực thi CRC, đây được coi là một công cụ cho quá mục tiêu vận động chính sách dài hạn bao gồm cả các chương trình quốc gia cho trẻ em. TCXH làm việc ở cấp quốc gia có thể kết hợp Kết luận của Ủy ban CRC vào những hoạt động vận động hiện đang thực hiện của tổ chức.
- ⚙️ Giám sát thực thi QTE: Những khuyến nghị do Ủy ban CRC đưa ra cũng được sử dụng như là những chỉ số cho hoạt động giám sát của TCXH đối với nghĩa vụ thực thi QTE của Quốc gia;
- ⚙️ Thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức thông qua các chiến dịch truyền thông, tập huấn, v.v...
- ⚙️ Hỗ trợ sự tham gia của trẻ em tham gia vào quá trình vận động;
- ⚙️ Tiếp cận với UNICEF để thảo luận về kết luận của Ủy ban CRC và khuyến nghị trong các hoạt động vận động và chương trình;
- ⚙️ Phân tích khung pháp lý và những chính sách hiện tại hoặc dự thảo luật/ chính sách tương thích với CRC;

- ⚙ Phân tích ngân sách ở các cấp khác nhau để biết được ngân sách trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc thực hiện QTE là bao nhiêu;
- ⚙ Báo cáo thường kỳ về tình hình trẻ em;
- ⚙ Sử dụng truyền thông để tìm hiểu về ý kiến của công chúng và nâng cao nhận thức về QTE, và tập hợp những nhóm các TCXH làm việc tập trung vào từng khuyến nghị cụ thể của Ủy ban CRC.

PHẦN IV: BÁO CÁO VỀ THỰC THI QUYỀN TRẺ EM CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI

1. Mục đích của báo cáo

Mục đích của báo cáo của các TCXH về thực thi QTE là cung cấp thêm thông tin để Ủy ban CRC hiểu về tình hình thực thi QTE của Quốc gia một cách toàn diện từ đó đưa ra những khuyến nghị phù hợp nhất.

2. Tên của báo cáo


Không có một quy định cụ thể nào của LHQ về tên của báo cáo do các TCXH viết và gửi lên Ủy ban CRC. Việc đặt tên báo cáo phụ thuộc vào tác giả. Một số tên báo cáo hay được sử dụng là ‘báo cáo bổ sung’ (complementary/ supplementary report), ‘báo cáo thay thế’ (alternative report), báo cáo của NGO (NGO report), báo cáo bóng (shadow report). Tuy nhiên, tên ‘báo cáo bóng’ hiện không còn được sử dụng vì mang đến những hiểu nhầm tiêu cực gây ảnh hưởng cho tính pháp lý của báo cáo.

Các TCXH tự mình quyết định loại báo cáo dựa trên năng lực, nguồn lực và chuyên môn của mình.

3. Báo cáo chung của TCXH hay báo cáo riêng?

Một TCXH có thể độc lập viết và nộp báo cáo lên Ủy ban CRC. Ủy ban CRC khuyến khích các TCXH cùng tham gia viết một báo cáo toàn diện trong đó đề cập đến các nhóm QTE. Bất cứ khi nào có thể, TCXH có những chuyên môn khác nhau và đại diện cho các vùng miền khác nhau trên đất nước nên viết hoặc tham gia vào báo cáo chung.

Nhiều TCXH cùng viết một báo cáo toàn diện dựa trên kiến thức chuyên môn của các thành viên và các quan điểm khác nhau sẽ giúp các hoạt động được giám sát hiệu quả ở cấp độ quốc gia. Lý tưởng nhất, các thành viên nên đóng góp dựa trên sự đa dạng về vùng miền, văn hoá, dân tộc trên đất nước mình.

 **Lưu ý:** Quan điểm và ý kiến của trẻ em cần được cân nhắc thông qua một báo cáo riêng hoặc tích hợp với báo cáo của TCXH.

Tại sao nên có một báo cáo chung?

Khi Ủy ban CRC nhận một số báo cáo từ một quốc gia, Ủy ban CRC sẽ gặp khó khăn trong việc tổng hợp các thông tin lại với nhau để có thể có được cách hiểu tổng quan về tình hình trẻ em tại quốc gia đó. Thông qua việc chuẩn bị báo cáo chung, các TCXH có thể:

- ⚙ Tăng thêm tính đại diện và tính đáng tin của báo cáo do TCXH nộp lên và cung cấp thông tin mang tính toàn diện hơn;
- ⚙ Cho phép các tổ chức với những nguồn lực hạn chế tham gia vào quá trình báo cáo;
- ⚙ Tạo cơ hội tăng cường sự hợp tác với các cơ quan làm việc về QTE khác hoặc các tổ chức khác để thúc đẩy sự hợp tác trong quá trình vận động ở cấp độ quốc gia;
- ⚙ Thu thập được những vấn đề khác nhau liên quan đến QTE tại quốc gia, xây dựng dựa trên chuyên môn của các thành viên và phản ánh những lĩnh vực trọng tâm.

4. Hình thức của báo cáo

4.1. Hình thức trình bày của báo cáo

Báo cáo nên bao gồm:

- ⚙ Trang tiêu đề gồm những nội dung: tên của báo cáo; tên Quốc gia thành viên; tên của Công ước báo cáo (CRC hay OPAC hay OPSC hay kết hợp); nêu bật báo cáo của TCXH, tên của mạng lưới hoặc các tổ chức nộp báo cáo; thông tin liên hệ; nêu rõ báo cáo là bảo mật hay công khai; thời gian báo cáo; nêu rõ báo cáo là bản tóm tắt hay bản hoàn chỉnh (nếu trong trường hợp báo cáo được tóm tắt).
- ⚙ Mục lục
- ⚙ Đánh số trang
- ⚙ Danh sách những khuyến nghị chính

4.2. Độ dài của báo cáo

Báo cáo không quá 20.000 từ (tương đương khoảng 30 trang) và không kể phụ lục. Những lưu ý dưới chân trang (footnote) có thể được sử dụng để dẫn nguồn thông tin cho Ủy ban CRC. Không có quy định về số trang cho phụ lục. Phụ lục và nguồn thông tin cung cấp thêm nên được để riêng rẽ nhằm đảm bảo Ủy ban CRC có thể dễ dàng nhận ra những ý chính về tình hình thực thi QTE trong báo cáo.

4.3. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ sử dụng trong báo cáo gửi tới Ủy ban CRC thường là tiếng Anh. Tuy hầu hết thành viên của Ủy ban CRC không phải là người bản địa nói Tiếng Anh. Nhằm đảm bảo tất cả thành viên của Ủy ban CRC có thể đọc báo cáo, báo cáo được viết bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Tây Ban Nha nên được dịch ra tiếng Anh.

LHQ chỉ dịch những văn bản chính của Quốc gia thành viên và của Ủy ban CRC bao gồm cả danh sách những vấn đề, kết luận. LHQ không dịch phản hồi bằng văn bản của Quốc gia và những báo cáo của các bên liên quan khác.

TCXH cần dịch những tài liệu của mình khi gửi lên Ủy ban CRC. Trong trường hợp không thể dịch toàn bộ nội dung của báo cáo, một bản tóm tắt những vấn đề và những khuyến nghị bằng tiếng Anh nên được gửi lên Ủy ban CRC.

5. Tính bảo mật

Khi nhận báo cáo của TCXH, Ủy ban CRC sẽ coi đây là tài liệu bí mật và không tự động đăng tải trên trang điện tử (website) hay dữ liệu về báo cáo của TCXH.

Báo cáo của TCXH chỉ được đăng tải trên trang mạng điện tử (website) khi TCXH đồng ý để Ủy ban đăng tải. Trong trường hợp thay đổi ý kiến sau khi nộp báo cáo và muốn đăng tải, hoặc có bản khác để đăng tải, TCXH có thể gửi yêu cầu đến Ủy ban sau buổi họp trừ bị tới email: crc@ohchr.org

OHCHR đăng tải tất cả báo cáo của các bên liên quan mà được đồng ý ngay khi kết thúc buổi họp trừ bị.

6. Thời điểm nộp báo cáo

Báo cáo thông thường nên được gửi đến Ủy ban 3 tháng trước cuộc họp trừ bị nhằm đảm bảo rằng nội dung trong báo cáo được cân nhắc trong quá trình biên tập tài liệu cho Ủy ban CRC cũng như trong suốt buổi họp trừ bị.


Tuy nhiên, để đảm bảo chắc chắn, TCXH cần kiểm tra cuối cho việc nộp báo cáo được đăng tải cập nhật trên trang điện tử của OHCHR trước mỗi kỳ họp trừ bị. Lưu ý rằng thời gian nộp bản mềm và bản giấy có thể khác nhau.

TCXH có thể kiểm tra thời hạn nộp báo cáo tại trang web: <https://www.ohchr.org/EN/HRBodies/CRC/Pages/InfoPartners.aspx>

Nhằm đảm bảo Ủy ban CRC nhận được những thông tin được cập nhật nhất vào thời điểm rà soát báo cáo Quốc gia, các TCXH không nên nộp báo cáo của mình vào thời điểm Quốc gia nộp báo cáo. TCXH nên đợi đến thời điểm xem xét được đưa ra và thời hạn Ủy ban nhận báo cáo từ các TCXH. Thời gian cụ thể sẽ được thông báo trên website về phiên họp trừ bị. Nếu báo cáo của TCXH được gửi quá sớm, như vậy thông tin đưa ra có thể không còn hợp thời. Thay vào đó, báo cáo nên được gửi tới Ủy ban CRC trước hạn cuối không quá lâu, và giai đoạn đánh giá trong

báo cáo tính từ thời điểm có kết luận của kỳ trước xem xét báo cáo trước đến thời điểm nộp báo cáo lần này.

Tuy nhiên, trong trường hợp bị lỗi thời hạn nộp báo cáo, TCXH vẫn có thể nộp báo cáo trực tuyến theo đường dẫn sau: <https://www.childrightsconnect.org/upload-session-reports/>

 **Lưu ý:** Chỉ những tổ chức nộp báo cáo bằng bản giấy đúng hạn và đúng cách thức mới có thể được mời tham gia phiên họp trừ bị.

7. Gửi báo cáo

Báo cáo bản mềm:

Báo cáo được gửi bằng bản mềm hay bản điện tử thông qua website của Child Right Connect theo đường link được đảm bảo bí mật: <http://www.childrightsconnect.org/upload-session-reports/>

Báo cáo bản giấy:

5 bản sao in ra giấy được gửi về địa chỉ sau:
Committee on the Rights of the Child (CRC)

Human Rights Treaties Division (HRTD)

Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights
(OHCHR)

Palais Wilson - 52, rue des Pâquis

CH-1201 Geneva (Switzerland)

Hộp 4: Bảng kiểm cho báo cáo

- ⚙ TỐI ĐA 20 nghìn từ
- ⚙ Trang bìa với những thông tin quan trọng
- ⚙ Đánh số trang
- ⚙ Mục lục
- ⚙ Ghi “Bảo mật” ở tất cả các trang trong trường hợp không muốn công bố báo cáo
- ⚙ Những khuyến nghị ở cuối mỗi phần và được đánh dấu rõ ràng
- ⚙ Một danh sách tất cả khuyến nghị ở phần phụ lục của báo cáo

Hộp 5. Child Rights Connect hỗ trợ TCXH trong quá trình báo cáo như thế nào?

Nộp báo cáo

Khi TCXH sẵn sàng nộp báo cáo của mình, bản điện tử nên được gửi tới Child Rights Connect qua email bằng tất cả những ngôn ngữ hiện có. Child Rights Connect có thể đưa ra những lời góp ý về cách trình bày của bản thảo nhằm tối đa hoá tác động của báo cáo. TCXH cũng có thể cung cấp báo cáo của mình cho Child Rights Connect qua việc nộp trực tuyến qua đường link như đã nói ở trên. Sau đó, 22 bản nên được gửi đến văn phòng của Child Rights Connect bằng đường bưu điện.¹⁰

Khi nhận được Child Rights Connect chuyển những báo cáo này cho Ban thư ký của Ủy ban CRC qua email và trực tiếp mang tới. Ban thư ký của Ủy ban CRC sẽ thêm những tài liệu này vào hồ sơ xem xét của từng quốc gia. Child Rights Connects sẽ giữ những bản báo cáo còn lại.

Child Rights Connect hỗ trợ Ban thư ký của Ủy ban CRC và chuẩn bị một bản kiểm những báo cáo của TCXH. Ban thư ký cũng sẽ gửi cho Child Rights Connect những báo cáo mà họ trực tiếp nhận được; vì thế, những tổ chức muốn gửi trực tiếp đến Ban thư ký nên gửi bản sao đến cho Child Rights Connect để mạng lưới này có thể thêm báo cáo vào danh sách những báo cáo của TCXH.

Thời gian cho buổi họp trừ bị

Ủy ban CRC thường có nhiều báo cáo tồn đọng, điều này có thể khiến cho lịch rà soát báo cáo có thể bị chậm trễ. Nếu Quốc gia đã gửi báo cáo lên Ủy ban CRC nhưng thông tin về buổi họp trừ bị chưa có, TCXH nên liên lạc với Child Rights Connect trước khi gửi hoặc chuẩn bị báo cáo để hỏi về khung thời gian cho kỳ xem xét báo cáo của Quốc gia.

Có thể có một vài thành viên trong Ủy ban CRC không thể đọc tiếng Anh, báo cáo nên được tóm tắt bằng tiếng Tây Ban Nha hoặc Pháp. Nếu TCXH muốn tất cả thành viên của Ủy ban CRC có thể đọc báo cáo của mình, TCXH nên liên lạc với Child Rights Connect để biết rằng có cần tóm tắt báo cáo bằng tiếng Pháp và/ hoặc tiếng Tây Ban Nha hay không.

¹⁰ Lưu ý: 22 bản này khác với 5 bản gửi trực tiếp cho Ủy ban

Child Rights Connect liên lạc với TCXH để nhận được sự đồng ý cho phép công khai báo cáo lên website của Ủy ban CRC và của cơ sở dữ liệu báo cáo của TCXH. Sau phiên họp trừ bị, tất cả báo cáo nhận được sự cho phép có chữ ký sẽ được đăng tải lên website của Ủy ban và cơ sở dữ liệu báo cáo. Nếu báo cáo được gửi đến và cần được bảo mật, trên trang bìa và những trang bên trong nên ghi 'Bảo mật'.

Phiên họp trừ bị

Child Rights Connect liên lạc với TCXH về thời gian và thứ tự trình bày của mình. Để chuẩn bị cho phần trình bày, TCXH có thể mang theo bài trình bày của mình bằng văn bản và có thể nhờ tổ chức Child Rights Connect hỗ trợ trong việc chia sẻ những tài liệu cho các thành viên Ủy ban CRC.

TCXH nên gửi mười (10) bản sao bài trình bày hoặc tài liệu hỗ trợ cho bài trình bày cho Child Rights Connect trước buổi họp để gửi đến phiên dịch và những thành viên chủ chốt của Ủy ban CRC. Nếu TCXH muốn tất cả thành viên Ủy ban CRC sử dụng tài liệu của mình như là một tài liệu tham khảo sau này, TCXH nên gửi 25 bản sao đến Child Rights Connect trong phần giới thiệu trước khi buổi họp bắt đầu.

Một giờ trước buổi họp, tổ chức Child Rights Connect sẽ có phần giới thiệu cho thành viên của các TCXH tham dự nhằm cung cấp những thông tin chi tiết về phương thức họp, nhận những tài liệu của các đại diện và trả lời các câu hỏi. Đại diện của Child Rights Connect sẽ có mặt trong suốt phiên họp trừ bị để hỗ trợ về mặt kỹ thuật hoặc hậu cần cho những thành viên.

Với sự tham gia của trẻ em trong phiên họp trừ bị và/ hoặc phiên họp của trẻ em, Child Rights Connect sẽ liên hệ trực tiếp đến người phụ trách cho sự tham gia của các em để sắp xếp lịch và thứ tự trong phần trình bày giới thiệu và trả lời bất kỳ câu hỏi nào của trẻ trước khi trẻ em đến Geneva.

Child Rights Connect cũng trực tiếp gặp gỡ trẻ em trước buổi họp với Ủy ban CRC để giúp trẻ cảm thấy quen thuộc với không khí họp và trả lời câu hỏi của trẻ.

Hai thành viên của Ủy ban sẽ đến chào trẻ em trước khi cuộc họp của trẻ em và trả lời bất kỳ thắc mắc nào của các em.

Cuối cùng, Child Rights Connect sẽ tham gia cùng trẻ em và người bảo hộ các em tham gia vào cuộc họp của trẻ em. Thời gian của buổi họp sẽ được Child Rights Connect thông báo đến các em và người bảo trợ các em bằng văn bản trước khi tới Geneva.

Phiên họp toàn thể

Child Rights Connect phát trực tiếp phiên họp toàn thể của quốc gia thành viên qua internet (webcast) tại đường link: www.treatybodywebcast.org. Việc đăng tải cuộc họp lên mạng là một phần giúp nâng cao nhận thức về quá trình xem xét báo cáo của Quốc gia thành viên. Những hình ảnh này cũng được lưu lại nhằm mục đích nâng cao nhận thức về công việc của Ủy ban CRC, dùng để vận động cho những hoạt động tiếp theo hiện thực hoá những khuyến nghị của Ủy ban CRC.

Hình ảnh, đoạn phim về các buổi họp xem xét báo cáo của Việt Nam tại đây: <http://www.treatybodywebcast.org/?s=vietnam&submit=Search>.

Child Rights Connect cung cấp những hỗ trợ và nâng cao năng lực tham gia vào quá trình báo cáo, các tổ chức có thể liên hệ:

Child Rights Connect
1 rue de Varembe
1202 Geneva, Switzerland
T: +41(0)22 740 4730
crcreporting@childrightsconnect.org
www.childrightsconnect.org

8. Nội dung báo cáo của TCXH

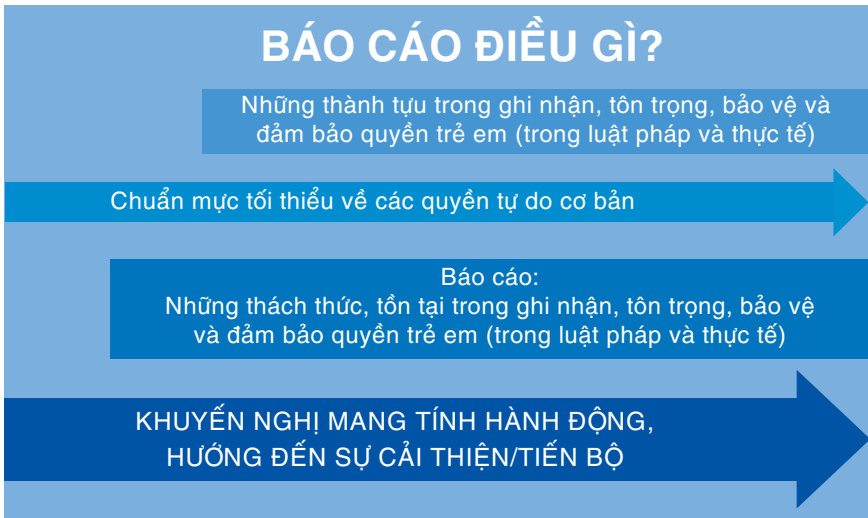
Báo cáo của TCXH tập trung vào những thách thức, tồn tại trong việc ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm QTE trong khuôn khổ pháp lý và thực tiễn để chỉ ra nghĩa vụ của Quốc gia trong thực tế so với cam kết hoặc đưa ra những vi phạm liên quan đến QTE. Báo cáo cần đưa ra những khuyến nghị mang tính hành động hướng đến sự cải thiện, tiến bộ.

Báo cáo của TCXH có thể gồm những phân tích và soi chiếu vào tất cả nội dung trong báo cáo của Quốc gia dựa trên những nhóm vấn đề được đề cập trong hướng dẫn của Ủy ban CRC (xem chi tiết ở phụ lục 1).

Hoặc báo cáo chỉ tập trung vào một hoặc một số vấn đề nhất định, không nhất thiết phải đề cập đến tất cả những nhóm vấn đề như trong báo cáo

Quốc gia. Báo cáo của TCXH thường tập trung vào những nhóm trẻ cụ thể, đặc biệt như trẻ em sống chung với HIV/AIDS hoặc về một vấn đề cụ thể như bạo lực với trẻ em. Vì thế, Ủy ban CRC có cơ hội hiểu sâu hơn và cụ thể hơn về việc thực thi QTE tại Quốc gia.

Hình 7: Báo cáo điều gì?



Ngoài ra, TCXH có thể cung cấp những thông tin khác chưa được đề cập trong báo cáo của Quốc gia, ví dụ như những thông tin bị thiếu trong báo cáo của Quốc gia nhưng theo TCXH là quan trọng và mong muốn Ủy ban CRC biết đến.

Phần lớn báo cáo của Quốc gia chỉ tập trung vào vấn đề pháp lý và không thường xuyên đưa ra những phân tích thích hợp về biện pháp hay những khó khăn trong việc thực thi. Báo cáo của TCXH nên đưa ra những thực hành tốt, những khoảng trống và những thách thức trong việc thực thi luật pháp, các chương trình và các chính sách.

Lưu ý: Cách tiếp cận rà soát theo từng điều trong CRC không nên được sử dụng trong báo cáo vì Ủy ban CRC sẽ gặp khó khăn trong việc soi chiếu với những khuyến nghị trong Kết luận của Ủy ban CRC trước đó, báo cáo Nhà nước và các bên liên quan khác.

Bảng 4: Tóm tắt nội dung chính trong báo cáo của TCXH được chia theo 9 nhóm vấn đề chính tương ứng với 9 phần trong báo cáo như sau:

Phần 10 và 11 về hai nghị định thư tùy chọn tham khảo thêm trong hướng dẫn của Ủy ban ở phụ lục 1.

Chương	Giải thích	Nội dung chính trong báo cáo
A. Các biện pháp tổng thể trong việc thực thi QTE (điều 42 ,4 và 44 dòng 6)	Chính phủ phải làm mọi biện pháp có thể để đảm bảo CRC được thực hiện trong thực tế. Chính phủ phải truyền thông và đăng tải thông tin về các báo cáo rộng rãi đến người lớn và trẻ em.	<p><i>i) Phân tích tình hình thực thi CRC, trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích dựa trên những nguồn thông tin, kiến thức, kinh nghiệm đáng tin cậy và từ nhiều nguồn khác nhau nhất có thể. Ý kiến và kinh nghiệm của trẻ em nên được kết hợp vào báo cáo một cách phù hợp. - Thông tin đưa ra chính xác và có chủ đích. Số liệu thống kê sẽ giúp ích cho việc đảm bảo rằng Ủy ban CRC nhận được thông tin chi tiết thích hợp để có thể đưa ra những khuyến nghị hợp lý. Những tham khảo từ tài liệu công khai trong những báo cáo nội bộ thường đặc biệt có ích cho Ủy ban CRC để tiến hành nghiên cứu sâu hơn.
B. Định nghĩa về trẻ em (điều 1)	Mọi quyền trong CRC áp dụng với tất cả mọi người dưới 18 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh những kinh nghiệm khác nhau của trẻ em trên đất nước theo những khác biệt vùng miền, môi trường, văn hoá, v.v.; - Minh hoạ những khoảng trống trong các quy định pháp luật và/ hoặc thực tế so với điều khoản trong CRC, sử dụng những trường hợp điển hình hoặc
C. Các nguyên tắc chung (Điều 2, 3, 6 và 12)	Lợi ích tốt nhất cho trẻ là ưu tiên hàng đầu, trẻ em có quyền sống, không bị phân biệt đối xử và quan điểm của trẻ cần được tôn trọng.	

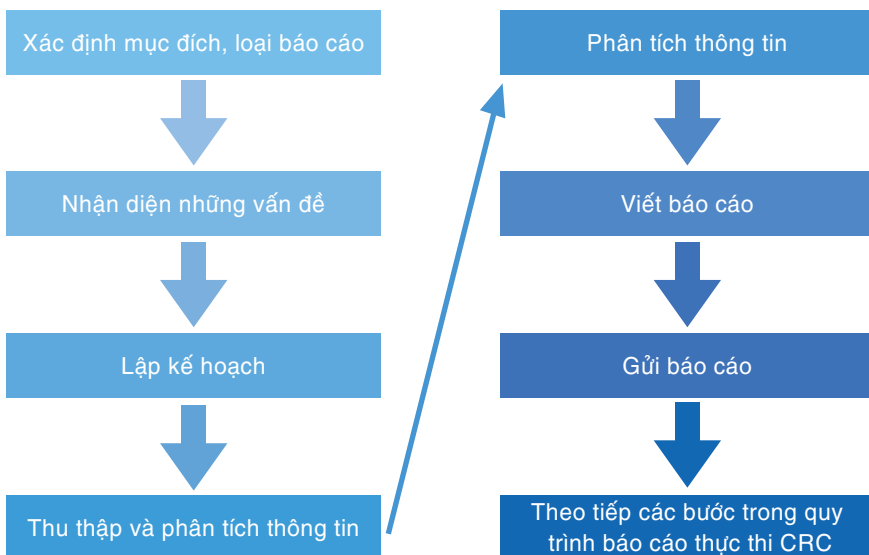
Chương	Giải thích	Nội dung chính trong báo cáo
D. Quyền dân sự và tự do (điều 7, 8 và 13 đến 17)	Quyền có nhận dạng, quyền tự do thể hiện, tự do tín ngưỡng, tự do hội họp, quyền riêng tư và quyền không bị đối xử tồi tệ hoặc bị làm tổn thương.	<p>những dữ liệu về việc vi phạm QTE, trong đó, chỉ ra nguyên nhân yếu kém về mặt hệ thống và cần phải được cải thiện.</p> <p><i>ii) Bình luận về báo cáo của Nhà nước, trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thông tin về những khó khăn trong thực tế hoặc những biện pháp không được đề cập trong báo cáo Quốc gia;
E. Bạo lực với trẻ em (điều 19, 24 - khoản 3, điều 28 khoản 2, điều 34, điều 37-a và điều 39)	Phần này nói về quyền được bảo vệ khỏi mọi hành động gây tổn thương thể chất, tinh thần, và nhân cách của trẻ em. Nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ trẻ em “khỏi mọi hình thức xâm hại thể chất, tinh thần của trẻ em” dưới mọi hình thức như xâm hại tình dục, bóc lột, bắt cóc, tham gia vào xung đột vũ trang, đối xử tàn bạo phi nhân tính. Nhà nước đưa ra những biện pháp phòng tránh và đảm bảo nạn nhân của bạo lực nhận được sự hỗ trợ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra những ý kiến từ góc nhìn của TCXH bằng cách nêu bật những thực hành tốt của Nhà nước, nhận diện những khoảng trống và những thách thức trong việc thực thi pháp luật, chính sách, các chương trình liên quan đến QTE; - Cập nhật những thông tin về việc thực thi những khuyến nghị trong Kết luận của Ủy ban CRC trong kỳ họp trước. <p><i>iii) Đưa ra những bằng chứng cụ thể:</i></p> <p>Những dẫn chứng, bằng chứng cụ thể được đưa ra nhằm hỗ trợ cho những lập luận được đề cập trong báo cáo. Đó là những trường hợp đặc biệt, điển hình có ích đối với Ủy ban CRC. Những</p>

Chương	Giải thích	Nội dung chính trong báo cáo
F. Môi trường gia đình và những hình thức chăm sóc thay thế (điều 5, 9-11, điều 18 dòng 1 và 2, điều 20, điều 12, điều 25, điều 27 dòng 4)	Phần này nói về việc trẻ em nên sống tại gia đình, những giải pháp khi trẻ em sống xa cha mẹ và trẻ em nên được đối xử ra sao khi sống xa nhà.	<p>ví dụ này có thể ngắn gọn và cần đảm bảo quyền riêng tư của những cá nhân liên quan.</p> <p><i>iv) Sử dụng hình ảnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh được sử dụng nhằm mục đích minh họa cho vấn đề cần quan tâm, không nhằm mục đích gây ấn tượng, gây sốc;
G. Khuyết tật, chăm sóc y tế cơ bản và phúc lợi (điều 6, 18 khoản 3, điều 23, điều 24, điều 26, điều 27 dòng 1, 2, 3; và điều 33)	Phần này đề cập đến những chăm sóc và lợi ích về sức khoẻ trẻ em nên có	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh cho thấy hiện trạng, như trường học, lớp học, trạm y tế, v.v. cho thấy sự thiếu hụt trong việc thực thi QTE; - Hình ảnh có chú thích rõ ràng; - Không đưa hình ảnh trẻ hoặc vi phạm quyền riêng tư của trẻ;
H. Giáo dục, giải trí và các hoạt động văn hoá (Điều từ 28 đến 31)	Phần này đề cập: mọi trẻ em phải được giáo dục để phát triển tốt nhất. Trẻ em có quyền được vui chơi.	<ul style="list-style-type: none"> - Không chỉnh sửa ảnh trừ khi nhằm mục đích bảo vệ quyền riêng tư của trẻ (như làm mờ khuôn mặt trẻ trong ảnh).
I. Các biện pháp bảo vệ đặc biệt (Điều 22, 30, 32, 33, 35, 36, 37(b, c, d) và điều 38, 39, 40).	Phần này nói về việc trẻ em trong những tình huống đặc biệt bao gồm trẻ em tị nạn, trẻ em xung đột với pháp luật. Những điều trong phần này đề cập đến việc trẻ em nên được đối xử như thế nào.	

9. Quy trình viết báo cáo của TCXH

Trên thực tế, không có một văn bản bắt buộc nào đối với các TCXH về quy trình viết báo cáo thực thi QTE. Dựa trên năng lực tổ chức/nhóm viết báo cáo, nguồn lực hỗ trợ (tài chính, chuyên gia, v.v.), TCXH có thể đưa ra những quy trình viết báo cáo phù hợp.

Hình 8: Gợi thiệu gợi ý về quy trình viết báo cáo của TCXH



Bước 1: Xác định mục đích và loại báo cáo:

- ⚙️ Có nên viết báo cáo hay không?
- ⚙️ Có những tổ chức nào khác tham gia vào quá trình viết báo cáo không? Đó là những tổ chức nào? (NGOs, chính phủ, trường học, truyền thông).
- ⚙️ Nguồn lực tài chính và nhân lực, nguồn lực khác cho công việc viết báo cáo là bao nhiêu?
- ⚙️ Nhà tài trợ cho những nguồn lực kể trên là ai?
- ⚙️ Nên tham gia báo cáo chung hay viết báo cáo riêng?
- ⚙️ Mục đích viết báo cáo là gì?
- ⚙️ Báo cáo là báo cáo độc lập hay báo cáo bổ sung?
 - Báo cáo bổ sung: Khi một TCXH viết báo cáo của mình, có quyền

soi chiếu vào báo cáo quốc gia/chính phủ đã đệ trình Ủy ban CRC và phản biện các thông tin trong báo cáo đó.

- Báo cáo độc lập: Khi một TCXH viết báo cáo mà không có báo cáo của Chính phủ (hoặc vì Chính phủ đã không viết hoặc vì Chính phủ không muốn chia sẻ báo cáo đó với các TCXH), đây được gọi là báo cáo độc lập.

Bước 2: Nhận diện những vấn đề viết báo cáo:

- ☀ Báo cáo sẽ là báo cáo toàn diện hay chỉ tập trung vào một hoặc một số vấn đề?
- ☀ Tổ chức sẽ báo cáo lên Ủy ban về vấn đề hoặc những vấn đề nào liên quan đến QTE? Mô tả cụ thể vấn đề đó.
- ☀ Tổ chức tập trung tìm hiểu về vấn đề đó trong nhóm trẻ nào (mọi trẻ em, trẻ em khuyết tật, trẻ em di cư, ...)?
- ☀ Tổ chức tập trung tìm hiểu về vấn đề đó xảy ra tại nơi nào (nhà trường, gia đình)?
- ☀ Vấn đề/ những vấn đề đó, nằm ở đâu trong 9 nhóm vấn đề chính theo hướng dẫn?
- ☀ Vấn đề/ những vấn đề đó đã nhận được khuyến nghị trước đó hay chưa?

Tổ chức có thể chọn một vấn đề nhỏ trong nhóm vấn đề lớn này để tập trung viết. Các vấn đề nhỏ được trình bày trong hộp dưới đây.

Hộp 6: Nội dung trong báo cáo của Quốc gia (trích lược từ hướng dẫn của Ủy ban CRC cho các quốc gia thành viên về báo cáo thực thi QTE năm 2015

Phần 1. Những biện pháp thực hiện tổng thể (điều. 4, 42, 44, khổ 6 trong CRC)

Những thông tin liên quan đến việc bảo lưu một số điều cụ thể, những tuyên bố liên quan đến CRC nên được đưa vào báo cáo. Lý do việc bảo lưu một số điều khoản trong CRC cần được giải thích và được làm rõ.

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên cập nhật những thông tin liên quan đến CRC theo những nội dung sau:

- (a) Những biện pháp được xem xét, được nội luật hoá và được thực hiện hoàn toàn phù hợp với CRC. Những quốc gia thành viên của OPAC và OPSC nên cung cấp thông tin chi tiết về những văn bản luật/ bộ luật liên quan và áp dụng cho OP;

- (b) Chiến lược toàn diện của quốc gia cho trẻ em, kế hoạch liên quan được áp dụng, và mức độ thực thi và đánh giá; chiến lược quốc gia tổng thể và chính sách công được xây dựng có dẫn chiếu CRC; và những chiến lược và kế hoạch ngành cụ thể liên quan đến CRC;
- (c) Thẩm quyền của chính phủ trong việc thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với CRC;
- (d) Phân bổ ngân sách cho thực thi CRC liệu có rõ ràng và có thể giám sát được vì điều này liên quan đến chiến lược tổng thể của quốc gia cho trẻ em và những kế hoạch liên quan;
- (e) Những hỗ trợ và nguồn tài trợ phát triển quốc tế được cung cấp cho việc triển khai thực thi CRC có liên quan đến chiến lược và kế hoạch quốc gia;
- (f) Một cơ quan nhân quyền quốc gia độc lập để giám sát việc thực thi CRC được thành lập và liệu rằng cơ quan đó nhận được những khiếu nại từ trẻ em hoặc đại diện của trẻ. Quốc gia thành viên của OPAC nên báo cáo về việc cơ quan này có nhiệm vụ giám sát những trường quân sự và quân đội, và liệu rằng việc tình nguyện nhập ngũ có được áp dụng cho những người dưới 18 tuổi;
- (g) Những biện pháp được thực hiện để phổ biến những nguyên tắc và điều khoản trong CRC rộng rãi đến người lớn và trẻ em thông qua việc tuyên truyền, tập huấn và tích hợp vào chương trình giảng dạy trong trường học;
- (h) Những nỗ lực được thực hiện và những kế hoạch phổ biến những báo cáo và những kết luận quan sát đến công chúng trên diện rộng, đến các TCXH, các tổ chức kinh tế, cộng đồng, cơ sở tôn giáo, truyền thông và các bên liên quan khác;
- (i) Hợp tác với các TCXH bao gồm cả những nhóm trẻ em, thanh niên tham gia vào việc lập kế hoạch và giám sát thực thi CRC.

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên cung cấp thông tin về hoạt động của những tổ chức kinh tế có ảnh hưởng đến việc trẻ em hưởng thụ quyền của mình có được đánh giá hay không và những biện pháp được áp dụng để điều tra, xét xử, và điều chỉnh những tác động đó.

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên áp dụng Bình luận chung số 2 của Ủy ban (2002) về vai trò của cơ quan nhân quyền quốc gia độc lập trong việc thúc đẩy và bảo vệ QTE; Số 5 (2003) về những biện pháp tổng thể trong việc thực thi CRC; và số 16 (2013) về nghĩa vụ của nhà nước liên quan đến những tác động của thành phần kinh tế đến QTE.

Phần 2. Định nghĩa về trẻ em (điều 1)

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên đưa ra những thông tin liên quan và cập nhật dựa trên điều 1 của CRC về định nghĩa về trẻ em theo pháp luật quốc gia. Nếu độ tuổi trẻ em là dưới 18 tuổi, Quốc gia thành viên nên chỉ ra tất cả trẻ em được lợi như thế nào từ việc được bảo vệ và thụ hưởng những quyền của mình đến khi 18 tuổi. Quốc gia thành viên nên quy định rõ độ tuổi tối thiểu cho việc kết hôn của cả trẻ em nam và trẻ em nữ trong luật pháp của quốc gia.

Phần 3. Những nguyên tắc chung (điều 2, 3, 6 và 12)

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên đưa ra những thông tin liên quan đến:

- (a) Không phân biệt đối xử (điều 2);
- (b) Vì lợi ích tốt nhất của trẻ (điều 3);
- (c) Quyền sống, tồn tại và phát triển (điều 6);
- (d) Tôn trọng quan điểm của trẻ (điều 12).

Thông tin bổ sung cho báo cáo cơ bản tổng quan về những biện pháp đặc biệt được áp dụng nhằm ngăn ngừa phân biệt đối xử (điều 2), và để đảm bảo rằng trẻ em trong những hoàn cảnh khó khăn có thể hưởng và thực hiện quyền của mình. Thông tin về những biện pháp phòng chống phân biệt đối xử trên cơ sở giới, và đảm bảo trẻ em khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số hưởng thụ đầy đủ quyền của mình.

Quốc gia thành viên nên cập nhật thông tin về các biện pháp pháp lý, tư pháp, hành chính và những biện pháp khác được thực thi, đặc biệt nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất cho trẻ (điều 3) và tôn trọng quan điểm của trẻ (điều 12) được thực thi trong các quyết định liên quan đến luật pháp, tư pháp, hành chính.

Về quyền sống, tồn tại và phát triển (điều 6), thông tin về những biện pháp nhằm đảm bảo trẻ em thực hiện quyền của mình mà không có sự phân biệt đối xử. Quốc gia thành viên nên chỉ rõ những biện pháp được áp dụng nhằm:

- (a) Đảm bảo rằng hình phạt tử hình không được áp dụng với người dưới 18 tuổi;
- (b) Đăng ký khai tử và giết hại trẻ em trái luật;
- (c) Ngăn chặn trẻ em tự tử, ngăn chặn giết hại trẻ sơ sinh, và các biện pháp khác có liên quan đến quyền sống, tồn tại và phát triển của trẻ.

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên áp dụng Bình luận chung số 14 (2013) về lợi ích tốt nhất của trẻ em; số 12 (2009) về quyền được lắng nghe của trẻ; và số 11 (2009) về trẻ em dân tộc thiểu số và quyền của trẻ theo CRC.

Phần 4. Những quyền dân sự và Tự do (điều 7, 8, và 13 - 17)

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên đưa ra những thông tin liên quan đến:

- (a) Đăng ký khai sinh, tên và quốc tịch (điều 7);
- (b) Giữ gìn bản sắc (điều 8);
- (c) Tự do bày tỏ ý kiến, tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin (điều 13);
- (d) Tự do suy nghĩ, tín ngưỡng và tôn giáo (điều 14);
- (e) Tự do hiệp hội và hội họp hoà bình (điều 15);
- (f) Bảo vệ sự riêng tư và bảo vệ hình ảnh (điều 16);
- (g) Tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau và bảo vệ khỏi những thông tin có hại cho sự phát triển của trẻ (điều 17).

Nếu thích hợp, thông tin có thể đưa ra về vai trò của truyền thông trong việc thúc đẩy và bảo vệ trẻ em.

Phần 5. Bạo lực với trẻ em (điều 19, 24 khổ 3, 28 khổ 2, 34, 37 (a) và 39)

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên đưa ra những thông tin liên quan đến:

- (a) Xâm hại và sao nhãng (điều 19);
- (b) Những biện pháp ngăn cấm và loại bỏ mọi tập quán có hại dưới mọi hình thức, bao gồm, nhưng không giới hạn tập quán cắt âm hộ, ép buộc kết hôn và kết hôn sớm (điều 23 khổ 3);
- (c) Khai thác tình dục và xâm hại tình dục (điều 34);
- (d) Quyền không bị tra tấn, hoặc chịu những đối xử hoặc trừng phạt phi nhân tính, hoặc hạ thấp nhân phẩm bao gồm hình thức phạt về thể chất hoặc tinh thần (điều 37 (a) và 28, khổ 2);
- (e) Những biện pháp thúc đẩy sự hồi phục về thể chất và tâm lý, và tái hoà nhập cộng đồng của trẻ em là nạn nhân (điều 39);
- (f) Đường dây hỗ trợ sẵn có cho trẻ.

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên áp dụng Bình luận chung số 8 (2006) về quyền được bảo vệ khỏi sự trừng phạt về thể chất và tinh thần và những hình thức trừng phạt hung ác và hạ thấp nhân phẩm khác; số 13 (2011) về quyền của trẻ em về tránh khỏi mọi hình thức bạo lực; và khuyến nghị chung kết hợp số 31 của Công ước về xoá bỏ sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ/ bình luận chung số 18 (2014) của Ủy ban về những tập tục gây tổn hại.

Phần 6. Môi trường gia đình và chăm sóc thay thế (điều 5, 9-11, 18 khổ 1 và 2, 20, 21, 25 và điều 27 khổ 4)

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên cập nhật thông tin liên quan về những biện pháp pháp lý và hành chính, hoặc những biện pháp khác đang thực thi về:

- (a) Môi trường gia đình và hướng dẫn cho cha mẹ có những hành vi thích hợp với khả năng phát triển của trẻ (điều 5);
- (b) Trách nhiệm chung của cha mẹ và hỗ trợ dành cho cha mẹ và những dịch vụ chăm sóc trẻ (điều 18);
- (c) Tách khỏi cha mẹ (điều 9);
- (d) Đoàn tụ gia đình (điều 10);
- (e) Phục hồi hỗ trợ cho trẻ (điều 27 khổ 4);
- (f) Những trẻ em ra khỏi môi trường gia đình (điều 20);
- (g) Xem xét định kì chế độ điều trị (điều. 25);
- (h) Nhận nuôi (trong nước và giữa các nước) (điều 21);
- (i) Vận chuyển trẻ em bất hợp pháp và không trở về (điều 11);
- (j) Những biện pháp nhằm bảo vệ trẻ em sống với cha mẹ đang bị giam giữ.

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên áp dụng Bình luận chung số 7 (2005) về việc thực thi QTE trong giai đoạn đầu đời và cân nhắc đến hướng dẫn về chăm sóc thay thế cho trẻ em (Giải pháp của đại hội đồng số 64/142).

Phần 7. Trẻ em khuyết tật, chăm sóc y tế và phúc lợi cơ bản (điều 6, 18 khổ 3, 23, 24, 26, 27 khổ 1-3, và 33)

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên đưa ra những thông tin liên quan đến trẻ em khuyết tật và những biện pháp áp dụng nhằm đảm bảo phẩm giá, tự lực và sự tham gia chủ động vào cộng đồng thông qua việc tiếp cận tất cả dịch vụ, giao thông, cơ quan và đặc biệt là giáo dục và hoạt động văn hoá (điều 23).

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên cập nhật những thông tin liên quan đến:

- (a) Sống còn và phát triển (điều 6 khổ 2);
- (b) Y tế và dịch vụ y tế, đặc biệt chăm sóc sức khoẻ ban đầu (điều 24);
- (c) Những nỗ lực nhằm loại bỏ những thách thức về y tế phổ biến nhất, thúc đẩy sức khoẻ thể chất và tinh thần và sự phát triển của trẻ em và ngăn ngừa và giải quyết những bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm;
- (d) Quyền về sức khoẻ sinh sản của vị thành niên và các biện pháp để thúc đẩy lối sống lành mạnh;
- (e) Các biện pháp bảo vệ trẻ em khỏi việc lạm dụng chất (điều 33).

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên đưa ra những thông tin liên quan đến:

- (a) An sinh xã hội và dịch vụ và các cơ sở chăm sóc trẻ em (điều 26 và 18 khổ 3);
- (b) Tiêu chuẩn sống và những biện pháp, bao gồm hỗ trợ vật chất và các chương trình hỗ trợ liên quan đến dinh dưỡng, quần áo, nhà ở, đảm bảo sự phát triển thể chất, tinh thần, tâm lý, đạo đức và xã hội của trẻ và giảm đói nghèo và bất bình đẳng (điều 27 khổ 1 - 3).

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên áp dụng Bình luận chung số 3 (2003) về HIV/AIDS và quyền của trẻ em; số 4 (2003) về sức khoẻ và sự phát triển vị thành niên theo CRC; số 9 (2006) về trẻ em khuyết tật; và số 15 (2013) về quyền của trẻ em hưởng những tiêu chuẩn cao nhất về y tế (điều 24).

Phần 8. Giáo dục, giải trí và những hoạt động văn hoá (điều 28- 31)

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên đưa ra những thông tin liên quan đến luật pháp và chính sách, việc thực thi, tiêu chuẩn chất lượng, tài lực và nhân lực, và bất kỳ biện pháp khác để đảm bảo trẻ em hưởng những quyền của mình từ giai đoạn đầu đời đến thời đi học, đặc biệt trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và dễ bị tổn thương, liên quan đến:

- (a) Quyền về giáo dục bao gồm học nghề và hướng dẫn nghề (điều 28);
- (b) Mục tiêu của giáo dục (điều 29) liên quan đến chất lượng giáo dục;

- (c) Quyền về văn hoá của trẻ em dân tộc thiểu số hoặc trẻ em thuộc về nhóm thiểu số (điều 30);
- (d) Giáo dục về nhân quyền và giáo dục công dân;
- (e) Nghỉ ngơi, chơi, giải trí, tiêu khiển và các hoạt động văn hoá và nghệ thuật (điều 31).

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên áp dụng Bình luận chung số 1 (2001) về mục tiêu của giáo dục; số 7 (2005) về thực thi QTE trong thời thơ ấu; số 9 (2006) về quyền của trẻ em khuyết tật; số 11 (2009) về trẻ em dân tộc thiểu số và quyền của trẻ em dân tộc thiểu số; và số 17 (2013) về quyền nghỉ ngơi, giải trí, vui chơi và các hoạt động tiêu khiển, đời sống văn hoá và nghệ thuật (điều 31).

Phần 9. Những biện pháp bảo vệ đặc biệt (điều 22, 30, 32, 33, 35, 36, 37 (b) - (d), và 38 - 40)

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên cập nhật những thông tin về các biện pháp đặc biệt liên quan đến bảo vệ:

- (a) Trẻ em ngoài quốc gia của mình tìm kiếm sự bảo vệ tị nạn (điều 22), trẻ em tị nạn, trẻ em di cư trong nước; trẻ em di cư ra nước khác và trẻ em bị ảnh hưởng bởi sự di cư;
- (b) Trẻ em thuộc nhóm thiểu số hoặc nhóm dân tộc thiểu số (điều 30);
- (c) Trẻ em trong tình trạng trên đường phố;
- (d) Trẻ em trong tình trạng bị bóc lột, bao gồm các biện pháp hồi phục về tâm lý, thể chất và tái hoà nhập xã hội:
 - (i) Bóc lột vì mục đích kinh tế, bao gồm lao động trẻ em (điều 32), đặc biệt liên quan đến độ tuổi tối thiểu áp dụng;
 - (ii) Sử dụng trẻ em vào việc sản xuất bất hợp pháp và buôn bán ma túy và chất hướng thần (điều 33.);
 - (iii) Bóc lột tình dục và xâm hại tình dục (điều 34);
 - (iv) Bán, mua bán, bắt cóc (điều 35);
 - (v) Những hình thức bóc lột khác (điều 36);
- (e) Trẻ em vi phạm pháp luật, nạn nhân và nhân chứng là trẻ em, và tư pháp vị thành niên;
 - (i) Hành chính tư pháp vị thành niên (điều 40), toà án riêng và độc lập, và áp dụng độ tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự;

- (ii) Trẻ em bị tước tự do và các biện pháp đảm bảo rằng bất kỳ sự bắt giữ, giam giữ, tống giam phải được sử dụng như là biện pháp cuối cùng và trong thời gian ngắn nhất và những hỗ trợ pháp lý và những hỗ trợ khác ngay lập tức được cung cấp (điều 37 (b)- (d));
- (iii)Việc tuyên án trẻ em, đặc biệt cấm án tử hình và chung thân (điều 37 (a)) và sự sẵn có của những hình phạt khác dựa trên hướng tiếp cận thiên về phục hồi;
- (iv)Phục hồi thể chất và tinh thần và tái hoà nhập cộng đồng (điều 39);
- (v) Những hoạt động tập huấn được phát triển cho tất cả ngành nghề tham gia vào hệ thống tư pháp vị thành niên, bao gồm thẩm phán, quan toà, công tố viên, luật sư, cán bộ thực thi pháp luật, cán bộ di trú và nhân viên xã hội, theo Công ước, Nghị định thư không bắt buộc bổ sung, và những công cụ quốc tế khác trong lĩnh vực tư pháp vị thành niên bao gồm hướng dẫn về tư pháp về các vấn đề liên quan đến nạn nhân là trẻ em, nhân chứng là trẻ em (giải pháp của hội đồng kinh tế và xã hội 2005/20);
- (f) Trẻ em trong các cuộc xung đột vũ trang (điều 38) bao gồm sự hồi phục về thể chất và tâm lý, tái hoà nhập cộng đồng (điều 39).

Trong phần này, Quốc gia thành viên nên áp dụng Bình luận chung số 6 (2005) về trẻ em phải rời xa nguyên quán; số 10 (2007) về quyền của trẻ em trong tư pháp vị thành niên; và số 11 (2009) về trẻ em dân tộc thiểu số và quyền của trẻ em theo CRC.

Bước 3: Lập kế hoạch

- ⚙ Khi nào gửi báo cáo?
- ⚙ Quá trình viết báo cáo trong bao lâu?
- ⚙ Sự cam kết của người tham gia trong quá trình viết báo cáo như thế nào?
- ⚙ Sự cân đối thời gian của tổ chức cho quá trình viết báo cáo như thế nào?
- ⚙ Liệu tổ chức/ những người tham gia trong quá trình viết báo cáo có tham gia buổi họp trừ bị, hoặc phiên họp toàn thể hay không?
- ⚙ Trẻ em sẽ tham gia như thế nào trong quá trình này?

- ☀ Nhóm trẻ em đặc biệt nào (trẻ em khuyết tật, trẻ em lao động v.v.) có tham gia vào báo cáo không?

Bước 4: Thu thập và phân tích thông tin:

Dựa trên việc xác định những vấn đề cần viết báo cáo, tổ chức xác định những loại thông tin cần thu thập và cách thức hay nguồn thu thập thông tin.

Thông tin thu thập thông tin thực chất là thu thập những bằng chứng để chỉ ra nghĩa vụ của quốc gia đối với thực thi CRC hay những vi phạm của quốc gia.

Tổ chức thu thập những thông tin gì?

- ☀ Thông tin về các dữ kiện về sự vật, hiện tượng, sự kiện, hoạt động có thể trực tiếp quan sát và kiểm chứng được. Bao gồm dữ liệu định lượng và định tính.
 - Ví dụ liên quan đến dữ liệu định lượng: Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi thấp còi;
 - Ví dụ liên quan đến dữ liệu định tính: Mô tả những bối cảnh, sự kiện trẻ em bị bạo lực thể chất và tinh thần;
- ☀ Thông tin dựa vào đánh giá, suy đoán như thông tin liên quan đến nhận thức; những đánh giá, ý kiến hoặc nhận xét của cá nhân. Bao gồm dữ liệu định lượng và định tính.
 - Ví dụ liên quan đến dữ liệu định lượng: Tỷ lệ trẻ em gái cảm thấy an toàn khi đi một mình trên đường vào buổi tối;
 - Ví dụ liên quan đến dữ liệu định tính: Quyền được lắng nghe của trẻ em đã được đảm bảo trong pháp luật và thực thi đầy đủ trong thực tế tại Quốc gia;
- ☀ Thông tin liên quan đến việc tuân thủ những nguyên tắc liên quan đến QTE để cho thấy mức độ hoàn thành nghĩa vụ như cam kết và những kết quả mang lại nhằm cải thiện sự hưởng thụ nhân quyền.
- ☀ Thông tin liên quan đến việc thực hiện quyền thể hiện sự thay đổi của những chương trình phát triển: như kết quả hay tác động của những chương trình, dự án. Tuy vậy, những thông tin này chỉ tập trung vào một số nguyên tắc của nhân quyền như không phân biệt đối xử, công bằng, sự tham gia.


Nguồn thông tin thu thập từ đâu?

Thông tin thứ cấp:

- ☀ Thống kê/báo cáo của cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp);

- ⚙️ Các nghiên cứu đã công bố của LHQ và các tổ chức quốc tế;
- ⚙️ Các nghiên cứu của các viện nghiên cứu;
- ⚙️ Các nghiên cứu của TCXH;
- ⚙️ Các nghiên cứu trường hợp vi phạm QTE;
- ⚙️ Nếu TCXH đã thực hiện việc giám sát như vậy tổ chức có thể sử dụng ngay các thông tin này và tiến hành phân tích.

Thông tin trực tiếp: tự thực hiện một nghiên cứu/ khảo sát của riêng tổ chức

 **Lưu ý:** Không trích dẫn bài báo tin tức trừ phi là sự kiện đặc biệt hoặc tuyên bố của chính khách, hoặc không thể tìm được thông tin khác ngoài báo chí.

Tổ chức phân tích điều gì?

Liên quan đến cấu trúc hay thể chế, hệ thống chính sách và pháp luật: thể hiện những cam kết của Nhà nước về QTE. Bao gồm, nhưng không giới hạn:

- ⚙️ Thông tin về việc tham gia hay phê chuẩn các công cụ nhân quyền khác;
- ⚙️ Thông tin về việc bảo lưu một số điều khoản trong các công ước nhân quyền mà ảnh hưởng đến QTE;
- ⚙️ Xác định khoảng cách giữa luật pháp quốc gia so với luật pháp nhân quyền quốc tế và nghĩa vụ của quốc gia thành viên so với các công ước nhân quyền;
- ⚙️ Xác định khoảng cách giữa việc dẫn chứng các chính sách công về nhân quyền so với các thực hành tốt ở cấp quốc tế;
- ⚙️ Xác định những luật tục và thiết chế nội địa trong mối tương quan với việc thực thi các nghĩa vụ nhân quyền.
- ⚙️ QTE được thể hiện trong Hiến pháp và chính sách ở mức độ như thế nào;

Liên quan đến nỗ lực/ tiến trình: thể hiện những nỗ lực thực hiện của Nhà nước liên quan đến QTE. Bao gồm, nhưng không giới hạn:

- ⚙️ Phù hợp với bối cảnh và hướng đến cấp địa phương như năng lực của cán bộ địa phương thực hiện;

- ⊗ Có khả thi trong việc thực hiện như các hướng dẫn thực thi và ngân sách phân bổ trong việc thực hiện;
- ⊗ Tập trung nhiều vào các số liệu mang tính hành chính như số trường hợp khiếu nại, khởi kiện liên quan đến QTE;
- ⊗ Sự tham gia của các thành phần ngoài nhà nước trong việc bảo vệ, thúc đẩy QTE;
- ⊗ Quá trình ra quyết định chính sách thể hiện 'lợi ích tốt nhất của trẻ' như thế nào;

Liên quan đến kết quả: thể hiện các kết quả của việc thực thi quyền trong thực tế. Bao gồm, nhưng không giới hạn:

- ⊗ Chính sách quốc gia được thực thi như thế nào để bảo vệ QTE;
- ⊗ Trẻ em, trẻ vị thành niên, cha, mẹ, người bảo trợ của trẻ nhận thức về QTE như thế nào;
- ⊗ Chính sách và thực thi chính sách được xây dựng theo chuẩn mực chung/phổ quát nhưng cần được cụ thể hóa với các nhóm trẻ em khác nhau như: trẻ em hưởng thụ các quyền và tự do cơ bản; hiệu quả xử lý các vụ khiếu nại, tố cáo, khởi kiện.

Đồng thời, xem xét những khuyến nghị, báo cáo của các cơ chế nhân quyền khác và khuyến nghị trước đó của Ủy ban CRC nhằm đối chiếu, so sánh.

Hộp 7: Thông tin tham khảo trong quá trình thu thập, phân tích thông tin để đối chiếu, so sánh

Trong quá trình thu thập thông tin và viết báo cáo, tổ chức cần tham khảo thông tin ở những nguồn sau:

- Nội dung **CRC**

- Báo cáo quốc gia thành viên được đăng tải trên trang web của OHCHR.

- **Những nhận xét kết luận** của Ủy ban CRC: Nếu Nhà nước đã có phiên họp với Ủy ban CRC trước đó, cần xem những nhận xét kết luận và xem Chính phủ có thực hiện những khuyến nghị của Ủy ban CRC không.

- **Những Bình luận chung:** Các khuyến nghị chung có sự giải thích/ diễn giải mới nhất, cập nhật nhất về những tiêu chuẩn, quy phạm trong CRC. Tổ chức nên xem phần các khuyến nghị chung, phù hợp theo nhóm vấn đề.

- **Những báo cáo của các cơ quan Nhân quyền khác của LHQ** (ví dụ, các báo cáo chuyên đề về sức khỏe, nhà ở, bạo lực với phụ nữ, v.v.): Những báo cáo của báo cáo viên đặc biệt cũng mở rộng các tiêu chuẩn, quy phạm và cung cấp dữ liệu về những vi phạm QCN có thể đóng góp cho báo cáo.

- **Những nhận xét kết luận của các Công ước khác của LHQ:** Trong trường hợp quốc gia có báo cáo cho các công ước khác, TCXH cũng có thể tham chiếu những phần nhận xét kết luận có liên quan đến các quyền của trẻ em.

- **Những biên bản tóm tắt:** Những biên bản tóm tắt mô tả cuộc đối thoại giữa quốc gia thành viên và Ủy ban CRC tại phiên rà soát và sẽ bao gồm những thông tin không được đề cập trong phần nhận xét kết luận. Những văn bản này sẽ cung cấp dữ liệu chính thống và chính xác về phiên đối thoại/ phiên họp và sẽ giúp ích cho phần phân tích của TCXH trong báo cáo. Những biên bản này cũng rất hữu ích trong việc vận động nhà nước/quốc gia thành viên thực hiện cam kết của chính phủ và thúc đẩy những quan điểm của Ủy ban CRC.

Tham khảo thêm phần VI: TCXH giám sát thực thi QTE

Bước 5: Viết báo cáo

Báo cáo được viết theo cấu trúc dưới đây:

Phần 1: Giới thiệu

Phần giới thiệu nhằm cung cấp thông tin về phương pháp sử dụng, danh sách các TCXH tham gia đóng góp cho báo cáo và tình hình tổng quan của đất nước mà có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện QTE.

Phần 2: Nội dung chính

Báo cáo của TCXH nên tập trung vào việc cung cấp những phân tích có hệ thống về tính tương thích giữa luật, chính sách và thực tế triển khai tại Quốc gia thành viên theo từng nhóm vấn đề được phân chia giống như trong báo cáo của Nhà nước (xem thêm phần báo cáo của Quốc gia và phụ lục 1 về nội dung của từng nhóm vấn đề trong báo cáo).

Phần 3: Kết luận và khuyến nghị

Kết luận và khuyến nghị không phải là một phần riêng trong báo cáo. Kết luận và khuyến nghị nằm cuối cùng trong mỗi phần của báo cáo. Ủy ban CRC có thể cân nhắc sử dụng những khuyến nghị này cho Kết luận của Ủy ban. Khuyến nghị đề cập đến những giải pháp cho những vấn đề

được nêu trong báo cáo. Những giải pháp đó cần cụ thể, rõ ràng, thực tế và phù hợp với quốc gia và mang tính kêu gọi hành động.

Ví dụ, nếu trong báo cáo nêu rằng ‘dịch vụ giáo dục còn yếu’ thì trong khuyến nghị nên đưa ra những giải pháp cụ thể, rõ ràng để cải thiện hệ thống giáo dục thay vì nêu chung chung như “cần cải thiện hệ thống giáo dục”.

Danh sách của toàn bộ những khuyến nghị có thể được xây dựng kèm với tóm tắt báo cáo hoặc trong phần phụ lục.

PHẦN V: CƠ CHẾ BÁO CÁO ĐƠN GIẢN HOÁ

1. Cơ chế báo cáo đơn giản hoá (Simplified Reporting Procedure) là gì?

Vào năm 2014, Đại hội đồng LHQ thông qua Nghị quyết A/RES/68/268 về “đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của hệ thống nhân quyền dựa trên điều ước”, trong đó khuyến khích những cơ quan này và quốc gia thành viên sử dụng cơ chế báo cáo đơn giản hoá để chuẩn bị cho báo cáo định kỳ và phiên họp toàn thể với quốc gia thành viên trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với công ước đã phê chuẩn.

Mục tiêu của Cơ chế báo cáo đơn giản hoá (SRP) nhằm “thúc đẩy quốc gia thành viên chuẩn bị báo cáo và tham gia đối thoại tích cực về tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với công ước đã phê chuẩn”; và đảm bảo “tính hiệu suất và hiệu quả trong công việc của cơ quan nhân quyền dựa trên điều ước, đặc biệt liên quan đến tình trạng tồn đọng báo cáo”.

Đến nay, SRP là một cơ chế tùy chọn, còn được gọi là “Danh sách những vấn đề cần làm rõ trước khi báo cáo” (List of Issues Prior to Reporting (LOIPR) procedure). Danh sách những vấn đề cần làm rõ trước khi báo cáo (LOIPR) là một danh sách công khai giới hạn những vấn đề do Ủy ban thông qua dựa trên việc xem xét những tài liệu, bao gồm báo cáo của các cơ quan LHQ, TCXH, và những bên liên quan khác.

LOIPR nhằm mục đích hỗ trợ Nhà nước chuẩn bị báo cáo, theo đó, báo cáo chỉ tập trung vào những vấn đề ưu tiên quan trọng. Như vậy, báo cáo quốc gia bao gồm phản hồi cho những vấn đề do Ủy ban gửi kèm theo báo cáo tổng quan.

Như vậy, theo cơ chế báo cáo đơn giản hoá này, sau khi quốc gia thành viên nộp báo cáo cho đến phiên họp toàn thể, Quốc gia sẽ không cần cung cấp thêm thông tin bằng văn bản thêm cho Ủy ban. Phiên họp toàn thể với nội dung dựa trên báo cáo của Nhà nước trả lời về LOIPR do Ủy ban gửi trước đó.

Phần sau sẽ giới thiệu về quy trình báo cáo mới theo SRP.

UNCRC và SRP

Thực tế, Ủy ban CRC chịu ảnh hưởng bởi vấn đề báo cáo tồn đọng do nhiều quốc gia tham gia phê chuẩn công ước CRC và Nghị định thư tùy

chọn bổ sung. Vấn đề này đã được Ủy ban giải quyết và cho phép Ủy ban có thể lập kế hoạch và sắp xếp thời gian dành cho các bên liên quan bảo vệ QTE, đặc biệt là trẻ em.

Vào năm 2016, Ủy ban quyết định bắt đầu thực hiện SRP sau khi đã giải quyết được vấn đề tổn động báo cáo. Tháng 11 năm 2016, Ủy ban đã mời nhóm quốc gia đầu tiên tham gia vào cơ chế SRP. Một số quốc gia đồng ý như Hungary, Croatia; một số từ chối.

Lưu ý: chỉ những quốc gia được Ủy ban mời mới có thể tham gia cơ chế SRP.

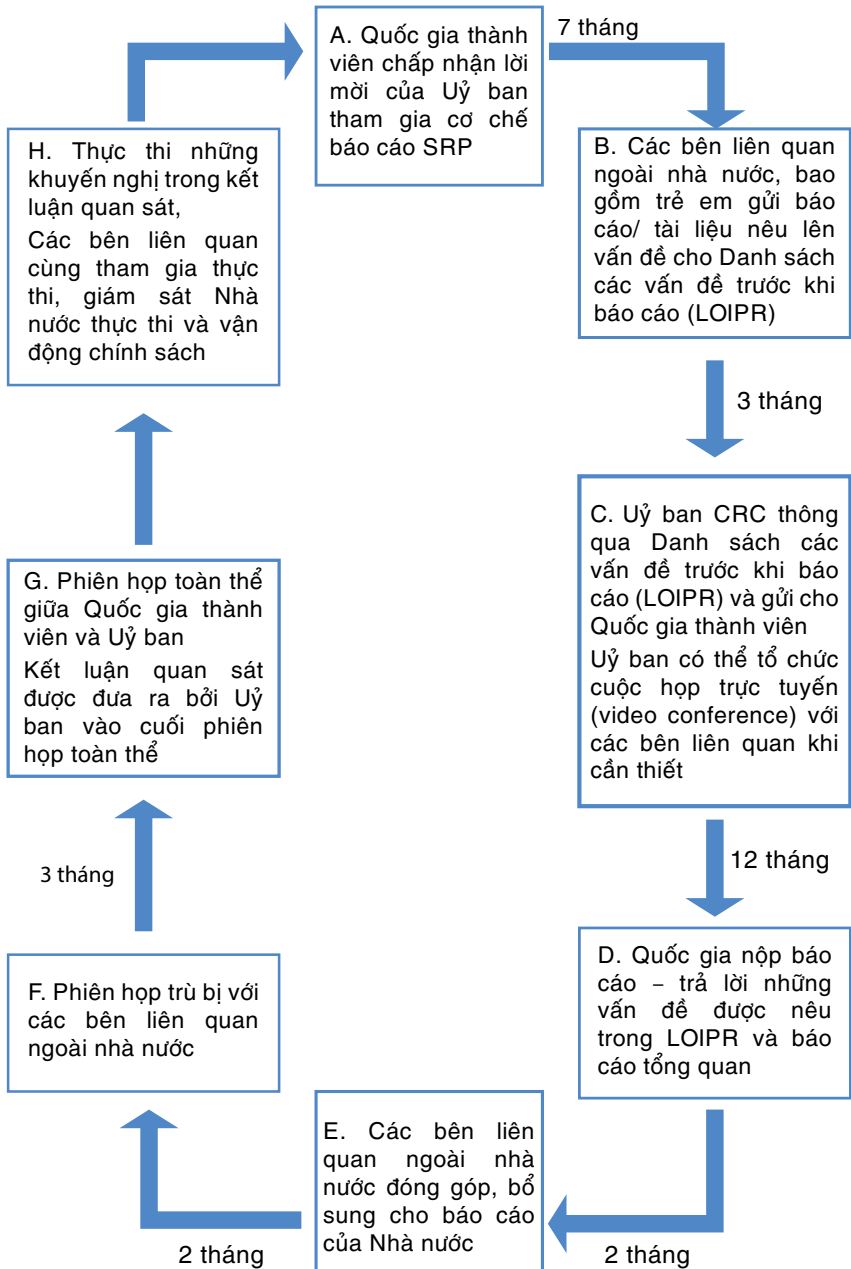
Cơ chế báo cáo SRP tạo điều kiện cho các bên liên quan ngoài nhà nước tham gia vào quá trình báo cáo CRC một cách thực tế và thực chất hơn. Thời gian các tổ chức ngoài nhà nước tham gia với mức độ và thời gian theo chu trình báo cáo SRP khác so với chu trình báo cáo CRC thông thường. Ví dụ, tiến trình của báo cáo theo SRP bắt đầu bằng việc Ủy ban thông qua LOIPR thay vì báo cáo từ nhà nước như chu trình thông thường.

2. Chu trình báo cáo CRC theo SRP

Ủy ban hiện đang trong giai đoạn thử nghiệm chu trình báo cáo theo SRP, do vậy, chu trình báo cáo có thể được thay đổi trong tương lai. Ủy ban sẽ đánh giá tác động của chu trình báo cáo theo SRP và sẽ đánh giá tính tích cực và tiêu cực để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của hệ thống.

Chu trình báo cáo theo SRP sẽ bắt đầu bằng việc LOIPR được thông qua và gửi cho quốc gia thành viên thay vì việc Quốc gia gửi báo cáo cho Ủy ban như trong chu trình thông thường hiện tại.

Hình 9. Chu trình báo cáo CRC theo SRP



2.1. Quốc gia thành viên chấp nhận tham gia cơ chế báo cáo SRP

Theo cơ chế báo cáo đơn giản hoá, Ủy ban CRC gửi thư mời tham gia vào SRP. Quốc gia thành viên lựa chọn tham gia hoặc từ chối.

Khi quốc gia thành viên chấp nhận tham gia SRP, trên trang mạng (website) của Ủy ban sẽ đưa tên quốc gia vào “Danh sách các vấn đề quan tâm trước khi báo cáo” (List of issues prior to reporting) trong nhóm làm việc cho phiên trừ bị.

Chu trình báo cáo bắt đầu khi Quốc gia thành viên chấp nhận tham gia SRP.

2.2. Báo cáo lần một của các bên liên quan ngoài nhà nước, bao gồm trẻ em cho Danh sách các vấn đề trước khi báo cáo (LOIPR)

Ba tháng trước khi thông qua LOIPR và bảy tháng sau khi Quốc gia đồng ý tham gia SRP, các bên liên quan ngoài nhà nước, đặc biệt TCXH cung cấp bằng văn bản những thông tin để Ủy ban xem xét đưa vào LOIPR gửi cho nhà nước.

Báo cáo lần đầu này của các bên liên quan ngoài nhà nước, TCXH cần phải ngắn gọn, tóm tắt và không chi tiết bằng báo cáo bổ sung lần hai.

Báo cáo lần này cần tập trung vào các câu hỏi mà Ủy ban nên đưa vào trong LOIPR và không đề cập đến khuyến nghị dành cho kết luận quan sát. Thông tin gửi cho Ủy ban có thể ở dạng bí mật.

Xem thêm phần 3.2 về nội dung báo cáo của các bên liên quan ngoài nhà nước

Vai trò của TCXH:

Tại cuộc họp thường niên lần thứ 22 vào năm 2011, những Chủ tịch của các Ủy ban Công ước đã thống nhất rằng các cơ quan nhân quyền và xã hội dân sự, bao gồm TCXH, đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị danh sách các vấn đề trước khi báo cáo (LOIPR) và khuyến khích sự tham gia tích cực của những tổ chức này vào chu trình báo cáo.

2.3. Ủy ban CRC thông qua Danh sách các vấn đề trước khi báo cáo (LOIPR)

Ủy ban CRC gửi đến quốc gia thành viên 30 câu hỏi¹¹ yêu cầu Quốc gia cung cấp những thông tin cụ thể. Danh sách những câu hỏi này được gọi là Danh sách những vấn đề trước khi báo cáo (LOIPR). Các câu hỏi trong LOIPR gửi cho Quốc gia thành viên bao gồm các biện pháp và những cải thiện liên quan đến việc thực thi Công ước và 2 Nghị định thư bổ sung tùy chọn (nếu là quốc gia thành viên).

Ủy ban soạn thảo dựa trên thông tin nhận được bởi Thư ký của Ủy ban và những bên liên quan khác bao gồm TCXH và trẻ em. Ủy ban phối hợp cùng với các bên liên quan ngoài nhà nước bao gồm các TCXH có nộp báo cáo bằng văn bản về tình hình trẻ em tại quốc gia thành viên. Tổ chức cũng làm việc mật thiết với Child Rights Connect.

Trước khi thông qua LOIPR, khi cần thiết, Ủy ban có thể tổ chức buổi họp trực tuyến (video conference). Ủy ban cũng quyết định mời ai tham dự buổi họp trực tuyến và liên lạc với những bên đó. Nếu Ủy ban thấy rằng việc trao đổi bằng lời là không cần thiết, LOIPR sẽ được thông qua dựa trên những tài liệu nhận được.

Nội dung của LOIPR sẽ đưa ra khung nội dung cho toàn bộ quy trình xem xét báo cáo, do vậy, ở một mức độ nào đó, cũng sẽ ảnh hưởng đến những nội dung mà các bên liên quan ngoài nhà nước, bao gồm TCXH, có thể cung cấp. Ví dụ, nếu LOIPR không đề cập một số chủ đề, Ủy ban có thể quyết định thảo luận hoặc không thảo luận chủ đề đó với các bên liên quan ngoài nhà nước tại phiên trụ bị. Ngoài ra, nếu một vấn đề chưa được đề cập trong LOIPR, mà Ủy ban xem xét thấy cần thiết, Ủy ban vẫn có thể thảo luận với TCXH và Quốc gia thành viên.

Thực chất, LOIPR giống như danh sách những vấn đề cần quan tâm ở chu trình bình thường, sẽ lưu ý rằng Ủy ban có thể hỏi những câu hỏi liên quan đến Công ước và Nghị định thư tùy chọn bổ sung trong phiên họp toàn thể.

¹¹ Theo hướng dẫn của Ủy ban dành cho Quốc gia thành viên trên website là 30 câu hỏi (<https://www.ohchr.org/Documents/HRBodies/CRC/InfoNoteStatesSRPDec2017.pdf>) Nghị quyết 68/268 khuyến khích các Ủy ban hạn chế số lượng câu hỏi cho LOIPR. OHCHR khuyến nghị nên tối đa 25 câu hỏi cho LOIPR. Ủy ban của các công khác nhau sử dụng hình thức, nội dung và số lượng cho LOIPR khác nhau. Xem thêm: https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=HRI%2fMC%2f2014%2f4&Lang=en

Hộp 8: Nội dung và hình thức của LOIPR theo SRP

Tháng 6 năm 2017, Ủy ban CRC đã đưa ra quyết định về nội dung và hình thức của LOIPR như sau:

- ☀ Cấu trúc của LOIPR sẽ được chia thành các nhóm chủ đề như hiện tại;
- ☀ LOIPR bao gồm:
 - Các câu hỏi liên quan đến những khuyến nghị được chọn lọc từ Kết luận quan sát kỳ trước của Ủy ban dành cho Quốc gia thành viên bao gồm câu hỏi chung (như các biện pháp nào đã được đưa ra để thực hiện khuyến nghị số X và kết quả đến giờ ra sao?) và câu hỏi sẽ chi tiết, cụ thể;
 - Những tiến triển hiện tại tại quốc gia thành viên, bao gồm những vấn đề mới phát sinh;
 - Những câu hỏi để Nhà nước đưa ra những vấn đề khác;
 - Những câu hỏi về số liệu tổng thể và chi tiết (để nhà nước đưa vào trong phụ lục của báo cáo).

2.4. Quốc gia thành viên nộp báo cáo

Theo như chu trình báo cáo SRP, quốc gia thành viên chỉ nộp báo cáo một lần duy nhất bằng văn bản thay vì hai lần như chu trình báo cáo thông thường gồm nộp báo cáo và trả lời bằng văn bản cho danh sách các vấn đề do Ủy ban gửi.

Báo cáo của quốc gia theo chu trình SRP này sẽ bao gồm phần trả lời cho những câu hỏi được nêu trong LOIPR kèm theo báo cáo tổng quan.

2.5. Báo cáo lần hai của các bên liên quan ngoài nhà nước

Hai tháng trước phiên họp trừ bị, các bên liên quan ngoài nhà nước, đặc biệt các TCXH nộp báo cáo lần hai hay chính là báo cáo bổ sung hay báo cáo thay thế hoàn chỉnh. Việc nộp báo cáo này có thể ở dạng bí mật hoặc công khai.

Do thời gian cho việc nộp báo cáo lần hai không nhiều, do vậy, các tổ chức cần bắt đầu viết báo cáo dựa trên LOIPR gửi cho nhà nước và tiếp tục quá trình giám sát và thu thập dữ liệu.

2.6. Phiên họp trừ bị

Sau khi Quốc gia gửi báo cáo và ba tháng trước phiên họp toàn thể, Ủy ban sẽ tổ chức phiên họp trừ bị. Tương tự như phiên họp trừ bị của chu

trình bình thường, Ủy ban chỉ mời một số bên được lựa chọn bao gồm UNICEF và các cơ quan UN, các TCXH, trẻ em.

Ủy ban sẽ tổ chức buổi họp trực tuyến hoặc gặp mặt trực tiếp với trẻ em.

2.7. Phiên họp toàn thể và kết luận quan sát

Khi chu trình báo cáo bắt đầu bằng LOIPR có nghĩa rằng buổi đối thoại với nhà nước và Kết luận quan sát chỉ đề cập đến một số vấn đề nhất định.

Kết luận quan sát được đưa ra vào cuối phiên họp toàn thể.

Ủy ban không định tạo ra những thay đổi lớn về Kết luận quan sát theo chu trình SRP. Theo đó, kết luận quan sát vẫn giữ nguyên hình thức, bao gồm những vấn đề cấp thiết đòi hỏi Quốc gia thành viên phải xem xét lại. Tuy nhiên, kết luận quan sát chỉ tập trung phản ánh những vấn đề đề cập trong LOIPR và sẽ không bao phủ toàn diện như trong kết luận quan sát của chu trình thông thường hiện nay.

2.8. Những hoạt động tiếp theo sau Kết luận của Ủy ban quốc tế về QTE

Tổ chức tiếp tục tham gia cùng Nhà nước thực hiện những khuyến nghị trong kết luận quan sát của Ủy ban đồng thời tiếp tục thực hiện giám sát thực thi QTE để vận động trong nước và báo cáo thực thi QTE cho các Ủy ban của công ước khác hay các cơ chế nhân quyền khác như UPR.

3. Báo cáo theo chu trình báo cáo SRP

3.1. Báo cáo quốc gia

Báo cáo chỉ được nộp sau khi Quốc gia thành viên nhận được danh sách những vấn đề trước khi báo cáo (LOIPR) do Ủy ban gửi. Theo đó, báo cáo của Quốc gia tập trung vào những vấn đề ưu tiên chính được nêu trong LOIPR. Báo cáo Quốc gia theo SRP có giới hạn 21.200 từ (cho báo cáo từ lần thứ 2 trở đi), bằng với báo cáo chi tiết của Quốc gia theo chu trình báo cáo thông thường.

3.2. Báo cáo của các bên liên quan ngoài nhà nước

3.2.1. Báo cáo lần một cho LOIPR

Ba tháng trước khi thông qua LOIPR và bảy tháng sau khi Quốc gia đồng ý tham gia SRP, các bên liên quan ngoài nhà nước, đặc biệt TCXH cung cấp bằng văn bản những thông tin để Ủy ban xem xét đưa vào LOIPR gửi cho Nhà nước.

Những thông tin dành cho TCXH bao gồm:

- ⚙️ Những xu hướng và những vấn đề mới xuất hiện trong thời gian gần đây và cần được đưa vào trong LOIPR;
- ⚙️ Theo mỗi vấn đề được đề xuất, TCXH nên đưa ra những câu hỏi kèm theo những thông tin cơ bản về bối cảnh, và giải thích tại sao vấn đề cần được đề cập trong LOIPR. Những điều này có thể bao gồm hoặc không bao gồm những điều được đề cập trong Kết luận quan sát trước đó của Ủy ban;
- ⚙️ TCXH đề cập đến những vấn đề theo bố cục về nhóm những vấn đề mà ủy ban đưa ra (đã đề cập ở phần trước, hoặc tham khảo phụ lục 1); tuy nhiên, báo cáo có thể tập trung vào những vấn đề xuyên suốt hoặc theo chuyên đề;

Giới hạn từ cho báo cáo của TCXH của người lớn: nếu đó là báo cáo tổng thể, số từ giới hạn là 10.000 từ và báo cáo theo chuyên đề, số lượng từ tối đa là 3.000 từ.

Các tổ chức của trẻ em có thể sử dụng hình thức báo cáo khác nhau, nếu ở dưới dạng văn bản, số lượng từ không có giới hạn.

3.2.2. Báo cáo lần hai

Hai tháng trước phiên họp trừ bị, các bên liên quan ngoài nhà nước, đặc biệt các TCXH nộp báo cáo lần hai hay chính là báo cáo bổ sung. Đây là báo cáo hoàn chỉnh của TCXH.

Báo cáo cần tuân theo bố cục của LOIPR. Với báo cáo chuyên đề nên dẫn chiếu đến những vấn đề hoặc câu hỏi trong LOIPR.

TCXH cung cấp những thông tin chi tiết, cụ thể hơn báo cáo lần một (1). Bao gồm:

- ⚙️ Thông tin chi tiết về các vấn đề hay câu hỏi được đề cập trong báo cáo lần 1;
- ⚙️ Thông tin cập nhật, những tiến triển mới;
- ⚙️ Nhận xét, ý kiến về báo cáo Quốc gia;
- ⚙️ Câu hỏi cho buổi đối thoại trong phiên họp trừ bị;
- ⚙️ Những khuyến nghị dành cho Kết luận quan sát;
- ⚙️ Những khoảng trống trong LOIPR và báo cáo của Quốc gia thành viên.

Giới hạn từ cho báo cáo của TCXH của người lớn: nếu đó là báo cáo tổng thể, số từ giới hạn là 20.000 từ và báo cáo theo chuyên, số lượng từ tối đa là 6.000 từ.

Báo cáo của trẻ em, của các tổ chức của trẻ em không áp dụng giới hạn số lượng từ nêu trên.

Báo cáo cần đề cập rõ ràng là công khai hay bí mật, trong trường hợp công khai, báo cáo sẽ được đăng tải trên trang mạng (website của Ủy ban).

PHẦN VI: TỔ CHỨC XÃ HỘI GIÁM SÁT THỰC THI QUYỀN TRẺ EM Ở CẤP QUỐC GIA

1. Giám sát thực thi QTE ở cấp quốc gia

1.1. Vai trò của TCXH trong giám sát thực thi QTE

Các TCXH đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường nhận thức của cộng đồng về QTE. CRC ghi nhận đóng góp của các tổ chức này bằng việc kêu gọi sự tham gia của họ vào tiến trình giám sát và báo cáo. CRC là công ước duy nhất và đầu tiên quy định vai trò của các TCXH trong việc hỗ trợ Ủy ban CRC giám sát việc thực thi nghĩa vụ của quốc gia.

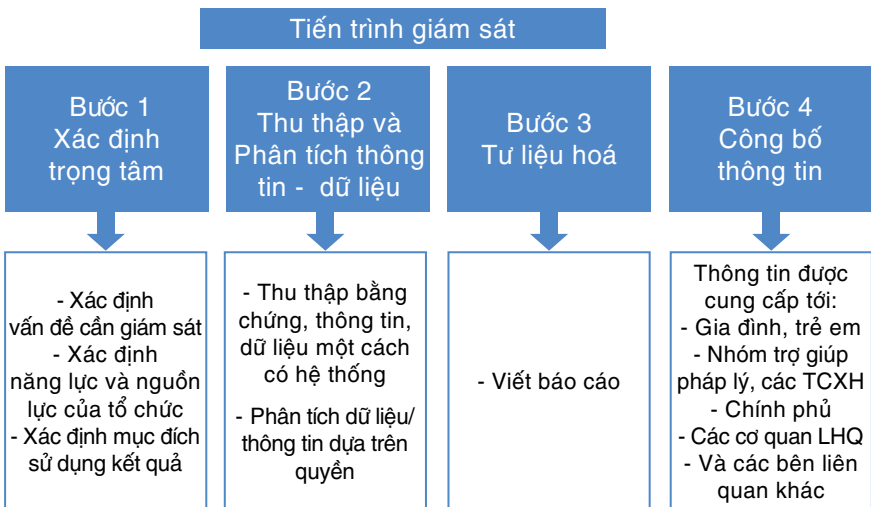
Ở cấp độ quốc gia, mặc dù Nhà nước đảm bảo rằng họ sẽ thực hiện các cam kết và khuyến nghị của Ủy Ban CRC, các TCXH cần thường xuyên giám sát và đánh giá việc thực thi này. Trong Bình luận chung số 5, Ủy ban CRC nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giám sát độc lập được thực hiện bởi các bên khác nhau ngoài Nhà nước.

1.2. Tiến trình TCXH giám sát thực thi QTE tại quốc gia

Việc giám sát thực thi QTE ở cấp độ quốc gia có thể được thực hiện ở bất kỳ thời gian nào và là một quá trình liên tục. Các TCXH không cần chờ đến kỳ xem xét báo cáo của Ủy ban CRC mới thiết lập cơ chế giám sát.

Báo cáo được coi là một đầu ra của tiến trình giám sát thực thi QTE, do đó, các TCXH cần thiết lập một quy trình giám sát ở cấp quốc gia nhằm thu thập, cập nhật thông tin và kịp thời đưa ra báo cáo về tình hình thực thi QTE.

Hình 10: Tiến trình giám sát thực thi QTE



Bước 1: Xác định trọng tâm

Trong bước này, các TCXH xác định mục tiêu của hoạt động giám sát hay mục đích sử dụng kết quả giám sát, nhận định các vấn đề trọng tâm cần giám sát, xác định năng lực và nguồn lực cho hoạt động giám sát.

Những vấn đề trọng tâm cần giám sát được lựa chọn trên cơ sở CRC và những Bình luận chung của Ủy ban CRC, và dựa trên những mong muốn, nhu cầu, năng lực, kinh nghiệm của các TCXH. Ngoài ra, cần xem xét việc thực hiện những kết luận và khuyến nghị của Ủy ban CRC từ những lần xem xét báo cáo trước đó. Hoạt động giám sát nên được lồng ghép vào chiến lược và những hoạt động sẵn có của các TCXH.

Một số gợi ý cho các vấn đề cần giám sát:

- ✧ Các nhóm vấn đề theo hướng dẫn báo cáo CRC, nằm trong 9 nhóm vấn đề lớn, hoặc các nhóm vấn đề nhỏ hơn như: quyền đăng ký khai sinh, có tên, có quốc tịch (điều 8); bạo lực với trẻ em (điều 19; 24; 28; 34; 37 và 39); xâm hại và bỏ mặc hoặc sao nhãng (điều 19); khai thác tình dục (điều 34), xâm hại tình dục (điều 34); đường dây nóng hỗ trợ trẻ;
- ✧ Các vấn đề được nêu trong Kết luận của Ủy ban CRC trong kỳ báo cáo CRC trước đó;
- ✧ Vấn đề minh bạch và giải trình liên quan tới các nguồn ngân sách phân bổ cho trẻ em;
- ✧ Các giải pháp pháp luật và chính sách được áp dụng trong thực tiễn nhằm thực thi QTE.

Bước 2: Thu thập và phân tích dữ liệu - thông tin - bằng chứng

Các TCXH nên định kỳ thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu để hoạt động giám sát được hiệu quả.

Việc thu thập và phân tích dữ liệu, thông tin cho phép các TCXH nắm rõ được khung pháp luật, chính sách trong nước, các cam kết quốc tế và thực tế triển khai, cùng với những khó khăn, thách thức từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm cải thiện tình hình ở cấp quốc gia.

Dữ liệu có thể được thu thập từ những nguồn tài liệu về kiến thức, chuyên môn, kinh nghiệm dựa trên nhiều nguồn dữ liệu nhất có thể bao gồm từ chính trẻ em. Để việc giám sát thực thi CRC có hiệu quả, TCXH nên thường xuyên thu thập và phân tích dữ liệu, thông tin nhận được thông qua các nghiên cứu, phát triển bộ chỉ số, thu thập những trường hợp QTE bị vi phạm, v.v... Dữ liệu có thể được thu thập từ nhiều cách thức

khác nhau như thông qua phỏng vấn; quan sát; thu thập nguồn tài liệu thứ cấp; sử dụng các thiết bị hình ảnh, ghi âm; giám định hoặc thực hiện khảo sát.

TCXH có thể cùng làm việc với Nhà nước để phát triển hệ thống thu thập dữ liệu Quốc gia và vận động chính phủ phát triển bộ chỉ số, thực hiện phân tách dữ liệu liên quan đến trẻ em.

Thông tin, dữ liệu thu thập trong hoạt động giám sát thực thi QTE bao gồm:

- ☼ Thông tin, dữ liệu cơ sở được thu thập trong một khoảng thời gian nhất định, từ đó, các dữ liệu trong tương lai có thể được đo lường nhằm đưa ra sự so sánh, cho thấy bước tiến hoặc thụt lùi;
- ☼ Dữ liệu được phân tách trong đó chỉ ra nhóm trẻ nào không được tiếp cận, hoặc quyền của nhóm trẻ nào bị xâm phạm;
- ☼ Một bộ dữ liệu được tích hợp và được tiêu chuẩn hoá nhằm cải thiện khả năng so sánh dữ liệu từ những nguồn khác nhau;
- ☼ Thống kê lấy trẻ em làm trung tâm cung cấp những thông tin về trẻ;
- ☼ Dữ liệu, thông tin phân tích tình hình trẻ em cho thấy luật hoặc chính sách của quốc gia chưa tương thích với CRC;

Nguồn thu thập dữ liệu, thông tin có thể từ:

- ☼ Bình luận chung của Công ước QTE (General comments) nhằm giải thích, làm rõ hơn những điều khoản trong CRC dựa trên những kinh nghiệm và hiểu biết tích lũy được thông qua quá trình rà soát và xem xét báo cáo của những Quốc gia thành viên. Những Bình luận chung này là nguồn thông tin hữu ích và có thể được trích dẫn trong báo cáo của TCXH;
- ☼ Văn bản luật và chính sách;
- ☼ Những báo cáo của chính phủ về thực thi CRC và OP;
- ☼ Số liệu của chính phủ;
- ☼ Những ghi chép về quá trình thực thi luật pháp;
- ☼ Án lệ tại Quốc gia hoặc địa phương;
- ☼ Những báo cáo, nghiên cứu được công bố bởi những cơ quan làm việc với trẻ em (như chính phủ, viện, TCXH, v.v...);
- ☼ Sách, báo cáo và những số liệu định kỳ của các cơ quan LHQ, tổ chức quốc tế, TCXH trong nước hoặc quốc tế;

- ☼ Báo cáo của cơ quan truyền thông;
- ☼ Báo cáo sơ cấp hoặc những trường hợp điển cứu về việc thực thi CRC, bao gồm: những cuộc phỏng vấn, khảo sát, thảo luận nhóm, lời phát biểu của người trong cuộc.
- ☼ Những báo cáo của Quốc gia và của TCXH về việc thực thi những công ước khác có liên quan đến trẻ em như báo cáo CEDAW (Công ước quốc tế về xoá bỏ sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ), báo cáo CRPD (Công ước về quyền của người khuyết tật).

Bước 3: Tư liệu hoá

Tuỳ theo mục đích sử dụng, những thông tin, dữ liệu được thu thập và phân tích sẽ được tư liệu hoá ở những dạng thức khác nhau như tờ rơi, báo cáo, v.v...

Báo cáo về một số trường hợp điển cứu về trường hợp QTE bị từ chối hoặc bị vi phạm với những bằng chứng, thông tin hoặc dữ liệu được phân tích cụ thể. Những thông tin, bằng chứng đó có thể được xác nhận. Báo cáo nên có đầy đủ thông tin bao gồm bản chất và mức độ ảnh hưởng của vấn đề xâm phạm quyền tới một nhóm người cụ thể, và cơ chế bồi thường;

Báo cáo phân tích tình hình về trẻ em hàng năm hoặc định kỳ;

Báo cáo đánh giá sự thay đổi, tích cực và tiêu cực trong việc thực thi QTE, tập trung vào vấn đề luật pháp và chính sách tác động đến trẻ em, và vai trò, trách nhiệm của Nhà nước.

Bước 4: Công bố thông tin

Thông tin, dữ liệu được thu thập, phân tích và tư liệu hoá sau đó được gửi cho các bên liên quan, hoặc đóng góp vào quá trình báo cáo CRC của TCXH và/ hoặc của Quốc gia.

Các bên liên quan tiếp nhận thông tin cần được xác định ngay từ bước 1 - xây dựng mục tiêu của giám sát, từ đó tổ chức các kênh truyền tải khác nhau một cách sáng tạo, để tiếp cận với bên tiếp nhận thông tin.

Hộp 9: Hướng dẫn về thu thập thông tin dữ liệu trong báo cáo định kỳ của Quốc gia về thực thi CRC

(Trích lược từ Hướng dẫn Quốc gia viết báo cáo thực thi QTE của Ủy ban CRC thông qua năm 2014, công bố năm 2015)

A. Những biện pháp thực hiện tổng thể (điều. 4, 42, 44, khoản 6 trong CRC)

Quốc gia thành viên nên cập nhật những thông tin về việc phân bổ nguồn lực cho các dịch vụ xã hội liên quan đến tổng chi phí trong kỳ báo cáo:

- (a) Gia đình và /hoặc hỗ trợ trẻ, hệ thống chi trả tiền mặt có điều kiện;
- (b) Dịch vụ y tế, đặc biệt là những dịch vụ y tế cơ bản;
- (c) Phát triển gia đoạn đầu đời (chăm sóc và giáo dục);
- (d) Giáo dục (tiểu học, trung học cơ sở), giáo dục và dạy nghề, giáo dục đặc biệt;
- (e) Những biện pháp bảo vệ trẻ em bao gồm phòng tránh bạo lực, lao động trẻ em và khai thác tình dục, và những chương trình phục hồi chức năng.

Quốc gia thành viên nên đưa ra số liệu về những khoá tập huấn về CRC cho những cán bộ làm việc với và vì trẻ em, bao gồm, nhưng không giới hạn:

- (a) Cán bộ tư pháp gồm thẩm phán, quan toà;
- (b) Cán bộ thực thi luật pháp;
- (c) Giáo viên;
- (d) Nhân viên chăm sóc sức khoẻ;
- (e) Nhân viên công tác xã hội.

B. Định nghĩa về trẻ em (điều 1)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu, số liệu được phân tách về số lượng và tỷ lệ trẻ em dưới 18 tuổi đang sống tại Quốc gia và số liệu trẻ em đã kết hôn, phân tách theo độ tuổi, và những yếu tố liên quan khác như (thành thị/ nông thôn, dân tộc thiểu số).

C. Những nguyên tắc chung (điều 2, 3, 6 và 12)

1. Quyền sống, tồn tại và phát triển (điều 6)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu và số liệu được phân tách về số lượng trẻ em tử vong dưới 18 tuổi:

- (a) Do bị giết, hay bị hành quyết trái pháp luật;
- (b) Do án tử hình;

- (c) Do bệnh tật, bao gồm HIV/AIDS, sốt rét, lao, bại liệt, viêm gan, và nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính;
- (d) Do tai nạn giao thông và những dạng tai nạn khác;
- (e) Do các hình thức bạo lực;
- (f) Do tự tử.

2. Tôn trọng quan điểm của trẻ em (điều 12)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu về:

- (a) Số tổ chức hoặc hội của trẻ em và thanh niên, con số thành viên mà những tổ chức đó đại diện;
- (b) Số trường học có hội học sinh độc lập;
- (c) Số lượng trẻ em được lắng nghe trong quá trình tư pháp và hành chính, bao gồm thông tin về độ tuổi.

D. Quyền dân sự và tự do (điều 7, 8 và 13 - 17)

1. Đăng ký khai sinh (điều 7)

Quốc gia thành viên nên cung cấp thông tin về số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em đăng ký khai sinh.

2. Tiếp cận thông tin thích hợp (điều 17)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu về số lượng những thư viện tiếp cận với trẻ em bao gồm thư viện lưu động, và số lượng trường học được trang bị công nghệ thông tin.

E. Bạo lực với trẻ em (điều 19, 24 khoản 3, 28 khoản 2, 34, 37 (a) và 39)

1. Xâm hại và sao nhãng (điều 19), bao gồm hồi phục về thể chất và tâm lý và tái hoà nhập cộng đồng (điều 39)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu và số liệu được phân tách về:

- (a) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em là nạn nhân của xâm hại và/hoặc sao nhãng bởi cha mẹ hoặc họ hàng/ người chăm sóc;
- (b) Số lượng và tỷ lệ phần trăm các trường hợp được báo cáo đã được trừng phạt hoặc những hình thức khác đối với thủ phạm;
- (c) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em nhận được sự chăm sóc đặc biệt để hồi phục và tái hoà nhập cộng đồng.

2. Quyền không bị tra tấn và các hình thức đối xử tàn ác, phi nhân tính hoặc hạ thấp nhân phẩm và những trừng phạt khác (điều 37 (a) và 28 (khổ 2))

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu, số liệu phân tách về các hình thức bạo lực với trẻ em về:

- (a) Số lượng trẻ em là nạn nhân của tra tấn;
- (b) Số lượng trẻ em là nạn nhân của những đối xử tàn ác, phi nhân tính hoặc hạ thấp nhân phẩm hay những dạng trừng phạt khác, bao gồm ép kết hôn hay cắt âm hộ;
- (c) Số lượng những trường hợp trừng phạt thể chất tại các nơi (tại cơ sở chăm sóc trẻ, trường học, gia đình, mái ấm, trung tâm và những nơi khác cung cấp các dịch vụ cho trẻ), và số lượng những trường hợp đánh hội đồng và bắt nạt;
- (d) Số lượng và tỷ lệ phần trăm những trường hợp bạo lực được báo cáo theo (a), (b) và (c) được đưa ra toà án hoặc những hình thức khác tương tự;
- (e) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em nhận được sự chăm sóc đặc biệt về phục hồi và tái hoà nhập cộng đồng;
- (f) Số lượng những chương trình được thực thi nhằm phòng tránh bạo lực tại cơ sở và số lượng những khoá tập huấn cung cấp cho nhân viên tại những cơ sở về vấn đề này.

F. Môi trường gia đình và chăm sóc thay thế (điều 5, 9 -11, 18 khổ 1 và 2, 20, 21, 25 và điều 27 khổ 4)

1. Hỗ trợ gia đình (điều 5 và 18 khổ 1 và 2)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu phân tách về:

- (a) Số lượng những dịch vụ và chương trình hỗ trợ thích hợp với cha mẹ và người bảo hộ trong việc thực hiện trách nhiệm nuôi dạy con và số lượng, tỷ lệ phần trăm về trẻ em và gia đình hưởng lợi từ những chương trình, dịch vụ đó;
- (b) Số lượng dịch vụ/ cơ sở chăm sóc trẻ em có sẵn và tỷ lệ phần trăm trẻ em và gia đình tiếp cận đến những dịch vụ này.

2. Trẻ em thiếu vắng sự chăm sóc của cha mẹ (điều 9 khoản 1 -4, 21 và 25)

Về việc trẻ em tách khỏi cha mẹ, Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu phân tách về:

- (a) Số lượng trẻ em thiếu vắng sự chăm sóc của cha mẹ, phân tách theo các nguyên nhân (do xung đột vũ trang, đói nghèo, bị bỏ rơi do sự phân biệt đối xử, v.v.);
- (b) Số lượng trẻ em tách khỏi cha mẹ do quyết định của toà án (trong những trường hợp cha mẹ sao nhãng, xâm hại, tạm giam, giam giữ, lao động di cư, bị trục xuất, tha hương);
- (c) Số lượng cơ sở cho trẻ em đề cập ở trên, phân tách theo vùng miền, số lượng những chỗ trống trong những cơ sở này, tỷ lệ giữa số người chăm sóc và trẻ em, và số lượng mái ấm;
- (d) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em tách khỏi cha mẹ đang sống tại những cơ sở hoặc mái ấm, gồm cả thời gian sống và những lần đến thăm;
- (e) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em đoàn tụ với cha mẹ;
- (f) Số lượng trẻ em trong các chương trình nhận con nuôi trong nước, liên quốc gia, phân tách theo độ tuổi, và, nếu thích hợp, thông tin về quốc gia nhận nuôi.

3. Đoàn tụ gia đình (điều 10)

Quốc gia thành viên nên cung cấp dữ liệu phân tách theo giới tính, độ tuổi, quốc tịch, dân tộc về số lượng trẻ đến hoặc rời khỏi quốc gia vì mục đích đoàn tụ gia đình bao gồm số lượng trẻ em tị nạn hoặc tìm kiếm xin tị nạn.

4. Vận chuyển trái phép và không trở lại (điều 11)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu, số liệu được phân tách theo quốc tịch, nơi thường trú và hoàn cảnh gia đình về:

- (a) Số lượng trẻ em bị bắt khỏi hoặc tới quốc gia thành viên;
- (b) Số lượng thủ phạm bị bắt giữ và tỷ lệ trừng phạt trong xét xử toà án.

5. Trẻ em có cha mẹ bị giam giữ

Quốc gia thành viên nên cung cấp thông tin về số lượng trẻ em có cha mẹ bị giam giữ và trẻ em sống trong trại giam với mẹ và độ tuổi trung bình của các em.

G. Trẻ em khuyết tật, chăm sóc y tế và phúc lợi cơ bản (điều 6, 18 khổ 3, 23, 24, 26, 27 khổ 1-3, và 33)

1. Trẻ em khuyết tật (điều 23)

Quốc gia thành viên nên tập trung vào số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em khuyết tật và số liệu phân tách theo dạng khuyết tật:

- (a) Trẻ em có cha mẹ nhận được những hỗ trợ đặc biệt về vật chất, tâm lý và những hỗ trợ khác;
- (b) Trẻ em sống tại những cơ sở bao gồm cơ sở cho trẻ em khuyết tật tâm thần, hoặc ngoài gia đình như trong mái ấm;
- (c) Trẻ em đi học tại những trường học bình thường;
- (d) Trẻ em đi học tại những trường học đặc biệt;
- (e) Trẻ em không đi học tại trường học hoặc những cơ sở tương tự.

2. Y tế và dịch vụ y tế (điều 24)

Quốc gia thành viên nên tập trung vào số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em khuyết tật và số liệu phân tách về:

- (a) Tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi;
- (b) Tỷ lệ trẻ em sinh thiếu cân;
- (c) Tỷ lệ trẻ em thiếu cân bình thường và nghiêm trọng, còi cọc;
- (d) Tỷ lệ tử vong ở trẻ do tự sát;
- (e) Tỷ lệ phần trăm hộ gia đình không tiếp cận được với công trình vệ sinh và nước sạch;
- (f) Tỷ lệ trẻ em một tuổi tiêm chủng đầy đủ cho bệnh lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt và sởi;
- (g) Tỷ lệ tử vong bà mẹ;
- (h) Tỷ lệ phụ nữ mang thai có tiếp cận và hưởng lợi từ dịch vụ chăm sóc sức khỏe trước và sau khi sinh;
- (i) Tỷ lệ trẻ em sinh tại bệnh viện;
- (j) Tỷ lệ nhân viên được đào tạo trong bệnh viện về chăm sóc và hướng dẫn sinh nở;
- (k) Tỷ lệ các bà mẹ cho trẻ bú mẹ hoàn toàn và trong bao lâu;

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu và số liệu được phân tách về:

- (a) Số lượng/ tỷ lệ phần trăm trẻ em bị nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS;
- (b) Số lượng/ tỷ lệ phần trăm những trẻ em bị nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS nhận được hỗ trợ bao gồm chữa trị y tế, tham vấn, chăm sóc và hỗ trợ;

(c) Số lượng/ tỷ lệ phần trăm những trẻ em bị nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS sống với người thân, trong máu ấm, trong các cơ sở hoặc trên đường phố;

(d) Số hộ gia đình có người đứng đầu là trẻ em do hậu quả của HIV/AIDS.

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu được phân tách liên quan đến sức khỏe vị thành niên về:

(a) Số lượng vị thành niên bị ảnh hưởng bởi mang thai sớm, những bệnh lây truyền qua đường tình dục; vấn đề về sức khỏe tâm thần, và lạm dụng ma túy và đồ uống có cồn;

(b) Số lượng chương trình và dịch vụ nhằm phòng ngừa và điều trị các vấn đề sức khỏe vị thành niên.

3. Lạm dụng ma túy và các chất (điều 33)

Các quốc gia cần cung cấp thông tin về số lượng trẻ em nạn nhân của lạm dụng ma túy và chất và số lượng các chương trình hỗ trợ có sẵn.

H. Giáo dục, giải trí và các hoạt động văn hóa (điều 28 - 31)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu được phân tách về:

(a) Tỷ lệ biết chữ của trẻ em và người lớn;

(b) Tỷ lệ tham gia và dự tuyển vào các trường tiểu học, trung học cơ sở và các trung tâm đào tạo nghề;

(c) Tỷ lệ duy trì, hoàn thành và chuyển đổi, và tỷ lệ học sinh bỏ học từ các trường tiểu học và trung học, trung tâm đào tạo nghề;

(d) Tỷ lệ trung bình giáo viên - học sinh, làm rõ bất kỳ sự bất bình đẳng giữa thành thị/ nông thôn và tỷ lệ giáo viên được đào tạo;

(e) Số trẻ em bản địa và dân tộc thiểu số nhận được hỗ trợ của nhà nước trong giáo dục sử dụng ngôn ngữ riêng mình;

(f) Tỷ lệ trẻ em trong hệ thống giáo dục phi chính thức;

(g) Tỷ lệ trẻ em đi học nhà trẻ và các cơ sở giáo dục phát triển trẻ thơ khác;

(h) Số lượng/ Tỷ lệ trẻ em tham gia vào các chương trình sau giờ học;

(i) Số lượng sân chơi công cộng tại cộng đồng tại nông thôn và thành thị;

(j) Số lượng/ tỷ lệ trẻ em tham gia các hoạt động giải trí có tổ chức, thể thao, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, với chú thích về khu vực nông thôn hay thành thị.

I. Những biện pháp bảo vệ đặc biệt (điều 22, 30, 32, 33, 35, 36, 37 (b) - (d), và 38 - 40)

1. Trẻ em ở ngoài nước sở tại và tìm kiếm sự bảo vệ tị nạn (điều 22), trẻ em di tản trong nước.

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu được phân tách liên quan đến quốc gia xuất xứ, quốc tịch và tình trạng:

- (a) Số trẻ em di tản, tị nạn, tìm kiếm tị nạn;
- (b) Số lượng và tỷ lệ phần trăm của trẻ em đó đi học tiểu học và trung học, đào tạo nghề, và việc tiếp cận với y tế và các dịch vụ khác;
- (c) Số lượng trẻ em đã biến mất trong khi hoặc sau quá trình xác định tình trạng của trẻ em đến tị nạn.

2. Trẻ em bị bóc lột vì mục đích kinh tế, bao gồm lao động trẻ em (điều 32)

Liên quan tới những biện pháp bảo vệ đặc biệt, Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu và số liệu được phân tách về:

- (a) Số lượng và tỷ lệ trẻ em dưới tuổi lao động tối thiểu theo luật pháp có liên quan đến lao động trẻ em, theo định nghĩa của Công ước độ tuổi tối thiểu của Tổ chức Lao động quốc tế, 1973 (số 138) và Công ước về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất năm 1999 (số 182), phân theo loại công việc
- (b) Số lượng và tỷ lệ trẻ em có quyền tiếp cận đến hỗ trợ phục hồi và hỗ trợ tái hòa nhập, bao gồm giáo dục cơ bản miễn phí và/hoặc đào tạo nghề;
- (c) Số lượng trẻ em trên đường phố.

3. Bóc lột tình dục, xâm hại và mua (điều 34 và 35)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu và số liệu được phân tách dựa trên những hình thức bạo lực được báo cáo về:

- (a) Số lượng trẻ em liên quan đến bóc lột tình dục bao gồm mại dâm, khiêu dâm và mua bán;
- (b) Số lượng trẻ em đã tiếp cận với những chương trình phục hồi;
- (c) Số lượng những trường hợp được báo cáo về bóc lột tình dục, xâm hại tình dục và mua bán trẻ em, bắt cóc trẻ em và bạo lực với trẻ em trong kỳ báo cáo;

- (d) Số lượng và tỷ lệ những trường hợp trên bị xử lý và thông tin về nguyên quán của kẻ phạm tội và những hình phạt;
- (e) Số lượng trẻ em bị buôn bán vì những mục đích khác, bao gồm mục đích lao động;
- (f) Số lượng cán bộ thực thi luật, cán bộ biên phòng được đào tạo để ngăn ngừa buôn bán trẻ em và đảm bảo tôn trọng phẩm giá của các em.

4. Trẻ em vi phạm pháp luật và quản lý hành chính về tư pháp vị thành niên (điều 40)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu được phân tách bao gồm các loại hình phạm tội:

- (a) Số lượng trẻ em dưới 18 tuổi bị bắt giữ bởi cảnh sát bởi vì bị cáo buộc là vi phạm pháp luật;
- (b) Tỷ lệ phần trăm những trường hợp nhận được trợ giúp pháp lý và những hỗ trợ khác;
- (c) Số lượng và tỷ lệ phần trăm người dưới 18 tuổi:
 - (i) Chuyển đến các chương trình lao động công ích;
 - (ii) Bị kết án có tội bởi tòa án và nhận án treo hoặc hình phạt (không phải là hình phạt tù);
 - (iii) Nhận được hình phạt thay thế dựa trên cách tiếp cận phục hồi;
 - (iv) Tham gia vào các chương trình quản chế;
- (d) Tỷ lệ phần trăm các trường hợp tái phạm.

5. Trẻ em bị tước tự do, bao gồm bất kỳ hình thức bắt giữ, giam giữ hoặc buộc phải ở trong trại phục hồi nhân phẩm (điều 37 (b)-(d))

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu được phân tách bao gồm loại tội ác, trẻ em vi phạm pháp luật, bao gồm:

- (a) Số người dưới 18 tuổi bị tạm giữ hoặc bắt giam trước khi xét xử, và thời gian trung bình của việc giam giữ;
- (b) Số lượng các cơ sở đặc biệt cho người dưới 18 tuổi bị cáo buộc, tố cáo hay ghi nhận là đã vi phạm luật hình sự;
- (c) Số người dưới 18 tuổi trong các cơ sở này và thời gian lưu trú trung bình;

- (d) Số người dưới 18 tuổi bị giam giữ tại các cơ sở chung với người lớn;
- (e) Số lượng và tỷ lệ phần trăm người dưới 18 tuổi bị kết án có tội và nhận án tù, thời gian trung bình của việc giam giữ;
- (f) Số lượng người dưới 18 tuổi được báo cáo bị xâm hại và ngược đãi trong thời gian bị bắt và giam giữ/ ở tù.

6. Trẻ em trong các cuộc xung đột vũ trang (điều 38), bao gồm phục hồi thể chất và tâm lý và tái hòa nhập cộng đồng (điều 39)

Quốc gia thành viên nên cung cấp số liệu được phân tách về:

- (a) Số lượng và tỷ lệ phần trăm người dưới 18 tuổi được tuyển dụng hoặc tự nguyện nhập ngũ trong lực lượng vũ trang;
- (b) Số lượng và tỷ lệ trẻ em xuất ngũ từ các lực lượng vũ trang và tái hòa nhập cộng đồng, bao gồm cả tỷ lệ trẻ em đi học trở lại và đoàn tụ với gia đình;
- (c) Số lượng và tỷ lệ phần trăm nạn nhân trẻ em do xung đột vũ trang;
- (d) Số lượng trẻ em được hỗ trợ nhân đạo;
- (e) Số lượng trẻ em được hỗ trợ phục hồi về thể chất và tâm lý sau khi tham gia vào cuộc xung đột vũ trang.

PHỤ LỤC 1

Hướng dẫn cụ thể về hình thức và nội dung báo cáo định kỳ do các quốc gia thành viên đệ trình theo điều 44, khoản 1 (b), của Công ước về QTE 1*

Tài liệu của Ủy ban QTE được thông qua năm 2014 và ban hành năm 2015

I. Giới thiệu và mục đích báo cáo

1. Theo Điều 44 của CRC, mỗi quốc gia thành viên phải đệ trình các báo cáo lên Ủy ban QTE về những biện pháp đã tiến hành nhằm thực hiện nghĩa vụ của mình theo Công ước. Báo cáo ban đầu phải được thực hiện trong vòng hai năm kể từ ngày Công ước có hiệu lực đối với quốc gia thành viên, và các báo cáo định kỳ tiếp theo sẽ được trình 5 năm/lần. Hướng dẫn hiện nay áp dụng cho báo cáo định kỳ. Các quốc gia thành viên chưa trình báo cáo ban đầu theo Công ước nên tham khảo hướng dẫn làm báo cáo ban đầu¹²
2. Đối với Nghị định thư không bắt buộc đối với CRC liên quan đến buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và hình ảnh khiêu dâm trẻ em (OPSC) và Nghị định thư không bắt buộc liên quan đến sự tham gia của trẻ em trong các xung đột vũ trang (OPAC), mỗi quốc gia thành viên phải báo cáo về các biện pháp thực hiện các quy định của Nghị định thư không bắt buộc tương ứng¹³. Báo cáo ban đầu cho mỗi Nghị định thư không bắt buộc cũng phải đệ trình trong vòng hai năm kể từ khi Nghị định thư không bắt buộc có hiệu lực. Các quốc gia thành viên phải tuân thủ các nguyên tắc cụ thể của Nghị định thư không bắt buộc khi soạn thảo các báo cáo ban đầu của theo OPSC và OPAC¹⁴. Các quốc gia thành viên đã phê chuẩn Nghị định thư không bắt buộc nhưng không phê chuẩn Công ước cũng nên tuân thủ các nguyên tắc cụ thể của Nghị định thư không bắt buộc khi soạn thảo báo cáo định kỳ theo OPSC và OPAC.

* Được thông qua bởi Ủy ban tại kỳ họp thứ sáu mươi lăm (13-31 tháng 1 năm 2014).

¹² CRC/C/5.

¹³ Xem OPSC, Điều 12 và OPAC, Điều 8.

¹⁴ Ủy ban đã thông qua hướng dẫn sửa đổi về báo cáo cho Nghị định thư không bắt buộc liên quan tới việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và sách báo khiêu dâm trẻ em (CRC/C/OPSC/2) vào tháng 9 năm 2006 và Nghị định thư không bắt buộc về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang (CRC/C/OPAC/2) vào tháng 9 năm 2007



3. Các quốc gia thành viên đã đệ trình các báo cáo ban đầu theo Nghị định thư không bắt buộc sẽ đưa vào báo cáo thông tin cập nhật liên quan đến việc thực hiện các Nghị định thư không bắt buộc trong báo cáo định kỳ gửi cho Ủy ban theo Điều 44 của Công ước. Trong hướng dẫn hiện nay, các phần đề cập đến các Nghị định thư không bắt buộc là dành cho các quốc gia thành viên đã gửi báo cáo ban đầu theo Nghị định thư không bắt buộc.
4. Các quốc gia thành viên của Công ước chưa phê chuẩn một hoặc cả hai Nghị định thư không bắt buộc phải tuân thủ các hướng dẫn hiện có để báo cáo tình hình thực hiện Công ước và bỏ qua các thông tin liên quan đến các Nghị định thư không bắt buộc.
5. Hướng dẫn này áp dụng với báo cáo Công ước QTE. Bản hướng dẫn được xây dựng dựa trên các hướng dẫn đã được hài hòa hóa về báo cáo thực hiện các hiệp ước quốc tế về QCN, trong đó bao gồm hướng dẫn về một văn bản cốt lõi chung và các văn bản hướng dẫn cụ thể cho từng hiệp ước (HRI /GEN/2/Rev.6, Chương I), sửa đổi gần nhất vào năm 2009, và cần được áp dụng bổ sung cho các hướng dẫn về chuẩn bị và đệ trình văn bản cốt lõi chung như đã nêu trong hướng dẫn hài hòa hóa. Hai bộ hướng dẫn cùng nhau tạo thành cơ sở cho việc báo cáo theo CRC và Các Nghị định thư không bắt buộc. Như vậy, báo cáo Công ước được cấu thành bởi hai nội dung gồm báo cáo tổng quan và báo cáo chi tiết. Các quy định này được thông qua vào ngày 31 tháng 1 năm 2014 và thay thế các quy định đã được Ủy ban về QTE thông qua ngày 1 tháng 10 năm 2010 (CRC/C/58/Rev.2) và vào ngày 3 tháng 6 năm 2005 (CRC/C/58/Rev.1).
6. Các quốc gia thành viên cần xem xét cả hướng dẫn chung và các yêu cầu trong các hướng dẫn hài hòa, đặc biệt là các quy định liên quan đến quá trình báo cáo (phần I); Hình thức báo cáo (phần II); Nội dung báo cáo (phần III); và quá trình báo cáo ở cấp quốc gia (khoản 45).

II. Báo cáo tổng quan

7. Báo cáo tổng quan là một phần không thể tách rời của các báo cáo trình cho Ủy ban theo các hướng dẫn được hài hòa hóa. Văn bản này bao gồm thông tin tổng quát về Quốc gia đệ trình báo cáo; khuôn khổ chung để bảo vệ và thúc đẩy QCN; và thông tin về sự không phân biệt đối xử, bình đẳng cũng như các biện pháp khắc phục hiệu quả. Theo Nghị quyết 68/268 của Đại hội đồng (khoản 16), báo cáo này không được vượt quá 42.400 từ.

8. Nói chung, thông tin trong báo cáo tổng quan không được lặp lại trong báo cáo chi tiết trình lên Ủy ban. Các quốc gia thành viên phải cập nhật thông tin trong tài liệu báo cáo tổng quan khi trình báo cáo chi tiết. Theo khoản 27 của hướng dẫn hài hòa hóa, Ủy ban có thể yêu cầu cập nhật báo cáo tổng quan nếu thấy rằng thông tin trong đó không còn phù hợp.
9. Ủy ban nhấn mạnh rằng, nếu một quốc gia thành viên không đệ trình báo cáo tổng quan hoặc nếu thông tin trong báo cáo này không cập nhật thì tất cả các thông tin liên quan phải được đưa vào báo cáo chi tiết

III. Báo cáo chi tiết

A. Hình thức và nội dung

10. Các hướng dẫn này phục vụ cho việc chuẩn bị báo cáo công ước định kỳ. Báo cáo công ước chi tiết phải bao gồm các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Công ước tại Quốc gia thực hiện báo cáo, và tình hình thực hiện Nghị định thư không bắt buộc, nếu có. Theo Nghị quyết 68/268 của Đại hội đồng (khoản 16), báo cáo chi tiết không được vượt quá 21.200 từ và phải được trình theo định dạng Microsoft Word.
11. Ủy ban nhấn mạnh rằng thông tin do Quốc gia thành viên cung cấp về việc thực hiện các điều khoản của Công ước và Nghị định thư không bắt buộc, nếu có, phải đề cập đến các khuyến nghị trước đây của Ủy ban và báo cáo chi tiết về tình hình thực hiện các khuyến nghị này. Báo cáo cũng cần giải thích tại sao khuyến nghị chưa được thực hiện và cần cung cấp thông tin chi tiết về những trở ngại chính gặp phải, cũng như biện pháp dự kiến để vượt qua những trở ngại đó.
12. Báo cáo cụ thể cũng cần bao gồm thông tin về tình hình thực hiện các điều khoản của Công ước và Nghị định thư không bắt buộc, nếu có, liên quan đến khuyến nghị chung của Ủy ban cũng như các thông tin có tính phân tích sâu hơn về tác động của hệ thống thể chế, pháp luật, chính sách và chương trình thuộc thẩm quyền của quốc gia thành viên tới trẻ em theo các nhóm tuổi khác nhau, từ trẻ thơ đến thanh thiếu niên, và những nhu cầu đặc biệt của trẻ em. Không nên lặp lại thông tin trong Báo cáo tổng quan về khuôn khổ chung để bảo vệ QCN/QTE.
13. Nếu trong báo cáo chi tiết của các quốc gia thành viên tham khảo thông tin có trong báo cáo tổng quan, thì họ phải chỉ rõ thông tin đó nằm ở chỗ nào trong báo cáo tổng quan.

14. Mặc dù thông tin thống kê chung phải được đưa vào báo cáo tổng quan, nhưng báo cáo chi tiết vẫn cần có số liệu thống kê cụ thể, được phân tách theo độ tuổi, giới tính và các tiêu chí khác có liên quan phù hợp với việc thực hiện Công ước và Nghị định thư không bắt buộc, nếu có. Các Quốc gia thành viên đưa vào các thông tin thống kê như đã nêu rõ trong phụ lục hướng dẫn hiện nay. Số liệu thống kê cần được đưa vào phụ lục riêng biệt bằng một trong các ngôn ngữ làm việc của Ủy ban (tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Tây Ban Nha). Do nguồn lực hạn chế, các phụ lục sẽ không được biên dịch.
15. Các Quốc gia có thể trình riêng rẽ bản sao của các văn bản pháp luật, văn bản của tòa án, văn bản hành chính và các văn bản khác được đề cập trong báo cáo, nếu các văn bản này có sẵn bằng một trong các ngôn ngữ làm việc của Ủy ban. Những văn bản này sẽ không được dịch, hoặc tái bản để phân phát nhưng sẽ được cung cấp để lấy ý kiến của Ủy ban.
16. Báo cáo chi tiết phải nêu rõ thời gian từ khi Ủy ban xem xét báo cáo định kỳ đã đệ trình trước của Quốc gia thành viên đến khi trình báo cáo hiện nay.

B. Thông tin cần thiết đưa vào báo cáo

17. Báo cáo chi tiết phải bao gồm thông tin theo “nhóm” các quyền do Ủy ban quyết định (xem dưới đây). Quốc gia thành viên cần nêu rõ những tiến bộ đã đạt được và những thách thức gặp phải trong việc tôn trọng đầy đủ các điều khoản của Công ước và các Nghị định thư không bắt buộc nếu có. Đặc biệt, quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin cụ thể về hành động đã tiến hành để thực hiện các kết luận khuyến nghị trước đây của Ủy ban liên quan đến từng nhóm quyền. Báo cáo cũng cần đề cập đến thông tin quan đến việc thực hiện các Điều khoản của Nghị định thư.¹⁵

1. Các biện pháp thực hiện chung (Điều 4, 42 và 44, khoản 6, của Công ước)

18. Báo cáo chi tiết cần đưa thông tin về việc bảo lưu và tuyên bố cụ thể liên quan đến Công ước và Nghị định thư không bắt buộc, cũng như những nỗ lực nhằm hạn chế hoặc rút lại việc bảo lưu/tuyên bố đó. Lý do của việc bảo lưu hoặc tuyên bố liên quan đến

¹⁵ Các quốc gia cung cấp thông tin về Các Nghị định thư không bắt buộc trong báo cáo cụ thể về hiệp ước cũng có thể tham khảo các hướng dẫn báo cáo cho các Nghị định thư không bắt buộc này để có hướng dẫn về mục những điều cần đưa vào báo cáo.

bất kỳ Điều khoản nào của Công ước hoặc Nghị định thư không bắt buộc, nếu có, cần được giải thích và nêu rõ cơ sở tiếp tục duy trì. Đối với các quốc gia thành viên đã phê chuẩn Nghị định thư không bắt buộc về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang (OPAC) và đã đưa ra độ tuổi tối thiểu tự nguyện tham gia quân ngũ dưới tuổi 18 trong bản tuyên bố ràng buộc của mình (Điều 3) thì phải báo cáo liệu độ tuổi tối thiểu đã được nâng lên hay chưa.

19. Trong phần này, Quốc gia thành viên cần cung cấp các thông tin liên quan và cập nhật về việc thực hiện Công ước và Nghị định thư không bắt buộc, nếu có, trong các lĩnh vực sau:
 - (a) Các biện pháp đã thực thi trong việc rà soát lại và đưa pháp luật và thực tiễn trong nước cho hoàn toàn phù hợp với Công ước và Nghị định thư không bắt buộc. Các quốc gia tham gia OPAC và OPSC cần cung cấp thông tin chi tiết về các điều khoản chế tài và quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho mỗi Nghị định thư không bắt buộc;
 - (b) Liệu rằng quốc gia mình đã có chiến lược quốc gia toàn diện về trẻ em và kế hoạch tương ứng hoặc kế hoạch hành động nào được thông qua, và các chiến lược, kế hoạch hành động đó được thực hiện và đánh giá ở mức độ nào; những chiến lược và kế hoạch hành động này có kết nối với các chiến lược, kế hoạch cụ thể của từng ngành không và kết nối ở mức độ nào. Trong trường hợp Chính phủ liên bang, thì những kế hoạch cho trẻ em có vượt ra khỏi cấp độ liên bang hoặc trung ương hay không và ở mức độ như thế nào;
 - (c) Liệu rằng có cơ quan chính phủ nào đảm nhận trách nhiệm chung trong việc điều phối thực hiện Công ước và Nghị định thư không bắt buộc và chịu trách nhiệm ở cấp thẩm quyền nào;
 - (d) Liệu rằng ngân sách phân bổ cho việc thực hiện Công ước và Nghị định thư không bắt buộc có được xác định rõ ràng không và có thể giám sát được không khi ngân sách này liên quan đến chiến lược quốc gia toàn diện dành cho trẻ em và các kế hoạch tương ứng
 - (e) Liệu rằng có sự hỗ trợ nào từ phía quốc tế và viện trợ phát triển để thực hiện Công ước, Nghị định thư không bắt buộc và các chiến lược và kế hoạch quốc gia có liên quan hay không;

- (f) Liệu rằng có tổ chức nhân quyền quốc gia độc lập nào giám sát việc thực hiện Công ước và Nghị định thư không bắt buộc được thành lập không và tổ chức này có nhận được khiếu nại nào từ cá nhân trẻ em hoặc đại diện của trẻ em hay không. Các quốc gia tham gia OPAC cần báo cáo rõ tổ chức được uỷ nhiệm giám sát các trường quân sự và quân đội, và việc tự nguyện gia nhập lực lượng vũ trang khi dưới 18 tuổi có được phép hay không;
 - (g) Các biện pháp đã được áp dụng để tuyên truyền rộng rãi các nguyên tắc và quy định của Công ước và Nghị định thư không bắt buộc tới người dân và trẻ em thông qua việc tuyên truyền, đào tạo và lồng ghép vào vào chương trình giảng dạy của trường;
 - (h) Những nỗ lực đã thực hiện hoặc dự kiến thực hiện nhằm phổ biến báo cáo và các khuyến nghị rộng rãi tới công chúng, các TCXH dân sự, các tổ chức kinh doanh, nghiệp đoàn lao động, các tổ chức tôn giáo, các cơ quan truyền thông và các tổ chức khác, nếu phù hợp;
 - (i) Vấn đề hợp tác với các TCXH dân sự, bao gồm cả các tổ chức phi chính phủ, các nhóm trẻ em và thanh thiếu niên, và mức độ tham gia của trẻ em và thanh thiếu niên vào việc lập kế hoạch và giám sát thực hiện Công ước và Nghị định thư bắt buộc.
20. Trong phần này, các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin về việc liệu quốc gia đó có tiến hành đánh giá tác động từ hoạt động của các tập đoàn kinh doanh (thuộc lĩnh vực chế xuất, được phẩm, công nông nghiệp, và những ngành khác) đối với QTE và đã thực hiện biện pháp gì để điều tra, xét xử, khắc phục và điều chỉnh những tác động đó.
21. Ở nhóm quyền này, các quốc gia thành viên cần phải cân nhắc khuyến nghị chung số 2 của Ủy ban (2002) về vai trò của cơ quan nhân quyền quốc gia độc lập trong việc thúc đẩy và bảo vệ QTE; khuyến nghị số 5 (2003) về các biện pháp chung để thực hiện Công ước về QTE; và số 16 (2013) về nghĩa vụ của Nhà nước liên quan đến tác động của kinh doanh tới QTE.

2. Định nghĩa về trẻ em (Điều 1)

22. Trong phần này, Quốc gia thành viên cần cung cấp các thông tin phù hợp và cập nhật về Điều 1 của Công ước liên quan đến định

nghĩa trẻ em trong luật pháp và các quy định của nước mình. Nếu độ tuổi quy định trong đa số các văn bản pháp luật và quy định là dưới 18 tuổi thì quốc gia thành viên phải báo cáo việc làm thế nào để đảm bảo tất cả trẻ em được hưởng lợi từ việc bảo vệ và hưởng đầy đủ quyền của mình theo Công ước cho đến khi 18 tuổi. Quốc gia thành viên cần chỉ ra độ tuổi kết hôn tối thiểu của trẻ em gái và trai trong luật pháp.

3. Các nguyên tắc chung (Điều 2, 3, 6 và 12)

23. Trong nhóm quyền này, các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin liên quan đến:
 - (a) Không phân biệt đối xử (Điều 2);
 - (b) Vì lợi ích tốt nhất của trẻ em (Điều 3);
 - (c) Quyền được sống, sinh tồn và phát triển (Điều 6);
 - (d) Tôn trọng quan điểm của trẻ em (Điều 12).
24. Cần bổ sung thông tin có trong báo cáo chung về các biện pháp đặc biệt nhằm ngăn ngừa phân biệt đối xử (Điều 2) và đảm bảo rằng trẻ em trong hoàn cảnh bị thiệt thòi có thể hưởng thụ và thực hiện các quyền của mình. Cần cung cấp thông tin phù hợp về các biện pháp chống phân biệt đối xử dưới góc độ giới và đảm bảo trẻ em khuyết tật, trẻ em thuộc các nhóm thiểu số và trẻ em bản địa được hưởng đầy đủ các quyền của mình.
25. Các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin cập nhật về các biện pháp lập pháp, hành chính, tư pháp hoặc các biện pháp khác có hiệu lực, đặc biệt về khía cạnh làm thế nào để hiện thực hóa nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em (Điều 3) và tôn trọng quan điểm của trẻ em (Điều 12) trong các quyết định về lập pháp, hành chính và tư pháp.
26. Đối với quyền được sống, sinh tồn và phát triển (Điều 6), cần cung cấp thông tin về các biện pháp đã thực hiện để đảm bảo rằng trẻ em được hưởng quyền này mà không bị phân biệt đối xử. Các quốc gia thành viên cần báo cáo các biện pháp đã được thực hiện:
 - (a) Đảm bảo rằng án tử hình không áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội;

- (b) Theo dõi về tình trạng tử vong và bị giết bất hợp pháp ở trẻ em;
- (c) Phòng chống trẻ em tự tử và nạo phá thai cũng như các biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan khác ảnh hưởng đến quyền được sống, sinh tồn và phát triển của trẻ em

27. Trong phần này, các quốc gia thành viên phải xem xét các khuyến nghị chung số 14 của Ủy ban (2013) về quyền được những người liên quan coi lợi ích tốt nhất của trẻ em là vấn đề cần được xem xét đầu tiên; Số 12 (2009) về quyền được lắng nghe; và số 11 (2009) về trẻ em bản địa và các quyền của các em theo Công ước.

4. Quyền dân sự và tự do (Điều 7, 8, và 13 - 17)

28. Trong nhóm quyền này, các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin liên quan và cập nhật về các vấn đề sau:
- (a) Đăng ký khai sinh, tên và quốc tịch (Điều 7);
 - (b) Giữ gìn bản sắc (Điều 8);
 - (c) Tự do ngôn luận và quyền tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin (Điều 13);
 - (d) Tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo (Điều 14);
 - (e) Tự do hiệp hội và hội hợp hòa bình (Điều 15);
 - (f) Bảo vệ sự riêng tư và bảo vệ hình ảnh (Điều 16);
 - (g) Tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn và bảo vệ khỏi các tài liệu có hại cho sự an toàn của trẻ em (Điều 17).
29. Nếu phù hợp, cũng có thể cung cấp thông tin về vai trò cụ thể của các phương tiện truyền thông trong việc thúc đẩy và bảo vệ QTE.

5. Bạo lực đối với trẻ em (Điều 19, 24, khoản 3, 28, khoản 2, 34, 37 (a) và 39)

30. Trong phần này, các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin liên quan và cập nhật về các vấn đề sau:
- (a) Lạm dụng và sao nhãng trẻ em (Điều 19);
 - (b) Các biện pháp để ngăn cấm và loại bỏ tất cả các tập tục có hại, bao gồm, nhưng không giới hạn, cắt bỏ bộ phận sinh dục nữ, tảo hôn và cưỡng hôn (Điều 24, khoản 3);
 - (c) Khai thác và lạm dụng tình dục (Điều 34);
 - (d) Quyền không bị tra tấn hay bị đối xử hoặc trừng phạt tàn tệ, vô

nhân đạo hay làm mất phẩm giá, bao gồm cả trừng phạt thể xác (Điều 37 (a) và 28, khoản 2);

(e) Các biện pháp để thúc đẩy phục hồi thể chất và tinh thần và tái hoà nhập xã hội cho nạn nhân là trẻ em (Điều 39);

(f) Đường dây nóng hỗ trợ trẻ em.

31. Trong phần này, các quốc gia phải xem xét khuyến nghị chung số 8 của Ủy ban (2006) về quyền được bảo vệ khỏi sự trừng phạt thân thể và các hình thức trừng phạt tồi tệ hoặc làm mất phẩm giá khác; Số 13 (2011) về quyền của trẻ em không bị bất kỳ hình thức bạo lực nào; và khuyến nghị chung số 31 của Ủy ban về Xóa bỏ Phân biệt đối xử với Phụ nữ/Khuyến nghị chung số 18 (2014) của Ủy ban QTE về các tập tục có hại.

6. Môi trường gia đình và chăm sóc thay thế (Điều 5, 9 - 11, 18, khoản 1 và 2, 20, 21, 25 và 27, khoản 4)

32. Trong nhóm quyền này, các quốc gia thành viên phải cung cấp thông tin cập nhật về các biện pháp lập pháp, xét xử, hành chính hoặc các biện pháp khác có đang có hiệu lực liên quan đến các vấn đề sau:

(a) Môi trường gia đình và định hướng của cha mẹ phù hợp với khả năng phát triển của trẻ (Điều 5);

(b) Trách nhiệm chung của cha mẹ, hỗ trợ cha mẹ và cung cấp các dịch vụ chăm sóc trẻ (Điều 18);

(c) Cách ly trẻ khỏi cha mẹ (Điều 9);

(d) Đoàn tụ gia đình (Điều 10);

(e) Thu hồi chi phí nuôi nấng trẻ (Điều 27, khoản 4);

(f) Trẻ em bị tước đoạt môi trường gia đình (Điều 20);

(g) Xem xét định kỳ chế độ chăm sóc trẻ (Điều 25);

(h) Nhận làm con nuôi (trong nước và nước ngoài) (Điều 21);

(i) Mang trẻ em ra nước ngoài bất hợp pháp và không đưa trở về (Điều 11);

(j) Các biện pháp bảo vệ trẻ em có cha mẹ bị giam giữ và trẻ em sống trong tù với mẹ.

33. Theo nhóm quyền này, các quốc gia phải xem xét khuyến nghị chung số 7 Ủy ban (2005) về việc thực hiện QTE giai đoạn đầu đời

và xem xét Hướng dẫn chăm sóc thay thế cho trẻ em (Nghị quyết Đại hội 64/142, Phụ lục)

7. Khuyết tật, chăm sóc sức khỏe cơ bản và phúc lợi (Điều 6, 18, khoản 3, 23, 24, 26, 27, khoản 1 - 3, và 33)

34. Trong phần này, các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin cập nhật liên quan đến trẻ em khuyết tật và các biện pháp đảm bảo phẩm giá, sự tự tin và tham gia tích cực vào cộng đồng thông qua việc tiếp cận với tất cả các loại hình dịch vụ, vận tải và các cơ sở chăm sóc, đặc biệt là các biện pháp giáo dục và hoạt động văn hoá (Điều 23).
35. Theo nhóm quyền này, các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin cập nhật liên quan đến:
 - (a) Quyền sinh tồn và phát triển (Điều 6, khoản 2);
 - (b) Y tế và dịch vụ y tế, đặc biệt là chăm sóc sức khoẻ ban đầu (Điều 24);
 - (c) Nỗ lực để giải quyết những thách thức về y tế nổi cộm nhất để thúc đẩy sức khoẻ tâm thần và thể chất của trẻ em và ngăn ngừa cũng như ứng phó với các bệnh truyền nhiễm và không lây nhiễm;
 - (d) Quyền sức khoẻ sinh sản của thanh thiếu niên và các biện pháp nhằm thúc đẩy lối sống lành mạnh;
 - (e) Các biện pháp bảo vệ trẻ em khỏi bị lạm dụng chất gây nghiện (Điều 33).
36. Trong phần này, các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin về:
 - (a) An sinh xã hội và các dịch vụ và cơ sở chăm sóc trẻ em (Điều 26 và 18, khoản 3);
 - (b) Mức sống và các biện pháp được thực hiện, bao gồm các chương trình hỗ trợ vật chất và các chương trình hỗ trợ liên quan đến dinh dưỡng, quần áo và nhà ở, để đảm bảo sự phát triển thể chất, tinh thần, đạo đức và xã hội của trẻ em cũng như để giảm nghèo và bất bình đẳng ở trẻ em (Điều 27, khoản 1-3)
37. Trong nhóm quyền này, các quốc gia thành viên cần phải xem xét khuyến nghị chung số 3 của Ủy ban (2003) về HIV / AIDS

và quyền của trẻ; Số 4 (2003) về sức khoẻ và phát triển vị thành niên trong khuôn khổ Công ước về QTE; Số 9 (2006) về quyền trẻ khuyết tật; và số 15 (2013) về quyền của trẻ được hưởng mức cao nhất có thể đạt được về mặt sức khoẻ (Điều 24).

8. Hoạt động giáo dục, giải trí và văn hóa (Điều 28 - 31)

38. Theo nhóm quyền này, các quốc gia thành viên phải cung cấp thông tin phù hợp và cập nhật về pháp luật và chính sách, việc thực hiện những luật và chính sách đó, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn lực tài chính và nhân lực và bất kỳ biện pháp nào khác để đảm bảo trẻ em được hưởng đầy đủ các quyền lợi tương ứng, từ giai đoạn giáo dục mầm non đến giáo dục đại học và dạy nghề, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và dễ bị tổn thương theo các mục sau:
- (a) Quyền được giáo dục bao gồm cả giáo dục dạy nghề và hướng nghiệp (Điều 28);
 - (b) Mục tiêu của giáo dục (Điều 29) có đề cập cả đến chất lượng giáo dục;
 - (c) Quyền văn hoá của trẻ em thuộc các nhóm dân tộc thiểu số và bản địa (Điều 30);
 - (d) Giáo dục về QCN và giáo dục công dân;
 - (e) Nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, và hoạt động văn hoá và nghệ thuật (Điều 31).
39. Theo nhóm quyền này, các quốc gia thành viên phải xem xét Khuyến nghị chung số 1 của Ủy ban (2001) về mục đích giáo dục; Số 7 (2005) về thực hiện QTE được giáo dục mầm non; Số 9 (2006)) về quyền của trẻ khuyết tật; Số 2009) 11) về trẻ em bản địa và quyền của các em theo Công ước; và số 2013) 17) về quyền được nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, đời sống văn hoá và nghệ thuật (Điều 31).

9. Các biện pháp bảo vệ đặc biệt (Điều 22, 30, 32, 33, 35, 36, 37 (b) - (d), và 38 - 40)

40. Theo nhóm quyền này, các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin liên quan đến các biện pháp đã thực hiện nhằm bảo vệ:

- (a) Trẻ em sống ở nước khác xin quy chế tị nạn (Điều 22), trẻ em xin tị nạn mà không có người lớn đi kèm, trẻ em vô gia cư trong nước, trẻ em di cư và trẻ em bị ảnh hưởng bởi di cư;
- (b) Trẻ em thuộc nhóm dân tộc thiểu số hoặc người bản địa (Điều 30);
- (c) Trẻ em đường phố;
- (d) Trẻ em trong các tình huống bị bóc lột, bao gồm cả các biện pháp phục hồi thể chất và tâm lý và tái hoà nhập xã hội:
 - (i) Trẻ bị bóc lột kinh tế, bao gồm cả lao động trẻ em (Điều 32), có tham chiếu cụ thể về độ tuổi tối thiểu được áp dụng;
 - (ii) Sử dụng trẻ em trong các hoạt động sản xuất, buôn bán trái phép chất ma túy và các chất gây nghiện (Điều 33);
 - (iii) Khai thác và lạm dụng tình dục (Điều 34);
 - (iv) Buôn bán và bắt cóc (Điều 35);
 - (v) Các hình thức bóc lột khác (Điều 36);
- (e) Trẻ em vi phạm pháp luật, nạn nhân trẻ em và nhân chứng trẻ em của tội phạm và tư pháp vị thành niên:
 - (i) Việc quản lý tư pháp vị thành niên (Điều 40), tòa án chuyên biệt và riêng biệt cũng như độ tuổi tối thiểu phải chịu trách nhiệm hình sự;
 - (ii) Trẻ em bị tước quyền tự do và các biện pháp để bảo đảm rằng việc bắt giữ, tạm giam hoặc bỏ tù một đứa trẻ sẽ được sử dụng như biện pháp cuối cùng và trong khoảng thời gian ngắn nhất và được cung cấp kịp thời các hỗ trợ pháp lý và hỗ trợ khác (Điều 37 (b) - (d));
 - (iii) Việc kết án trẻ em, đặc biệt là cấm hình phạt tử hình và án tù chung thân (Điều 37 (a)) và các hình thức xử phạt bổ sung dựa trên cách tiếp cận phục hồi;
 - (iv) Khôi phục thể chất và tinh thần và tái hoà nhập xã hội (Điều 39);
 - (v) Vấn đề đào tạo cho chuyên gia thuộc lĩnh vực tư pháp vị thành niên bao gồm thẩm phán và quan tòa, công tố viên,

luật sư, cán bộ thực thi pháp luật, cán bộ hộ tịch và nhân viên xã hội về các điều khoản của Công ước, các Nghị định thư không bắt buộc và các khuôn khổ pháp lý quốc tế khác trong lĩnh vực tư pháp vị thành niên, bao gồm Hướng dẫn về Tư pháp trong Các vấn đề liên quan đến Nạn Nhân và Nhân chứng Tội phạm là trẻ em (Nghị quyết Hội đồng kinh tế và Xã hội 2005/20, phụ lục);

(f) Trẻ em trong xung đột vũ trang (Điều 38), phục hồi thể chất và tinh thần và tái hòa nhập xã hội (Điều 39).

41. Theo nhóm quyền này, các quốc gia thành viên phải xem xét khuyến nghị chung số 6 của Ủy ban (2005) về việc đối xử với trẻ em không có người lớn đi cùng và bị tách khỏi cha mẹ ở nước khác; Số 10 (2007) về QTE trong tư pháp vị thành niên; và số 11 (2009) về trẻ em bản địa và quyền của các em theo Công ước.

10. Những nội dung cần báo cáo liên quan đến Nghị định thư không bắt buộc về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em

42. Các quốc gia tham gia Nghị định thư không bắt buộc về buôn bán, mại dâm và khiêu dâm trẻ em cần cung cấp thông tin về:

- (a) Việc thực hiện các khuyến nghị trong các kết luận trước đây của Ủy ban theo Nghị định thư không bắt buộc;
- (b) Bất kỳ những kết quả quan trọng nào liên quan đến cải thiện khuôn khổ pháp luật và chính sách để thực hiện Nghị định thư không bắt buộc, kể cả thông tin liên quan đến việc lồng ghép các điều khoản của Điều 2 và 3 vào luật hình sự của quốc gia thành cũng như việc miễn trừ ngoại giao đối với tội phạm đó;
- (c) Các biện pháp xác lập trách nhiệm của pháp nhân đối với những vi phạm theo Nghị định thư không bắt buộc;
- (d) Các biện pháp phòng ngừa và nâng cao nhận thức về các tác hại của tội phạm theo Nghị định thư không bắt buộc;
- (e) Các biện pháp tái hòa nhập xã hội, phục hồi tâm lý và thể chất cho trẻ em là nạn nhân của tội phạm theo Nghị định thư không

- bắt buộc và các biện pháp đảm bảo rằng các em được tiếp cận với các quy trình đòi bồi thường;
- (f) Các biện pháp đã áp dụng để bảo vệ trẻ em là nạn nhân và/hoặc nhân chứng của các hành vi bị cấm theo Nghị định thư không bắt buộc trong tất cả các giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự;
 - (g) Những nỗ lực nhằm thúc đẩy hợp tác và điều phối quốc tế giữa các cơ quan có thẩm quyền quốc gia và các tổ chức khu vực hoặc quốc tế và các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế có liên quan trong việc ngăn ngừa, phát hiện, điều tra, truy tố và trừng phạt các tội phạm như quy định trong Nghị định thư không bắt buộc;
 - (h) Các bước hỗ trợ hợp tác quốc tế giúp phục hồi thể chất và tâm lý, tái hoà nhập xã hội và hồi hương các nạn nhân của tội phạm thuộc Nghị định thư không bắt buộc, bao gồm viện trợ song phương và hỗ trợ kỹ thuật; Hỗ trợ hoạt động của các cơ quan, tổ chức quốc tế;

11. Những nội dung cần báo cáo liên quan đến Nghị định thư không bắt buộc về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang

43. Các quốc gia đã phê chuẩn Nghị định thư không bắt buộc về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang cần cung cấp thông tin về:
- (a) Việc thực hiện các khuyến nghị trong kết luận trước đó của Ủy ban theo Nghị định thư không bắt buộc;
 - (b) Tuổi tối thiểu tham gia quân đội;
 - (c) Tuổi tối thiểu được tự nguyện gia nhập quân đội;
 - (d) Bất kỳ những kết quả quan trọng nào liên quan đến cải thiện khuôn khổ pháp luật và chính sách để thực hiện Nghị định thư không bắt buộc, và việc xét xử các tội phạm đó đã được thực hiện chưa, bao gồm cả miễn trừ ngoại giao;
 - (e) Trẻ em có trực tiếp tham gia vào các hoạt động chiến sự không;
 - (f) Các biện pháp phục hồi sức khỏe thể chất và tâm lý cho trẻ em đã được tuyển dụng hoặc sử dụng trong các hoạt động chiến sự thông qua hợp tác kỹ thuật và hỗ trợ tài chính;

- (g) Trẻ em tìm kiếm nơi ẩn náu hoặc di cư có được sàng lọc để xác định em nào bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang và liệu những em được xác định đó có nhận được sự hỗ trợ đầy đủ để phục hồi về thể chất và tâm lý hay không;
- (h) Trẻ em có bị cáo buộc vi phạm tội ác chiến tranh khi các em được tuyển dụng hoặc sử dụng trong các hoạt động chiến sự.

PHỤ LỤC 2

Hướng dẫn về việc đưa thông tin thống kê và dữ liệu vào các báo cáo định kỳ do các quốc gia thành viên đệ trình theo Điều 44, Khoản 1 (b), của Công ước về QTE

I. Giới thiệu

1. Để chuẩn bị cho báo cáo định kỳ, các quốc gia thành viên phải tuân theo những nguyên tắc cụ thể của từng hiệp ước về hình thức và nội dung báo cáo, đồng thời nếu thích hợp cần đưa vào báo cáo thông tin và số liệu thống kê, như được mô tả trong phụ lục dưới đây, các số liệu được phân tách theo tuổi hoặc nhóm tuổi, giới tính, địa bàn (nông thôn hoặc thành thị), nhóm dân tộc thiểu số hoặc bản địa, dân tộc, tôn giáo, khuyết tật hoặc bất kỳ loại nào khác được coi là thích hợp.
2. Thông tin và số liệu thống kê phân tách do các quốc gia cung cấp phải là số liệu bao trùm khoảng thời gian kể từ khi trình báo cáo trước đó đến báo cáo lần này. Khuyến khích cung cấp bảng biểu trình bày xu hướng trong kỳ báo cáo và giải thích hoặc nhận xét về những thay đổi đáng kể đã xảy ra trong kỳ báo cáo.

II. Thông tin thống kê đưa vào báo cáo

A. Các biện pháp thực hiện chung (Điều 4, 42 và 44, khoản 6)

3. Các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin về việc phân bổ nguồn lực so với tổng chi tiêu cho dịch vụ xã hội liên quan trong giai đoạn báo cáo:
 - (a) Trợ cấp cho gia đình và/hoặc trẻ em, hệ thống hỗ trợ tiền mặt có điều kiện;
 - (b) Dịch vụ y tế, đặc biệt là dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu;
 - (c) Phát triển trẻ thơ (chăm sóc và giáo dục);
 - (d) Giáo dục (tiểu học, trung học), giáo dục và đào tạo nghề, giáo dục đặc biệt;

- (e) Các biện pháp bảo vệ trẻ em, bao gồm phòng chống bạo lực, lao động và khai thác tình dục trẻ em, và các chương trình phục hồi.
4. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu thống kê về tập huấn về Công ước cho các chuyên gia làm việc với trẻ em, bao gồm nhưng không giới hạn:
- (a) Nhân viên tư pháp, bao gồm thẩm phán và quan tòa;
 - (b) Nhân viên thực thi pháp luật;
 - (c) Giáo viên;
 - (d) Nhân viên y tế;
 - (e) Cán bộ công tác xã hội.

B. Định nghĩa trẻ em (Điều 1)

5. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như mô tả ở Đoạn 1 ở trên, về số lượng và tỷ lệ trẻ em dưới 18 tuổi đang sống tại quốc gia mình, và số trẻ em đã kết hôn, được phân tổ theo tuổi và các tiêu chuẩn khác có liên quan (đô thị/nông thôn, dân tộc, thiếu số hoặc người bản địa).

C. Nguyên tắc chung (Điều 6 ,3 ,2 và 12)

1. Quyền được sống, sống còn và phát triển (Điều 6)

6. Khuyến nghị các quốc gia thành viên cung cấp số liệu phân tách như mô tả trong đoạn 1 ở trên, về tỉ lệ tử vong của trẻ em dưới 18 tuổi:
- (a) Do bị hành quyết không đưa ra tòa, không theo thủ tục hoặc độc đoán;
 - (b) Do chịu hình phạt tử hình;
 - (c) Do bệnh tật, bao gồm HIV/AIDS, sốt rét, lao, bại liệt, viêm gan và nhiễm trùng hô hấp cấp;
 - (d) Do tai nạn giao thông hoặc các tai nạn khác;

- (e) Do bị giết hoặc các hình thức bạo lực khác;
- (f) Do tự tử.

2. Tôn trọng quan điểm của trẻ (Điều 12)

- 7. Các quốc gia thành viên cung cấp số liệu về:
 - (a) Các tổ chức và hội của trẻ em và thanh thiếu niên và số lượng thành viên mà các tổ chức này đại diện;
 - (b) Số lượng các trường có hội đồng học sinh/sinh viên độc lập;
 - (c) Trẻ em được lắng nghe trong các thủ tục tư pháp và hành chính, bao gồm cả thông tin về tuổi của các em.

D. Quyền và tự do dân sự (Điều 7, 8 và 13 - 17)

1. Đăng ký khai sinh (Điều 7)

- 8. Các quốc gia thành viên phải cung cấp thông tin về số lượng và tỉ lệ phần trăm trẻ em được đăng ký sau khi sinh, và thời điểm các em được đăng ký khai sinh.

2. Tiếp cận những thông tin phù hợp (Điều 17)

- 9. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu thống kê về số lượng thư viện mà trẻ em có thể tiếp cận được, bao gồm thư viện lưu động, và số lượng trường được trang bị công nghệ thông tin.

E. Bạo lực đối với trẻ em (Điều 19, 24, khoản 3, 28, khoản 2, 34, 37 (a) và 39)

1. Xâm hại và bỏ mặc (Điều 19), bao gồm cả phục hồi thể chất và tâm lý và tái hoà nhập xã hội (Điều 39)

- 10. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như mô tả ở Đoạn 1 ở trên về:
 - (a) Số lượng và tỉ lệ phần trăm trẻ em theo báo cáo là nạn nhân của việc lạm dụng và/hoặc bỏ bê bởi cha mẹ hoặc người thân/người chăm sóc khác;

- (b) Số lượng và tỷ lệ phần trăm các trường hợp báo cáo dẫn đến hình thức xử phạt hoặc các hình thức răn đe khác đối với người gây bạo lực;
- (c) Số lượng và tỷ lệ trẻ em được chăm sóc đặc biệt để phục hồi và tái hòa nhập xã hội.

2. Quyền không bị tra tấn, xử lý hoặc trừng phạt tàn nhẫn, vô nhân đạo hay hạ nhục (Điều 37 (a) và 28, khoản 2)

- 11. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như mô tả ở Đoạn 1 ở trên và theo loại bạo lực về:
 - (a) Số trẻ em được báo cáo là nạn nhân của tra tấn;
 - (b) Số trẻ em được báo cáo là nạn nhân của các hình thức xử phạt độc ác, vô nhân đạo hay hạ nhục hoặc các hình thức trừng phạt khác, bao gồm hôn nhân cưỡng ép và cắt xén bộ phận sinh dục nữ;
 - (c) Số lượng các vụ trừng phạt thân thể ở tất cả các cơ sở (các cơ sở chăm sóc trẻ em, trường học, gia đình, nhà dưỡng lão, các cơ quan và các nơi cung cấp dịch vụ cho trẻ em) và số lượng các vụ bắt nạt, tẩy chay;
 - (d) Số lượng và tỉ lệ phần trăm các vụ bạo lực được báo cáo theo (a), (b) và (c) ở trên có quyết định của tòa án hoặc các hình thức răn đe khác;
 - (e) Số lượng và tỷ lệ trẻ em được chăm sóc đặc biệt để phục hồi và tái hòa nhập xã hội;
 - (f) Số lượng các chương trình thực hiện để ngăn ngừa bạo lực thể chế và số lượng khóa đào tạo cung cấp cho nhân viên của các tổ chức về vấn đề này.

F. Môi trường gia đình và chăm sóc thay thế (Điều 5, 9-11, 18, khoản 1 và 2, 20, 21, 25 và 27, khoản 4)

1. Hỗ trợ gia đình (Điều 5 và 18, khoản 1 và 2)

- 12. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như mô tả ở Đoạn 1 ở trên về:

- (a) Số lượng các dịch vụ và chương trình hỗ trợ thích hợp cho cha mẹ và người giám hộ hợp pháp trong việc thực hiện các trách nhiệm nuôi dạy con cái và số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em và gia đình được hưởng lợi từ các dịch vụ và chương trình này;
- (b) Số lượng các dịch vụ chăm sóc và cơ sở giữ trẻ hiện có và phần trăm trẻ em và gia đình được tiếp cận dịch vụ đó.

2. Trẻ em không có sự chăm sóc của cha mẹ (Điều 9, khoản 1 - 4, 21 và 25)

- 13. Liên quan đến trẻ em bị tách khỏi cha mẹ, các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như mô tả trong đoạn 1 ở trên, về:
 - (a) Số trẻ em không có sự chăm sóc của bố mẹ được phân chia theo nguyên nhân (vd: xung đột vũ trang, nghèo đói, bỏ rơi do phân biệt đối xử, v .v.);
 - (b) Số trẻ em bị tách khỏi cha mẹ do quyết định của tòa án (liên quan đến tình huống cha mẹ lạm dụng hoặc bỏ bê, giam giữ, bỏ tù, di cư lao động, lưu vong hoặc trục xuất);
 - (c) Số lượng các cơ sở dành cho những trẻ em bị tách khỏi cha mẹ được phân bổ theo khu vực, số lượng chỗ trong cơ sở, tỷ lệ người chăm sóc trên tổng số trẻ và số lượng trung tâm chăm sóc;
 - (d) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em cách ly với cha mẹ sống trong các cơ sở chăm sóc hoặc nhà nuôi dưỡng, cũng như khoảng thời gian các em ở tại các cơ sở này và tần suất xem xét;
 - (e) Con số và tỷ lệ trẻ em đoàn tụ với bố mẹ sau được đưa vào cơ sở chăm sóc;
 - (f) Số trẻ em trong các chương trình nhận con nuôi trong nước, liên quốc gia và nhận làm con đỡ đầu phân tách theo tuổi tác, và nếu có liên quan, thông tin về nước xuất xứ và quốc gia nhận con nuôi.

3. Đoàn tụ gia đình (Điều 10)

- 14. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân theo giới tính, độ tuổi, nguồn gốc quốc gia và dân tộc đối với số trẻ em nhập cảnh hoặc rời khỏi đất nước để đoàn tụ gia đình, bao gồm số trẻ em tị nạn và tìm nơi trú ẩn mà không có người lớn đi cùng.

4. Mang trẻ em ra nước ngoài và không đưa trở về (Điều 11)

15. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như được mô tả trong đoạn 1 ở trên và theo nguồn gốc quốc gia, nơi cư trú và tình trạng gia đình, về:
- (a) Số trẻ em bị bắt cóc từ và vào quốc gia thành viên;
 - (b) Số lượng kẻ bắt cóc bị bắt và bị xử tại tòa án (hình sự).

5. Trẻ em có cha mẹ bị bỏ tù

16. Các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin về số trẻ em có cha mẹ bị tù hoặc trẻ em sống trong tù cùng mẹ và tuổi trung bình của những em đó.

G. Khuyết tật, chăm sóc sức khỏe cơ bản và phúc lợi (điều 6, 18, khoản 3, 23, 24, 26, 27, khoản 1-3, và 33)

1. Trẻ khuyết tật (Điều 23)

17. Các quốc gia thành viên phải xác định số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em khuyết tật được phân tách theo mô tả trong đoạn 1 ở trên và tách theo tính chất tàn tật:
- (a) Cha mẹ nhận hỗ trợ vật chất đặc biệt, hỗ trợ tâm lý xã hội hoặc những hỗ trợ khác;
 - (b) Trẻ đang sống trong các cơ sở, bao gồm các cơ sở cho trẻ khuyết tật về tâm thần, hoặc sống ngoài gia đình, chẳng hạn như trong trại trung tâm chăm sóc nuôi dưỡng;
 - (c) Trẻ đang đi học tại nhà trường;
 - (d) Trẻ đi học tại các trường chuyên biệt;
 - (e) Trẻ không đi học hoặc đến các cơ sở tương tự.

2. Sức khỏe và dịch vụ y tế (Điều 24)

18. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như được mô tả trong đoạn 1 ở trên

- (a) Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi;
 - (b) Tỷ lệ trẻ sinh ra nhẹ cân;
 - (c) Tỷ lệ trẻ nhẹ cân, suy dinh dưỡng và còi cọc;
 - (d) Tỷ lệ tử vong trẻ em do tự tử;
 - (e) Tỷ lệ hộ gia đình không có điều kiện vệ sinh và tiếp cận nước sạch
 - (f) Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được chủng ngừa đầy đủ đối với bệnh lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt và sởi;
 - (g) Tỷ lệ tử vong mẹ có nêu cả nguyên nhân chính;
 - (h) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận và hưởng lợi từ chăm sóc sức khỏe trước và sau sinh;
 - (i) Tỷ lệ trẻ em được sinh tại bệnh viện;
 - (j) Tỷ lệ nhân viên được đào tạo về chăm sóc và sinh nở tại bệnh viện
 - (k) Tỷ lệ bà mẹ thực hiện việc cho bú sữa mẹ hoàn toàn và trong bao lâu.
19. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như được mô tả trong đoạn 1 ở trên
- (a) Số trẻ em bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS;
 - (b) Số lượng/phần trăm trẻ được trợ giúp, bao gồm điều trị y tế, tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ;
 - (c) Số lượng/phần trăm trẻ em sống với người thân, trong cơ sở chăm sóc nuôi dưỡng hoặc trên đường phố;
 - (d) Số hộ gia đình mà trẻ em làm chủ hộ do bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
20. Các quốc gia thành viên cần cung cấp dữ liệu liên quan đến sức khỏe vị thành niên về:
- (a) Số thanh thiếu niên bị ảnh hưởng bởi thai kỳ sớm, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục, các vấn đề về sức khỏe tâm thần, lạm dụng ma túy và rượu, được phân tách theo mô tả trong đoạn 1 ở trên;
 - (b) Số lượng các chương trình và dịch vụ giúp phòng ngừa và điều trị các vấn đề về sức khỏe vị thành niên.

3. Lạm dụng ma túy và chất gây nghiện (Điều 33)

21. Các quốc gia thành viên cần cung cấp thông tin về số lượng trẻ em là nạn nhân của lạm dụng chất ma túy và chất gây nghiện và số chương trình trợ giúp có sẵn.

H. Hoạt động giáo dục, giải trí và văn hóa (Điều 28 - 31)

22. Các quốc gia thành viên cần cung cấp số liệu phân tách theo mô tả trong đoạn 1 ở trên về:

- (a) Tỷ lệ biết chữ của trẻ em và người lớn;
- (b) Tỷ lệ nhập học thô và tỷ lệ nhập học tinh ở bậc tiểu học, trung học và tại trung tâm dạy nghề;
- (c) Tỷ lệ lưu ban, hoàn thành bậc học và chuyển tiếp, và tỷ lệ bỏ học ở bậc tiểu học, trung học và dạy nghề;
- (d) Tỷ lệ giáo viên/học sinh trung bình, chỉ rõ sự khác biệt giữa các vùng miền hoặc giữa nông thôn/thành thị, cũng như tỷ lệ giáo viên được đào tạo;
- (e) Số lượng trẻ em bản địa và trẻ em dân tộc thiểu số được học bằng tiếng mẹ đẻ theo chương trình do Nhà nước tài trợ;
- (f) Tỷ lệ % trẻ em trong hệ thống giáo dục không chính quy;
- (g) Tỷ lệ trẻ em học mầm non và các cơ sở phát triển trẻ thơ khác;
- (h) Số lượng/phần trăm trẻ em tham gia các chương trình ngoại khóa
- (i) Số sân chơi công cộng trong cộng đồng, đồng thời chỉ rõ sân chơi ở nông thôn hay thành thị;
- (j) Số trẻ em tham gia các hoạt động vui chơi, thể thao, văn hoá và nghệ thuật có tổ chức, có nêu rõ trẻ ở nông thôn hay thành thị.

I. Các biện pháp bảo vệ đặc biệt (Điều 22, 30, 32, 33, 35, 36, 37 (b) - (d), và 38 - 40)

1. Trẻ em ở nước ngoài đang tìm kiếm sự bảo vệ người tị nạn (Điều 22) và trẻ em di cư trong nước

23. Các quốc gia thành viên cần cung cấp số liệu phân tách theo mô tả ở đoạn 1 ở trên cũng như thông tin về quốc gia xuất xứ,

quốc tịch và tình trạng đi kèm hoặc không có người đi kèm liên quan đến:

- (a) Số trẻ em di cư trong nước, tìm nơi ẩn náu hoặc tị nạn;
- (b) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em đi học tiểu học, trung học, dạy nghề và được tiếp cận dịch vụ y tế và các dịch vụ khác;
- (c) Số trẻ em đã biến mất trong hoặc sau thời điểm tiến hành tố tụng để xác định tình trạng hội đủ điều kiện của các em.

2. Bóc lột kinh tế trẻ em bao gồm cả lao động trẻ em (Điều 32)

24. Về các biện pháp bảo vệ đặc biệt, các quốc gia phải cung cấp số liệu thống kê phân tách theo mô tả trong đoạn 1 ở trên, về:

- (a) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em dưới độ tuổi lao động tối thiểu nhưng có tham gia vào lao động trẻ em theo định nghĩa của Công ước về Tuổi tối thiểu của Tổ chức Lao động Quốc tế, 1973 (số 138) và Công ước về Những hình thức Lao động Trẻ em Tối tệ nhất 1999 (Số 182), phân theo loại hình công việc;
- (b) Số lượng và tỷ lệ % trẻ em được tiếp cận với hỗ trợ phục hồi và tái hoà nhập, bao gồm giáo dục cơ bản miễn phí và/hoặc dạy nghề;
- (c) Số trẻ em đường phố.

3. Bóc lột, lạm dụng tình dục và buôn bán người (Điều 34 và 35)

25. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách theo mô tả trong đoạn 1 ở trên và theo các loại vi phạm được báo cáo liên quan đến:

- (a) Số trẻ em bị bóc lột tình dục, bao gồm mại dâm, khiêu dâm và buôn người;
- (b) Số trẻ em đó được tiếp cận các chương trình phục hồi chức năng;
- (c) Số vụ khai thác tình dục, lạm dụng tình dục và bán trẻ em, bắt cóc trẻ em và bạo lực đối với trẻ em trong kỳ báo cáo;
- (d) Số lượng và tỷ lệ phần trăm các trường hợp nêu trên đã dẫn đến hình phạt, có nêu rõ thông tin về nước xuất xứ của người gây bạo lực và tính chất của hình phạt áp dụng;
- (e) Số trẻ em bị buôn bán vì mục đích khác, bao gồm lao động;
- (f) Số cán bộ biên giới và cán bộ thực thi pháp luật đã được tập huấn về ngăn chặn nạn buôn bán trẻ em và đảm bảo tôn trọng nhân phẩm.

4. Trẻ em vi phạm pháp luật, và quản lý tư pháp vị thành niên (Điều 40)

26. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như mô tả trong đoạn 1 ở trên, bao gồm cả loại hình tội phạm trong các lĩnh vực:
- (a) Số trẻ em dưới 18 tuổi bị cảnh sát bắt giữ vì vi phạm luật pháp;
 - (b) Tỷ lệ các trường hợp được hỗ trợ pháp lý hoặc hỗ trợ khác;
 - (c) Số lượng và tỉ lệ % trẻ dưới 18 tuổi:
 - (i) Được giới thiệu đến các chương trình chuyển hướng;
 - (ii) Bị tòa tuyên án phạm tội và nhận án treo hoặc đã nhận hình phạt khác không bị tước quyền tự do;
 - (iii) Nhận các biện pháp trừng phạt thay thế dựa trên cách tiếp cận phục hồi;
 - (iv) Tham gia chương trình tập sự;
 - (d) Tỷ lệ các trường hợp tái phạm.

5. Trẻ em bị tước quyền tự do, bao gồm bất kỳ hình thức giam giữ, bỏ tù hoặc tạm giam nào (Điều 37 (b) - (d))

27. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như mô tả trong đoạn 1 ở trên, bao gồm địa vị xã hội, nguồn gốc và loại hình tội phạm, đối với trẻ em vi phạm pháp luật liên quan đến:
- (a) Số trẻ em dưới 18 tuổi bị giam giữ tại đồn cảnh sát hoặc tạm giam trước khi bị cáo buộc phạm tội đã được báo cáo với cảnh sát và thời gian giam giữ trung bình;
 - (b) Số lượng các tổ chức dành riêng cho người dưới 18 tuổi bị tố cáo hoặc bị buộc tội hoặc thừa nhận đã vi phạm pháp luật hình sự;
 - (c) Số trẻ em dưới 18 tuổi tại các cơ sở giam giữ và thời gian bị giam giữ trung bình;
 - (d) Số trẻ em dưới 18 tuổi bị giam tại các cơ sở không tách biệt với người lớn;
 - (e) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em dưới 18 tuổi đã bị tòa án kết tội và đã bị kết án tù, và thời gian bị giam giữ trung bình;

- (f) Số trường hợp lạm dụng và ngược đãi đối với những trẻ em dưới 18 tuổi khi bị bắt và giam giữ/bỏ tù được báo cáo lên.

6. Trẻ em trong xung đột vũ trang (Điều 38), bao gồm phục hồi thể chất và tâm lý và tái hòa nhập xã hội (Điều 39)

28. Các quốc gia thành viên phải cung cấp số liệu phân tách như mô tả trong đoạn 1 ở trên, về:
- (a) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em dưới 18 tuổi được tuyển dụng hoặc tự nguyện tham gia vào lực lượng vũ trang và tỷ lệ trẻ em tham gia vào các hoạt động thù địch;
 - (b) Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em đã được giải ngũ khỏi các nhóm hay lực lượng vũ trang và đã tái hòa nhập cộng đồng, bao gồm tỷ lệ trẻ em đi học trở lại và đoàn tụ với gia đình;
 - (c) Số lượng và tỷ lệ thương vong trẻ em do xung đột vũ trang;
 - (d) Số trẻ em được nhận hỗ trợ nhân đạo;
 - (e) Số trẻ em được nhận hỗ trợ để phục hồi về thể chất và tâm lý sau khi tham gia vào xung đột vũ trang.

7. Nghị định thư không bắt buộc đối với Công ước về QTE về bán, mại dâm và khiêu dâm trẻ em

29. Các quốc gia thành viên của Nghị định thư không bắt buộc với Công ước về QTE về bán, mại dâm và khiêu dâm trẻ em cần cung cấp số liệu phân theo giới tính, tuổi, nhóm dân tộc và thành thị hoặc nông thôn:
- (a) Số vụ bán, mại dâm và khiêu dâm trẻ em và du lịch mại dâm trẻ em được báo cáo;
 - (b) Số vụ đã bị điều tra, truy tố và xử phạt;
 - (c) Số lượng trẻ em là nạn nhân của tội phạm đã được hỗ trợ hoặc bồi thường thiệt hại theo các quy định tại Điều 9, khoản 3 và khoản 4 của Nghị định thư không bắt buộc.

8. Nghị định thư không bắt buộc với Công ước về QTE về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang

30. Các quốc gia thành viên của Nghị định thư không bắt buộc với Công ước về QTE về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ

trang cần cung cấp số liệu phân theo giới tính, độ tuổi và nhóm dân tộc về:

- (a) Số học sinh theo học các trường quân sự và độ tuổi nhập học tối thiểu;
- (b) Số trẻ tị nạn và tìm kiếm tị nạn nhập vào Quốc gia thành viên từ các khu vực có trẻ em có thể đã bị tuyển dụng hoặc sử dụng trong chiến sự;
- (c) Số trẻ em được hưởng lợi từ việc phục hồi thể chất và tâm lý và tái hòa nhập xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Công ước Quốc tế về QTE (CRC)

Child Rights Connect (undated) NGO written submission for the Universal Periodic Review Information for NGOs, Switzerland. (Với sự đồng ý của Child Rights Connect trong việc biên dịch tài liệu sang tiếng Việt)

Child Right Connect (2011) My pocket guide to CRC Reporting, Switzerland.

Ennew, Judith (1997) Monitoring Children's Rights: Indicators for Children's Rights Project.

Equitas (2016) International Human Rights training program - Participant's manual, Canada

German Institute for Human Rights (2014) ABC of Children's Rights #1 - M for Monitoring and S for State Obligation.

Ngô Thị Thu Hà (2018) Tập huấn MOCK CRC tổ chức bởi Trung tâm nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD), ngày 20-22/4/2018 tại Hà Nội.

OHCHR (2009) Committee on the Rights of the child (2015) Treaty-specific guidelines regarding the form and content of periodic reports to be submitted by States parties under article 44, paragraph 1 (b), of the Convention on the Rights of the Child. [Online]

OHCHR (2012) Human rights indicators: A guide to measurement and implementation, UN.

OHCHR (2008) Working with the United Nations Human Rights Programme: A Handbook for Civil Society, Geneva. [online] <http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/TBPetitions/Pages/HRTBPetitions.aspx>

Trung tâm nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) (2015) Báo cáo khảo sát khả năng tự phát triển của các TCXH Việt Nam, Vietnam.

Ủy ban QTE (2015) Hướng dẫn cụ thể về hình thức và nội dung báo cáo định kỳ do các quốc gia thành viên đệ trình theo điều 44, khoản 1 (b), của Công ước về QTE *

* Được thông qua bởi Ủy ban tại kỳ họp thứ sáu mươi lăm (13 - 31 tháng 1 năm 2014).

Van Rooy, A. (2002) Strengthening civil society in developing countries. In Desai, V. and Potter, R. (eds). The companion to development studies, London: Arnold; Suffolk, United Kingdom: Global Gutter Press

Valtmeyer, H. (2012) Civil society and development. In Haslam, P et al. (eds.) Introduction to international development: Approach, actors and issues, 2nd edition, Oxford: Oxford University Press.

Willis, K. (ed.) (2011) Theories and Practices of Development, London: Routledge.

Trang mạng (website)

Child Right Connect's Task force on SRP: The UNCRC Simplified Reporting Procedure (SRP) - Frequently Asked Questions (FAQ) http://crcreporting.childrightsconnect.org/wp-content/uploads/2018/02/SRP_FAQ_FINAL_PUBLIC_February2018.pdf

OHCHR về thông tin báo cáo các công ước nhân quyền chính <http://tbin-ternet.ohchr.org/layouts/TreatyBodyExternal/countries.aspx?Country-Code=VNM&Lang=EN>

OHCHR, Ủy ban CRC: Chu trình báo cáo đơn giản hoá (SRP) - Thông tin dành cho Các bên liên quan ngoài nhà nước <https://www.ohchr.org/Documents/HRBodies/CRC/InfoNoteStakeholdersSRPDec2017.pdf>

OHCHR, Ủy ban CRC: Chu trình báo cáo đơn giản hoá (SRP) - Thông tin dành cho Quốc gia thành viên <https://www.ohchr.org/Documents/HRBodies/CRC/InfoNoteStatesSRPDec2017.pdf>

OHCHR, Ủy ban CRC: Chu trình báo cáo đơn giản hoá (SRP) <https://www.ohchr.org/EN/HRBodies/CRC/Pages/ReportingProcedure.aspx>

UPR info [online] <https://www.upr-info.org/en/review/Viet-Nam>



THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CỨU TRỢ TRẺ EM

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em là tổ chức phi chính phủ lớn nhất hoạt động vì trẻ em trên thế giới. Tổ chức Cứu trợ Trẻ em được thành lập năm 1919 và hiện đang làm việc tại 120 quốc gia.

Sứ mệnh của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em là thúc đẩy những đột phá trong việc quan tâm tới trẻ em trên thế giới nhằm đạt được sự thay đổi nhanh chóng và lâu dài cho cuộc sống của trẻ em.

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em tin rằng mọi trẻ em đều xứng đáng có một tương lai. Tổ chức Cứu trợ Trẻ em mang đến cho trẻ em trên thế giới một khởi đầu tốt đẹp hơn trong cuộc sống, cơ hội để học tập và được bảo vệ khỏi bị xâm hại *“Chúng tôi làm tất cả những gì cần phải làm cho trẻ em - trong cuộc sống hàng ngày và trong những thời điểm khủng hoảng - để thay đổi cuộc sống của các em và tương lai của tất cả chúng ta”*

Tham vọng của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em đến năm 2030 là thúc đẩy ba bước đột phá sau:

- ✧ **Sống còn:** Không có trẻ em nào bị tử vong vì những lí do có thể phòng tránh được trước 5 tuổi
- ✧ **Học tập:** Tất cả trẻ em có được một nền giáo dục cơ bản có chất lượng
- ✧ **Được bảo vệ:** Bạo lực đối với trẻ em không còn được dung túng.

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em bắt đầu hoạt động tại Việt Nam vào năm 1990, từ đó đến nay, chương trình của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em đã phát triển, mở rộng và hiện bao gồm những lĩnh vực chính là Giáo dục, Sức khỏe và Dinh dưỡng, Bảo vệ trẻ em, Quản trị Quyền Trẻ em, Giảm nghèo cho Trẻ em, Giảm nhẹ Rủi ro, Thiên tai và Ứng phó Khẩn cấp.

Hiện nay Tổ chức Cứu trợ Trẻ em có mặt ở 20 tỉnh trên cả nước với văn phòng tại Hà Nội, Lào Cai, Đà Nẵng và Thành Phố Hồ Chí Minh. Khi thực hiện chương trình, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em cộng tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, khối tư nhân cũng như các viện nghiên cứu.

Tài trợ thực hiện chương trình của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em đến từ các chính phủ, doanh nghiệp, quý và tổ chức, cũng như từ những nhà tài trợ cá nhân.

Để đạt được những thay đổi trực tiếp và lâu dài cho cuộc sống của trẻ em Việt Nam, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em thực hiện cả chương trình phát triển và nhân đạo. Trong các chương trình khác nhau, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em cố gắng rằng MỌI TRẺ EM sẽ có cơ hội để Sống Còn, Học Tập và Được Bảo Vệ. Tổ chức Cứu trợ Trẻ em chú trọng đặc biệt vào những trẻ em dễ bị tổn thương và yếu thế nhất trong một cộng đồng, bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em nhập cư và gia đình của các em.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Số 175 Giảng Võ - Hà Nội

Điện thoại: 04 38515380; Fax: 04 38515381

Email: info@nxblaodong.com.vn

Website: www.nxblaodong.com.vn

Chi nhánh phía Nam

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

ĐT: 08 38390970; Fax: 08 39257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

Võ Thị Kim Thanh

Biên tập

Mai Thị Thanh Hằng

Biên soạn:

Ths. Hoàng Thu Trang

(tái bản 2019)

Hiệu đính: Ths. Nguyễn Thị Bích Diệp

và các thành viên Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD)

In 200 cuốn, khổ 14.5x21cm, tại Công ty CP In và truyền thông Gia Long

Đc: Số 5 Ngõ 1194/61/2 Đường Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB:Số quyết định:...../QĐ-NXBLĐ ngày
..... Mã ISBN: In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2019



Sách không bán

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MSD)

ĐT: +84.24.62769056

Email: contact@msdvietnam.org / Website: www.msdvietnam.org